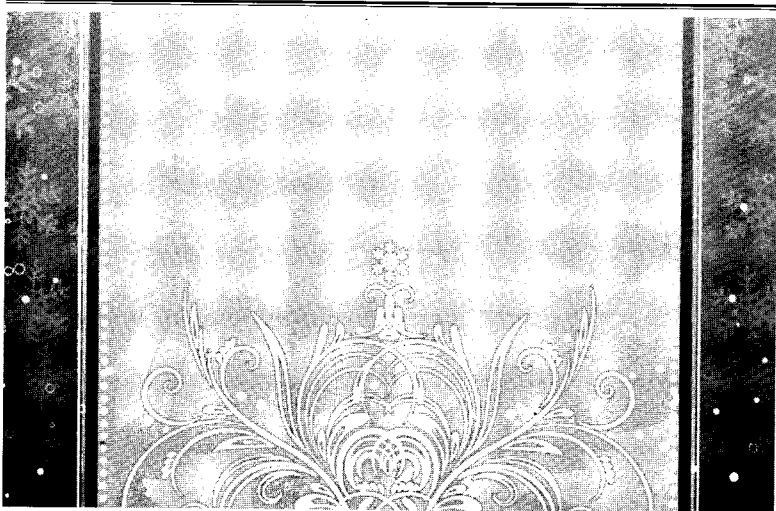


LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 87



Phẩm Thứ Bảy Mười Lăm (TIẾP THEO)



Tam Thứ Đệ Học (tiếp theo)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát biết các pháp vô sở hữu tánh là nhân tu 4 thiên, 5 thân thông. Như vậy, ở nơi các pháp vô sở hữu tánh, hàng Bồ tát sơ phát tâm phải làm sao để thứ lớp tu, thứ lớp học, thứ lớp hành đạo, mới đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Từ lúc ban đầu, Bồ tát phải thân cận, cúng dường chư Phật để được nghe pháp; thân cận, cúng dường chư Thanh Văn để được nghe pháp. Do được nghe pháp như vậy mà được vô sở hữu tánh. Chư Phật, chư Hiền Thánh do được vô sở hữu tánh mà thành tựu được đạo quả. Hết thấy các pháp hữu vi chỉ là pháp được làm ra (tác pháp), và đều là chẳng có tánh. Chẳng có pháp nào là có tánh cả.

Bồ tát nghe như vậy rồi phải tự niệm rằng, “Hết thấy pháp đều là vô sở hữu tánh. Chư Phật, chư Hiền Thánh do được vô sở hữu tánh mà thành tựu được đạo quả. Như vậy, vì sao ta lại chẳng phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề? Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề rồi, ta sẽ vì chúng sanh thuyết pháp, khiến họ xả ly các chấp mà an trú trong vô sở hữu tánh”.

Này Tu Bồ Đề! Tư duy như vậy rồi, Bồ tát phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề, nhằm độ hết thấy chúng sanh.

Bởi vậy nên chỗ sở hành của Bồ tát có thứ lớp: Thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo. Cũng như chư Phật quá khứ, Bồ tát thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo như vậy sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Hàng tân học Bồ tát phải như vậy hành 6 pháp Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát tự mình hành bố thí, dạy người khác hành bố thí, tán thán công đức bố thí, hoan hỷ tán thán người hành bố thí. Do nhân duyên bố thí mà Bồ tát được đại phước báo, giàu sang, phú quý. Cũng do nhân duyên bố thí mà Bồ tát xa lìa được lòng xan tham, bôn xén, sẵn sàng đem tài vật ra bố thí cho chúng sanh.

Do bố thí và trì giới mà Bồ tát sanh làm người hay làm trời để được tôn quý. Do bố thí và trì giới mà Bồ tát được các thiên định. Do bố thí, trì giới và thiên định mà Bồ tát được trí huệ giải thoát, giải thoát tri kiến, nên vượt qua được các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, để nhập vào Bồ tát vị. Do vào Bồ tát vị mà Bồ tát thanh tịnh được Phật độ, thành tựu được chúng sanh... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí. Do được Nhất thiết chủng trí mà Bồ tát mới chuyển pháp luân, đem 3 thừa pháp giáo hóa chúng sanh, độ họ thoát khỏi sanh tử.

Bồ tát bố thí theo thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo như vậy, mà biết rõ tất cả đều bất khả đắc. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tự tánh không.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát tự mình hành trì giới, dạy người khác hành trì giới, tán thán công đức trì giới, hoan hỷ tán thán người hành trì giới.

Do nhân duyên trì giới mà Bồ tát sanh làm người hay làm trời đều được tôn quý.

Bồ tát thấy người chẳng trì giới, thì khuyên họ trì giới; thấy người loạn tâm thì khuyên họ tu thiền định; thấy người si mê thì dạy họ tu trí huệ; thấy người chẳng giải thoát thì dạy tu giải thoát; thấy người chẳng giải thoát tri kiến, thì dạy tu giải thoát tri kiến.

Do trì giới, thiền định, giải thoát, giải thoát tri kiến, mà Bồ tát vượt qua được hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật để nhập vào Bồ tát vị. Do vào Bồ tát vị mà Bồ tát thanh tịnh được Phật độ, thành tựu được chúng sanh... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí. Do được Nhất thiết chủng trí mà Bồ tát mới chuyển pháp luân, đem 3 thừa pháp giáo hóa chúng sanh, độ họ thoát khỏi sanh tử.

Bồ tát trì giới theo thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo như vậy, mà biết rõ tất cả đều bất khả đắc. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tự tánh không.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát tự mình hành nhẫn nhục, dạy người khác hành nhẫn nhục, tán thán công đức nhẫn nhục, hoan hỷ tán thán người hành nhẫn nhục.

Khi hành nhẫn nhục Ba-la-mật như vậy, Bồ tát bố thí đầy đủ cho chúng sanh, dạy họ tu trì giới, thiền định, trí huệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Do bố thí, nhẫn nhục, thiền định trí huệ như vậy, mà Bồ tát vượt qua được hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật để nhập vào Bồ tát vị. Do vào Bồ tát vị mà Bồ tát thanh tịnh được Phật độ, thành tựu được chúng sanh... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí. Do được Nhất thiết chủng trí mà Bồ tát mới chuyển

pháp luân, đem 3 thừa pháp giáo hóa chúng sanh, độ họ thoát khỏi sanh tử.

Bồ tát nhẫn nhục theo thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo như vậy, mà biết rõ tất cả đều bất khả đắc. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tự tánh không.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát tự mình hành tinh tấn, dạy người khác hành tinh tấn, tán thán công đức tinh tấn, hoan hỷ tán thán người hành tinh tấn.

Khi hành tinh tấn như vậy, Bồ tát bố thí đầy đủ cho chúng sanh, dạy cho chúng sanh tu trì giới, thiền định, trí huệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Do bố thí, tinh tấn, thiền định trí huệ như vậy, mà Bồ tát vượt qua được hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật để nhập vào Bồ tát vị. Do vào Bồ tát vị mà Bồ tát thanh tịnh được Phật độ, thành tựu được chúng sanh... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí. Do được Nhất thiết chủng trí mà Bồ tát mới chuyển pháp luân, đem 3 thừa pháp giáo hóa chúng sanh, độ họ thoát khỏi sanh tử.

Bồ tát tinh tấn theo thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo như vậy, mà biết rõ tất cả đều bất khả đắc. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tự tánh không.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát tự mình vào thiền định, vào 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, cũng dạy người vào thiền định, vào 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, tán thán công đức hành thiền định, hành 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; hoan hỷ tán thán người vào thiền định, vào 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định.

Trú trong các thiền, Bồ tát bố thí đầy đủ cho chúng sanh, dạy cho họ tu trì giới, thiền định, trí huệ, giải thoát

và giải thoát tri kiến. Do bố thí, tinh tấn, thiền định trí huệ như vậy, mà Bồ tát vượt qua được hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật để nhập vào Bồ tát vị. Do vào Bồ tát vị mà Bồ tát thanh tịnh được Phật độ, thành tựu được chúng sanh... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí. Do được Nhất thiết chủng trí mà Bồ tát mới chuyển pháp luân, đem 3 thừa pháp giáo hóa chúng sanh, độ họ thoát khỏi sanh tử.

Bồ tát vào các thiền định theo thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo như vậy, mà biết rõ tất cả đều bất khả đắc. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tự tánh không.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, tự mình hành 6 pháp Ba-la-mật, cũng dạy người khác hành 6 pháp Ba-la-mật, tán thán công đức hành 6 pháp Ba-la-mật, hoan hỷ tán thán người hành 6 pháp Ba-la-mật.

Do nhân duyên hành 6 pháp Ba-la-mật như vậy, mà Bồ tát vượt qua được hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật để vào Bồ tát vị. Do vào Bồ tát vị mà Bồ tát thanh tịnh được Phật độ, thành tựu được chúng sanh... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí. Do được Nhất thiết chủng trí mà Bồ tát mới chuyển pháp luân, đem 3 thừa pháp giáo hóa chúng sanh, độ họ thoát khỏi sanh tử.

Bồ tát vào 6 pháp Ba-la-mật theo thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo như vậy, mà biết rõ tất cả đều bất khả đắc. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tự tánh không.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến nay, do được tâm tương ưng với Nhất thiết chủng trí mà Bồ tát thâm tín các pháp tự tánh không, thường tu 6 niệm, gồm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Xả và niệm Thiên.

*** Thế nào gọi là tu niệm Phật?**

Này Tu Bồ Đề! Khi niệm Phật Bồ tát chẳng lấy sắc để niệm, chẳng lấy thọ, thọ, tưởng, hành, thức để niệm. Vì sao? Vì sắc... dẫn đến thức đều là tự tánh không, mà pháp tự tánh không là pháp vô sở hữu tánh (chẳng có tánh). Cho nên vô sở niệm (chẳng có chỗ niệm) mới chính là niệm Phật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi niệm Phật, Bồ tát chẳng lấy 32 tướng tốt để niệm, chẳng lấy thân kim sắc (sắc vàng ròng) để niệm, chẳng lấy hào quang một trượng để niệm, chẳng lấy 80 vẻ đẹp để niệm. Vì sao? Vì thân Phật là tự tánh không, mà pháp tự tánh không là pháp vô sở hữu tánh. Cho nên vô sở niệm mới chính là niệm Phật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi niệm Phật, Bồ tát chẳng lấy giới chúng, định chúng, huệ chúng, giải thoát chúng, giải thoát tri kiến chúng để niệm. Vì sao? Vì giới chúng... dẫn đến giải thoát tri kiến chúng là tự tánh không, mà pháp tự tánh không là pháp vô sở hữu tánh. Cho nên vô sở niệm mới chính là niệm Phật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi niệm Phật, Bồ tát chẳng lấy 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi để niệm Phật. Vì sao? Vì 10 Phật lực... dẫn đến đại từ, đại bi đều là tự tánh không, mà pháp tự tánh không là pháp vô sở hữu tánh. Cho nên vô sở niệm mới chính là niệm Phật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi niệm Phật, Bồ tát chẳng lấy 12 nhân duyên để niệm Phật, Vì sao? Vì 12 nhân duyên đều là tự tánh không, mà pháp tự tánh không là pháp vô sở hữu tánh. Cho nên vô sở niệm mới chính là niệm Phật.

Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phải nên niệm Phật như vậy. Từ sơ phát tâm, Bồ tát phải như vậy mà thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo. Trú trong đó, Bồ tát được đầy đủ 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, đầy đủ 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác”, ... dẫn đến đầy đủ Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì các pháp đều là tự tánh không, đều là vô sở hữu tánh (chẳng có tánh). Ở nơi vô sở hữu tánh chẳng có tánh CÓ, cũng chẳng có tánh KHÔNG.

* Thế nào gọi là tu niệm Pháp?

Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng niệm thiện pháp, chẳng niệm bất thiện pháp, chẳng niệm ký pháp, chẳng niệm vô ký pháp, chẳng niệm thế gian pháp, chẳng niệm xuất thế gian pháp, chẳng niệm tịnh pháp, chẳng niệm uế pháp, chẳng niệm thánh pháp, chẳng niệm phàm phu pháp, chẳng niệm hữu lậu pháp, chẳng niệm vô lậu pháp, chẳng niệm pháp thuộc về 3 cõi, chẳng niệm hữu vi pháp, chẳng niệm vô vi pháp. Vì sao? Vì các pháp đều là tự tánh không, mà pháp tự tánh không là pháp vô sở hữu tánh. Cho nên vô sở niệm (chẳng có chỗ niệm) mới là niệm pháp. Do học các pháp vô sở hữu tánh như vậy, nên Bồ tát được đầy đủ 4 niệm xứ... dẫn đến đầy đủ Nhất thiết chủng trí, được Vô Thượng Bồ Đề. Được Vô Thượng Bồ Đề là được các pháp vô sở hữu tánh. Ở nơi vô sở hữu tánh chẳng có tánh CÓ, cũng chẳng có tánh KHÔNG.

Bồ tát phải nên tu niệm pháp như vậy. Bồ tát tu niệm pháp như vậy, mà ở nơi hết thấy pháp đều chẳng có niệm.

* Thế nào gọi là tu niệm Tăng?

Này Tu Bồ Đề! Ở nơi vô vi mà phân biệt có đệ tử Phật,

có chúng đệ tử Phật, nên Bồ tát niệm Tăng chẳng thấy có chỗ niệm, hướng nữa là thật có niệm Tăng.

Bồ tát phải nên tu niệm Tăng như vậy.

*** Thế nào gọi là tu niệm giới?**

Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát phải niệm thánh giới: Giới chẳng khuyết, giới chẳng hở, giới chẳng tỳ, giới chẳng đạt, giới chẳng tính, giới tự tại, giới mà người trí khen ngợi, giới cụ túc, giới theo chánh định.

Bồ tát phải niệm các giới đó đều chẳng có tự tánh, nên chẳng thấy có chỗ niệm, hướng nữa là có niệm giới.

*** Thế nào gọi là tu niệm xả?**

Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát tu niệm xả: Tự niệm xả, tha niệm xả, xả tài, xả pháp, xả phiền não. Bồ tát tu các niệm xả như vậy, mà quán tất cả đều bất khả đắc, chẳng có chỗ niệm, hướng nữa là có niệm xả.

*** Thế nào gọi là tu niệm Thiên?**

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát tự niệm rằng, “Chư Thiên ở cõi trời Tứ Thiên Vương... dẫn đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại Thiên đều có đầy đủ tín, giới, thí, vãng và huệ. Khi ta mạng chung, sanh về các cõi trời, ta cũng sẽ có đầy đủ các tín, giới, thí, vãng và huệ. Bồ tát niệm thiên như vậy mà biết rõ các cõi trời đều là vô sở hữu tánh, nên là chẳng có niệm, hướng nữa là có niệm Thiên.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy gọi là Bồ tát, ở nơi 6 niệm, thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hết thấy pháp đều là vô sở hữu tánh. Sắc... dẫn đến thức, nhãn...

dẫn đến ý, sắc... dẫn đến pháp, nhãn thức... dẫn đến ý thức giới, Đản Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 Phật lực... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là vô sở hữu tánh cả.

Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp đều là vô sở hữu tánh, thì chẳng có đạo, chẳng có trí, chẳng có quả chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ông thấy sắc tánh là thật có chẳng? Dẫn đến Nhất thiết chủng trí tánh là thật có chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thật có vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ông thấy các pháp thật chẳng có. Như vậy, ông còn nêu lên câu hỏi làm gì nữa?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con chẳng dám khởi tâm nghi. Thế nhưng vì chúng sanh ở đời sau, và vì các Tỷ-kheo cầu Bồ tát đạo, mà con thưa hỏi Phật.

Bạch Thế Tôn! Vì các hạng người này nghi rằng, “Nếu hết thấy pháp đều là vô sở hữu tánh, thì chẳng có ai cầu, chẳng có ai tịnh, chẳng có ai bị triền phược, chẳng có ai được giải thoát. Vì họ chẳng thể biết, chẳng thể giải được như vậy, nên họ có thể phá giới, phá chánh kiến, phá oai nghi, phá tịnh mạng... dẫn đến có thể bị đọa vào 3 đường ác”.

Bạch Thế Tôn! Con sợ ở đời sau sẽ xảy ra những sự việc như vậy, nên con thưa hỏi Phật.

Bạch Thế Tôn! Riêng bản thân con đã thâm tín các pháp đều là vô tự tánh, nên chẳng có nghi, chẳng có hỏi gì cả.

LUẬN:

Ngài Tu Bồ Đề tin thọ lời Phật dạy, đã biết rằng, “Tuy biết rõ các pháp là không, mà chư đại Bồ tát vẫn thường khởi 4 thiền và 5 thần thông”. Nay ngài lại hỏi Phật, “Các tân học Bồ tát, ở nơi các pháp vô sở hữu tánh, phải thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo như thế nào để đến được Vô Thượng Bồ Đề?”.

Như vậy là Bồ tát dù đã phát tâm từ vô lượng kiếp, mà chưa vào được nơi thật tướng pháp, thì vẫn còn là tân học Bồ tát. Các Bồ tát này vẫn còn phải thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo mới có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Hỏi: *Nếu là tân học Bồ tát, thì khi bố thí, trì giới, nhẫn nhục tinh tấn v.v... mà thứ lớp hành là đủ rồi. Sao nay lại nói ở nơi các pháp vô sở hữu tánh cũng phải thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo?*

Đáp: Các Bồ tát sơ phát tâm phải hành không, hành vô sở hữu để hòa hợp với các hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục v.v...

Ví như hòa mật ngọt với thuốc cho trẻ nít uống, thì chúng mới có thể uống dễ dàng. Cũng như vậy, Bồ tát sơ phát tâm phải thâm quán pháp “không” khi hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục v.v... mới chẳng bị lỗi lầm.

Phật dạy. “Từ lúc ban đầu, Bồ tát phải thân cận và cúng dường chư đại Bồ tát, chư A-la-hán để được nghe pháp. Do nghe pháp như vậy mà vào được nơi vô sở hữu tánh. Vì sao? Vì chư Phật, chư đại Bồ tát, chư A-la-hán đều do được vô sở hữu tánh mà thành tựu được đạo quả”.

Vì sao? Vì hết thảy pháp hữu vi đều do nhân duyên hòa hợp sanh; chẳng có pháp nào là có tự tánh cả. Nếu đem các

pháp hữu vi, sắc pháp cũng như vô sắc pháp, chia chẻ cho đến vi trần, thì sẽ chẳng thấy có gì là thật có nữa cả. Dẫn đến một niệm cũng chẳng thật có. Sau khi nghe chư Phật, chư đại Bồ tát, chư Hiền Thánh thuyết pháp như vậy rồi, người học đạo còn phải thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo, lấy trí tỷ lượng phân biệt để biết rõ các pháp đều là rốt ráo không, đều chẳng có tự tánh. Như vậy là vào được nơi thật tướng pháp, nơi tịch diệt tướng, chẳng có hý luận.

Biết như vậy rồi, người hành đạo tự niệm rằng, “Dù có Phật, hay dù chẳng có Phật, thì thật tướng pháp vẫn chẳng có tăng giảm, chẳng có sanh diệt, chẳng có mới cũ v.v... Hết thấy pháp đều rốt ráo là không, là bất khả đắc; chúng sanh là rốt ráo không, nên độ chúng sanh rốt ráo không cũng là bất khả đắc. Hết thấy pháp đều là như mộng, như huyền đều chẳng có định tướng. Như vậy vì sao ta chẳng phát tâm làm Phật?”

Hỏi: *Nếu biết các pháp đều là vô sở hữu, thì vì sao lại phát tâm làm Phật?*

Đáp: Rốt ráo không là vô sở hữu, là chẳng có chướng ngại, là chẳng có hý luận. Bởi vậy nên người hành đạo mới đồng mãnh phát tâm làm Phật.

Hỏi: *Vì sao Bồ tát lại thay chúng sanh thọ các khổ?*

Đáp: Bồ tát có nhiều nhân duyên với chúng sanh, nên mới vì chúng sanh thọ các khổ. Do chúng sanh chẳng biết được thật tướng pháp nên mới chịu các khổ não; Bồ tát khởi từ bi tâm muốn tất cả chúng sanh được hết khổ, nên phát tâm tu học để cứu độ chúng sanh. Ví như người ăn được món ăn ngon muốn cho người khác được ăn như mình vậy. Bồ tát biết rõ pháp tánh là vô sở hữu, nên mới vì tất cả chúng sanh phát tâm làm các việc lợi ích cho họ.

Bồ tát tự niệm rằng, “Ta chưa thâm nhập được vào 6 pháp Ba-la-mật, nên ta phải phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề, tu tập các công đức, tu vô sở hữu tánh để làm lợi ích cho chúng sanh”.

Do tu tập pháp “Không” của Đại thừa mà Bồ tát biết rõ pháp không, chúng sanh không,... dẫn đến Phật cũng không, Vô Thượng Bồ Đề cũng không. Ở nơi rốt ráo không, Bồ tát quán oán thân bình đẳng, nên chẳng sanh tâm phiền não, được tâm bình đẳng, vô phân biệt, được đầy đủ các lực nhẫn nhục Ba-la-mật. Do vậy mà mau được Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát thân cận, tôn quý chư Phật, chư đại Bồ tát, chư Thánh hiền giống như người vượt biển tôn quý người lái thuyền, giống như người bệnh tôn quý vị thầy thuốc vậy.

Đối với những kẻ oán nghịch, Bồ tát cũng chẳng sanh tâm oán ghét, tự niệm rằng, “Vì muốn cầu Phật đạo, nên ta phải nhẫn nhục đối với họ, nhẫn nhục như vậy mới có được lợi ích cho sự tu tập”.

Như vậy là Bồ tát thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo.

Hỏi: 3 việc đó có gì sai khác nhau chăng?

Đáp: Có thuyết nói “hành, học và vào đạo” tuy có tên gọi khác nhau, nhưng cũng chỉ là một. “Hành” là trì giới; “học” là thiền định; “vào đạo” là thực hiện các việc làm, như làm các việc bố thí. Lại nữa, “hành” là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng; “học” là chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định; “vào đạo” là chánh kiến, chánh tư duy. Tất cả 3 việc này đều là “đạo” cả.

Có thuyết nói chánh kiến, chánh tư duy là đạo thể. Còn 2 việc kia giúp chánh kiến, chánh tư duy càng thêm kiên cố là đạo dụng.

Có thuyết nói trong 6 Ba-la-mật, thì bố thí là “hành”; trì giới là “học”, tinh tấn là “đạo”.

Lại có thuyết nói tất cả 6 Ba-la-mật đều là “đạo”, vì đều dẫn đến trí huệ Bát nhã Ba-la-mật. Ví như người có đôi mắt và đôi chân có thể đi xa được; dù đôi mắt và đôi chân đều có công dụng riêng rẽ, nhưng cùng đóng góp vào công việc chung, đó là đưa người bộ hành đi xa vậy.

Hỏi: *Thế nào gọi là thứ lớp hành?*

Đáp: Ví như người leo thang phải bước từng nấc thang mới leo lên cao được. Cũng như vậy, Bồ tát sơ phát tâm phải thứ lớp hành mới có thể vào đạo được.

Trong kinh có dạy rằng người tu 6 pháp Ba-la-mật muốn thành tựu đạo quả phải thứ lớp hành theo 4 giai đoạn. Đó là:

- Tự mình hành 6 pháp Ba-la-mật.
- Dạy người khác hành 6 pháp Ba-la-mật.
- Tán thán hành công đức 6 pháp Ba-la-mật.
- Hoan hỷ tán thán người hành 6 pháp Ba-la-mật, là người có từ bi đối với chúng sanh, và thông đạt thật tướng các pháp.

Hỏi: *Vì sao người hành 6 pháp Ba-la-mật phải theo 4 giai đoạn như trên?*

Đáp: Có người tự mình hành bố thí, nhưng chẳng dám dạy người khác hành bố thí, vì sợ người thọ thí nổi sân trở lại mắng nhiếc mình.

Có người dạy người khác làm việc bố thí mà tự mình chẳng làm.

Có người chẳng tán thán công đức hành bố thí, và cũng

chẳng tán thán người hành bố thí.

Những người hành động như vậy đều bị tà kiến che tâm, nên chẳng có thể biết được quả báo của bố thí.

Bồ tát có tâm từ bi rộng lớn, thâm ái các thiện pháp, thương xót các chúng sanh mới có thể làm đầy đủ cả 4 điều nêu trên đây.

-o0o-

Khi bố thí phải tự mình làm việc bố thí, dạy người khác làm việc bố thí, tán thán công đức bố thí, và tán thán người làm việc bố thí. Người hành tịnh thí là người gieo trồng thiện căn nơi phước điền Tam bảo. Vì phước điền Tam bảo là phước điền vô tận, nên người hành tịnh thí cũng được phước đức vô tận.

Người hoan hỷ bố thí đúng theo 4 điều nêu trên đây sẽ được hưởng giàu sang phú quý giàu sang vô tận.

Bồ tát hành bố thí Ba-la-mật, dù chẳng tham cầu quả báo bố thí, mà của cải vẫn tự đến. Ví như người gieo mạ, cấy lúa, thì đến mùa gặt lúa sẽ tự đến với mình vậy. Bồ tát có được tài vật đến với mình rồi, lại tiếp tục đem các tài vật đó ra bố thí cho chúng sanh.

Hỏi: Phải nên bố thí cho ai trước?

Đáp: Bồ tát cúng dường 3 ngôi Tam bảo “Phật, Pháp và Tăng”; bố thí cho hàng tại gia thọ ngũ giới, thọ thập thiện, thọ bát quan trai giới, thọ tam quy; bố thí cho những người có chánh trí; bố thí cho những người nghèo khổ, bần cùng; bố thí cho các loài súc sanh;... dẫn đến bố thí cho những người phạm trọng tội “ngũ nghịch”. Vì sao? Vì Bồ tát muốn

kết duyên với các hạng người nghèo khổ, bần cùng, với hạng người đã đoạn thiện căn,... dẫn đến muốn kết duyên với các loài súc sanh.

Ví như người mẹ hiền có nhiều con, tìm mọi cách để cứu các con ra khỏi cảnh khổ đau, bệnh tật. Cũng như vậy, Bồ tát thương chúng sanh như mẹ hiền thương con, nên tìm mọi cách để cứu chúng sanh ra khỏi sanh tử.

Trong kinh có chép mẩu chuyện sau đây:

Thấy một cọp mẹ, do bị con đói hoành hành, muốn nhảy vô lên đàn con để ăn thịt, Bồ tát chẳng chút do dự liền xả thân bố thí cho cọp mẹ, nhằm cứu các cọp con.

Hỏi: *Bồ tát phải rộng độ hết thầy chúng sanh chăng?*

Đáp: Chúng sanh là “phước điền” và “bi điền”.

Do bi nguyện rộng độ chúng sanh, mà Bồ tát cầu Vô Thượng đạo.

Khi chưa được vô sanh pháp nhẫn, bi tâm thường thắng từ tâm. Tuy phát từ tâm thương xót hết thầy chúng sanh, mà khi hành bố thí lại có sự phân biệt, ví như lựa chọn người nghèo đói, cùng khổ để cứu vớt họ trước. Cũng như khi cúng dường có sự lựa chọn phước điền, nghĩ rằng, “Cúng dường chư Phật có đại công đức, vì Phật là phước điền vô thượng”.

Thế nhưng, khi đã vào thật tướng pháp rồi, thì chẳng còn sự phân biệt nữa. Lúc bấy giờ, Bồ tát xem chúng sanh như là những vị Phật tương lai, bình đẳng với Phật, chẳng có sai khác.

Hỏi: *Vì sao nói biết chúng sanh muốn gì thì cho nấy mới được phước đức lớn?*

Đáp: Vì thuận ý người được phước đức lớn hơn là nghịch

ý họ. Bồ tát quán tướng mạo của chúng sanh, biết họ mong cầu gì, liền cung cấp đầy đủ. Như vậy là bố thí theo ý nguyện của chúng sanh. Khi hành pháp thí Bồ tát chỉ mong sao cho chúng sanh biết tri giới, biết tu tập các thiện pháp, để được giải thoát. Như vậy mới là được đại lợi ích.

Hỏi: *Bồ tát do tu 6 pháp Ba-la-mật mà vào Bồ tát vị. Như vậy vì sao nói Bồ tát tu 5 ấ mà vào Bồ tát vị?*

Đáp: Có vô lượng pháp môn tu. Như vậy nói Bồ tát tu 5 ấ mà vào Bồ tát vị cũng chẳng có gì làm lỗi cả.

Bồ tát hộ trì các giới, sanh thiên định, được trí huệ sáng suốt, được tâm thanh tịnh, xả ly chấp trước, lấy trí huệ phá các phiền não, được giải thoát an lạc, tức được giải thoát tri kiến.

Bồ tát đã dùng thân 5 ấ để hành đạo, và cũng dùng thân 5 ấ mà vượt qua hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, để vào Bồ tát vị.

Khi hành 6 pháp Ba-la-mật, Bồ tát chủ yếu hành bố thí Ba-la-mật, xả tài,... dẫn đến xả mạng, chẳng chút luyến tiếc. Trì giới Ba-la-mật, nhẫn nhục Ba-la-mật, tinh tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật và trí huệ Ba-la-mật hỗ trợ cho bố thí Ba-la-mật, giúp Ba-la-mật này được thành tựu viên mãn.

Vì lợi ích chúng sanh, Bồ tát sẵn sàng bố thí thân mạng mình; đây là việc rất khó làm. Bởi vậy nên nói do tu 5 ấ vào Bồ tát vị là chẳng làm lỗi vậy.

Hỏi: *Có người nói tu 6 niệm là việc dễ làm, nên Bồ tát sơ phát tâm có thể làm được. Thế nhưng, nếu niệm Phật mà chẳng niệm Phật thân, thì đâu có phải là việc dễ làm?*

Đáp: Ví như thuốc đắng có pha một ít mật ngọt trở thành dễ uống, vì mật ngọt chế ngự được vị đắng của thuốc. Cũng

như vậy, niệm Phật mà biết rõ Phật thân là tự tánh không, là vô sở hữu tánh, biết rõ vô sở niệm mới chính là niệm Phật. Bởi vậy nên niệm Phật, là việc dễ làm.

Nhờ niệm Phật như vậy mà các tà kiến chẳng sanh được, nên Bồ tát thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo được dễ dàng.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thấy pháp đều là vô sở hữu tánh, thì cần gì phải thứ lớp hành, thứ lớp học, thứ lớp vào đạo?

Phật hỏi lại: Ông có thấy sắc tánh là thật có chăng? Dẫn đến có thấy Nhất thiết chủng trí tánh là thật có chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Sắc tánh dẫn đến Nhất thiết chủng trí tánh đều là chẳng thật có vậy.

Vì sao? Vì sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều do nhân duyên hòa hợp sanh, nên là chẳng có tự tánh.

Phật dạy: Nếu ông thấy các pháp tánh đều chẳng thật có, thì ông còn nạn hỏi làm gì nữa.

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật dạy liền bạch Phật rằng: Con chẳng còn nghi, nhưng vì sợ người tu bị lầm lạc, mà con phải thưa hỏi Phật vậy. Vì sao? Vì người xuất gia nghe Phật dạy về “vô sở hữu tánh” mà chưa hiểu rõ thâm nghĩa, thì sẽ chấp “không”... dẫn đến sẽ chẳng trì giới, sẽ phá các oai nghi v.v... khiến người tại gia y theo đó sẽ khinh khi người xuất gia, phá hoại Tam bảo.

Con vì “vô tránh tam muội”, vì thương xót chúng sanh, mà thưa hỏi Phật như vậy. Kính mong Phật giải đáp rõ ràng, để chúng sanh được thâm hiểu.

Phẩm Thứ Bảy Mười Sáu



Nhất Tâm Cụ Vạn Hạnh (Một tâm đủ vạn hạnh)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp đều là vô sở hữu tánh, thì Bồ tát có lợi ích gì mà vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp đều là vô sở hữu tánh, nên Bồ tát vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì nếu có chấp, có đắc, thì rất khó được giải thoát.

Này Tu Bồ Đề! Những người chấp tướng chẳng có được đạo, chẳng có được quả, chẳng có được Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người chẳng đắc tướng thì có được đạo, có được quả, có được Vô Thượng Bồ Đề chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vô sở đắc (chẳng có chỗ đắc) tức là đạo, là quả, là Vô Thượng Bồ Đề, vì pháp tánh là bất hoại (là chẳng thể bị hoại) vậy.

Nếu pháp vô sở đắc mà muốn được đạo, được quả, được Vô Thượng Bồ Đề, thì đó là phá hoại pháp tánh vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Nếu pháp vô sở đắc tức là đạo, là quả, là Vô Thượng Bồ Đề, thì làm sao có bậc sơ địa Bồ tát... dẫn đến bậc thập địa Bồ tát; làm sao có vô

sinh pháp nhẫn; làm sao có quả báo đắc thần thông; làm sao có quả báo đắc bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ, làm sao an trú trong quả báo đó mà thanh tịnh được Phật độ, thành tựu chúng sanh; làm sao cúng dường chư Phật các y áo, các thức ăn uống, hoa hương, anh lạc, phòng xá, cùng tất cả các vật dụng cần thiết cho sinh hoạt hằng ngày; ... dẫn đến làm sao được Vô Thượng Bồ Đề mà chẳng mất các phước đức đó, rồi sau khi nhập Niết Bàn để lại xá lợi cho các đệ tử ở đời sau được cúng dường v.v...?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp là vô sở đắc, nên có các bậc sơ địa Bồ tát... dẫn đến bậc thập địa Bồ tát, có quả báo đắc thần thông, có quả báo đắc 6 pháp Ba-la-mật, có quả báo thanh tịnh Phật độ và thành tựu chúng sanh. Do nhân duyên thành tựu các thiện căn như vậy, mà có thể làm việc lợi ích cho chúng sanh... dẫn đến sau khi nhập Niết Bàn có thể để lại xá lợi cho các đệ tử ở đời sau được cúng dường.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp là vô sở đắc thì 6 pháp Ba-la-mật và các thần thông có gì sai khác nhau chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp vô sở đắc, nên 6 pháp Ba-la-mật và các thần thông chẳng có gì sai khác nhau cả. Do chúng sanh chấp có bố thí... dẫn đến chấp có các thần thông, mà có phân biệt nói ra như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao các pháp vô sở đắc, mà bố thí... dẫn đến các thần thông chẳng sai khác?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng đắc người thí, kẻ thọ mà hành bố thí,

chẳng đắc trì giới mà hành trì giới, chẳng đắc nhẫn nhục mà hành nhẫn nhục, chẳng đắc tinh tấn giới mà hành tinh tấn, chẳng đắc thiền định mà hành thiền định, chẳng đắc trí huệ mà hành trí huệ, chẳng đắc thần thông mà hành các thần thông, chẳng đắc 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo mà hành 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, chẳng đắc “không, vô tướng và vô tác” mà hành các tam muội “không, vô tướng và vô tác”, chẳng đắc thành tựu chúng sanh mà thành tựu chúng sanh, chẳng đắc thanh tịnh Phật độ mà thanh tịnh Phật độ, chẳng đắc các Phật pháp mà đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải như vậy mà hành “vô sở đắc Bát nhã Ba-la-mật”. Bồ tát hành “vô sở đắc Bát nhã Ba-la-mật”, thì ma cùng thiên ma chẳng thể phá hoại được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát làm sao có thể ở trong một niệm mà được đầy đủ vạn hạnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Bồ tát chẳng xa rời Bát nhã Ba-la-mật; khi tu 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, Bồ tát chẳng xa rời Bát nhã Ba-la-mật; khi tu 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 3 giải thoát, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi, Bồ tát chẳng xa rời Bát nhã Ba-la-mật;... dẫn đến khi tu 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, Bồ tát cũng chẳng xa rời Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Làm sao Bồ tát chẳng xa rời Bát nhã Ba-la-mật mà trong một niệm có thể tu đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật dẫn đến tu đầy đủ 80 vẻ đẹp?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát tu bố thí cũng chẳng xa rời Bát nhã Ba-la-

mật, nên là bố thí bất nhị tướng (chẳng có 2 tướng). Tu trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định... dẫn đến tu 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp cũng là bất nhị tướng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là tu bố thí... dẫn đến tu 80 vẻ đẹp bất nhị tướng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật mà muốn đầy đủ Đàn Ba-la-mật, thì ngay khi hành bố thí Bồ tát phải nhiếp hết các Ba-la-mật kia, nhiếp cả 4 niệm xứ... dẫn đến nhiếp cả 80 vẻ đẹp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Khi hành bố thí, Bồ tát làm sao có thể nhiếp hết thấy các pháp vô lậu?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phải an trú nơi tâm vô lậu mà bố thí. Ở nơi tâm vô lậu, Bồ tát chẳng thấy có người thí, có người thọ, có vật tài thí. Vì tâm vô tướng là tâm vô lậu, nên dứt trừ được ái nhiễm, xan tham khi hành bố thí. Lúc bấy giờ chẳng thấy có bố thí... dẫn đến chẳng thấy có Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát cũng dùng tâm vô tướng, vô lậu tu trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, nên chẳng thấy có trì giới, có nhẫn nhục, có tinh tấn, có thiền định, có trí huệ... dẫn đến chẳng thấy có Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát cũng dùng tâm vô tướng, vô lậu mà tu 4 niệm xứ... dẫn đến tu 80 vẻ đẹp, nên chẳng thấy có 4 niệm xứ... dẫn đến chẳng thấy có 80 vẻ đẹp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp đều là vô tướng, vô tác, thì làm sao Bồ tát được đầy đủ bố thí... dẫn đến được đầy đủ 80 vẻ đẹp?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng tâm vô tướng, vô lậu mà bố thí tất cả nội vật

và ngoại vật sở hữu của mình; từ thân thể... dẫn đến quốc thành, vợ con v.v... đều đem ra bố thí cho chúng sanh.

Nếu có ai nói rằng, “Bố thí như vậy chẳng có lợi ích gì cả”, thì Bồ tát nên nghĩ rằng, “Dù người ấy đến ngăn cản việc hành bố thí của ta, ta vẫn chẳng thối tâm. Ta phải bố thí tất cả cho chúng sanh, rồi đem công đức bố thí, để cùng với hết thấy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Ta cũng chẳng thấy các tướng của người thí, của người thọ, của vật thí, của người hồi hướng, của pháp hồi hướng, của chỗ hồi hướng, là Vô Thượng Bồ Đề. Tất cả các tướng ấy đều là chẳng thể thấy được. Vì sao? Vì nội không, ngoại không, nội ngoại không, nên hết thấy pháp là không. Vì không không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thí không, tán không, tánh không, nhất thiết pháp không, tự tướng không, nên hết thấy pháp là không”.

Bồ tát quán như vậy, nên chẳng thấy có người hồi hướng, pháp hồi hướng, và chỗ hồi hướng. Như vậy gọi là chánh hồi hướng.

Lúc bấy giờ, Bồ tát thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, 37 Phẩm Trợ Đạo, 3 giải thoát môn, ... dẫn đến 18 bất cộng pháp.

Bồ tát đầy đủ bố thí Ba-la-mật, mà chẳng thọ quả báo thế gian. Ví như chư Thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại tùy ý cần gì đều được cả. Cũng như vậy, Bồ tát tâm nguyện gì đều được như ý.

Bồ tát dùng quả báo ấy để làm các việc bố thí: Cúng dường chư Phật, và ban phát đầy đủ cho chúng sanh.

Bồ tát dùng bố thí Ba-la-mật để nhiếp độ chúng sanh,

dem 3 thừa pháp giáo hóa chúng sanh, độ thoát họ khỏi sanh tử.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát ở nơi các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác mà được đầy đủ bố thí Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ở nơi các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác, Bồ tát làm sao được đầy đủ trì giới Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành trì giới Ba-la-mật, Bồ tát trì đủ các giới: Thánh giới vô lậu, nhập vào 8 thánh đạo, giới tự nhiên, giới báo đắc, giới thọ đắc... Hết thấy các giới đầy đủ, chẳng thiếu, chẳng phá, chẳng tạp, chẳng trước, chẳng chấp.

Đây là giới tự tại, là giới mà người trí khen ngợi.

Vì giới là vô sở thủ (chẳng có chỗ nắm bắt), nên, dù ở nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức; dù ở nơi 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, dù ở nơi các đại gia, đại tộc; dù ở nơi các cõi trời Tứ Thiên Vương, Tam Thập Tam thiên, Dạ Ma thiên, Đâu Suất Đà thiên, Hóa Lạc thiên, Tha Hóa tự tại thiên, Phạm Chúng thiên, Quang Âm thiên, Biến Tịnh thiên, Quảng Quả thiên, Vô Tướng thiên, Vô Nhiệt thiên, Diệu Kiến thiên, Hỷ Kiến thiên, A Ca Ni Tra thiên, Không Xứ thiên, Thức Xứ thiên, Vô Sở Hữu Xứ thiên, Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng Xứ thiên; dù ở nơi Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật; dù ở ngôi vị Chuyển Luân Thánh Vương, v.v... Bồ tát cũng chỉ vì chúng sanh, mà cùng với họ đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Dùng vô tướng, vô đắc, vô nhị, mà hồi hướng chỉ là vì thế tục đế, chẳng phải vì đệ nhất nghĩa đế.

Bồ tát đầy đủ trì giới Ba-la-mật, dùng các lực phương tiện khởi tu 4 thiên mà chẳng chấp đắm thiên vị, được 5 thần thông. Do nơi 4 thiên mà được thiên nhãn.

Bồ tát dùng thiên nhãn, thấy ở phương Đông chư Phật hiện tại dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề. Chỗ thấy chẳng sai, chẳng mất. Ở 9 phương kia cũng là như vậy.

Bồ tát lại dùng thiên nhĩ thanh tịnh nghe chư Phật ở khắp 10 phương đang thuyết pháp. Chỗ nghe chẳng sai, chẳng mất nên thường làm lợi ích cho mình và cho người.

Bồ tát lại dùng tha tâm trí, biết rõ tâm của chư Phật ở khắp 10 phương, cùng tâm của hết thảy chúng sanh nên thường làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh.

Bồ tát lại dùng túc mạng trí, biết rõ các nghiệp nhân ở quá khứ của từng chúng sanh. Vì các nghiệp nhân duyên chẳng mất, nên chúng sanh thọ sanh ở nơi nào Bồ tát cũng đều biết rõ.

Bồ tát lại dùng lậu tận trí, khiến chúng sanh được các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật. Ở bất cứ nơi nào Bồ tát cũng có thể làm cho chúng sanh vào trong các thiện pháp.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát ở nơi các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác mà được đầy đủ trì giới Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ở nơi các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác, Bồ tát làm sao được đầy đủ nhãn nhục Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Từ khi sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng, nếu bị chúng sanh nào đến đánh đập, đâm chém, Bồ tát cũng chẳng khởi sân giận, dù chỉ mống lên trong một niệm.

Bồ tát phải tu cả 2 thứ nhẫn. Đó là:

- Chẳng khởi tâm sân hận, thù oán đối với bất cứ ai đến mắng nhiếc, đánh đập, đâm chém mình.

- Biết rõ các pháp đều là vô sanh, nên chẳng thấy có người đến mắng nhiếc, đánh đập, đâm chém; chẳng có người thọ nhận các ác sự đó.

Bồ tát tư duy rằng, “Các pháp, ở nơi thật tánh, đều là rớt ráo không, là bất khả đắc; chẳng có pháp, chẳng có chúng sanh”.

Do quán như vậy mà Bồ tát chẳng thấy có người mắng nhiếc, đánh đập, đâm chém mình, và liền được “vô sanh pháp nhẫn”.

*** Thế nào gọi là vô sanh pháp nhẫn?**

Đó là biết các pháp tướng thường chẳng sanh, biết các phiền não từ trước đến nay cũng thường chẳng sanh.

Bồ tát trú trong 2 thứ nhẫn này thường được đầy đủ 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; đầy đủ 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo; đầy đủ 3 giải thoát, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi.

Bồ tát trú trong pháp vô lậu xuất thế gian, nên được đầy đủ các thánh thần thông, chẳng đồng với hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Trú trong thánh thần thông, Bồ tát dùng thiên nhãn quán thấy chư Phật ở phương Đông, mà liền được “niệm Phật tam muội”.

Đối với 9 phương khác cũng là như vậy.

Bồ tát lại dùng thiên nhĩ nghe chư Phật ở khắp trong

10 phương đang thuyết pháp; rồi đem pháp vừa được nghe dạy lại chúng sanh. Bồ tát biết rõ tâm của chư Phật và tâm niệm của chúng sanh để tùy tâm niệm của chúng sanh mà thuyết pháp.

Bồ tát lại dùng túc mạng trí, biết căn tánh của chúng sanh ở đời trước, rồi vì họ thuyết pháp, khiến họ được hoan hỷ, Bồ tát lại dùng lậu tận thông, giáo hóa chúng sanh, khiến họ được 3 thừa đạo.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để thành tựu chúng sanh, khiến họ được đầy đủ Nhất thiết chủng trí... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề, chuyển pháp luân.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát ở nơi các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác mà được đầy đủ nhãn nhục Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ở nơi các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác, Bồ tát làm sao được đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát thành tựu thân tinh tấn, và tâm tinh tấn, nhập vào sơ thiên... dẫn đến vào đệ tứ thiên, được các thần thông, thường phân ra nhiều thân, bay đến vô lượng thế giới Phật, để cúng dường chư Phật. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát được hết thấy thế gian cúng dường. Sau khi nhập Niết Bàn, xá lợi cùng chư đệ tử cũng được thế gian cúng dường.

Bồ tát cũng dùng các lực thần thông bay đến các thế giới Phật để được nghe chư Phật thuyết pháp, lãnh thọ giáo pháp của chư Phật, mãi cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề, trọn chẳng sai, chẳng mất. Bồ tát tu Nhất thiết chủng trí, thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát thành tựu thân tinh tấn như vậy, nên được đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát thành tựu tâm tinh tấn?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát ở nơi thánh giới vô lậu, tinh tấn vào 8 thánh đạo, chẳng chấp các pháp tướng là thường hay vô thường, là khổ hay lạc, là ngã hay vô ngã, là hữu vi hay vô vi, là thuộc về cõi Dục, cõi Sắc hay cõi Vô Sắc, là tánh hữu lậu hay tánh vô lậu, là 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; là 4 niệm xứ... dẫn đến là 8 thánh đạo, là 10 Phật lực, là 18 bất cộng pháp. Đối với các quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán... dẫn đến các quả vị Bồ tát và Phật, Bồ tát cũng chẳng chấp tướng. Vì sao? Vì tánh là không nên chẳng thể dùng tánh mà chấp tướng vậy.

Bồ tát dùng tâm tinh tấn rộng độ chúng sanh, mà biết rõ chúng sanh là bất khả đắc.

Như vậy là Bồ tát đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật, thanh tịnh Phật độ, giáo hóa chúng sanh, vì chúng sanh là bất khả đắc vậy.

Vì thành tựu thân tâm tinh tấn, nên Bồ tát nhiếp thủ hết thảy các thiện pháp, mà chẳng chấp các thiện pháp. Vì lợi ích chúng sanh, Bồ tát đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, hiện các thần thông, phóng đại quang minh, dạy cho chúng sanh biết các thánh đạo, từ bỏ sát sanh, xa rời tà kiến; tu 6 pháp Ba-la-mật. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát ở nơi các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác mà được đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ở nơi các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác, Bồ tát làm sao được đầy đủ Thiên Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ngoại trừ các thiên định của chư Phật ra, Bồ tát được đầy đủ các thiên định khác.

Bồ tát ly dục, ly ác bất thiện pháp, ly sanh hỷ lạc, có giác, có quán, vào sơ thiên... dẫn đến vào đệ tứ thiên.

Bồ tát trải rộng tâm từ bi hỷ xả khắp cả 10 phương thế giới. Bồ tát vượt các sắc tướng, dứt trừ các tướng đối đãi, nhập vào hư không vô biên xứ... dẫn đến nhập vào phi hữu tướng phi vô tướng xứ.

An trú trong thiên Ba-la-mật, Bồ tát thuận nghịch ra vào 8 bói xả, 9 thứ đệ định, các tam muội “không, vô tướng và vô tác”, ... dẫn đến ra vào kim cang tam muội.

An trú trong thiên Ba-la-mật, Bồ tát tu 37 Phẩm Trợ Đạo, dùng đạo chủng trí nhập vào tất cả các thiên, vượt qua Càn Huệ địa... dẫn đến vượt qua Bích Chi Phật địa, nhập vào Bồ tát vị, đầy đủ Phật địa... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng có chấp thủ đạo quả.

An trú trong thiên Ba-la-mật, Bồ tát đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác làm việc lợi ích cho chúng sanh, hoặc dùng bố thí, trì giới, trí huệ, giải thoát, giải thoát trí kiến... để nhiếp độ chúng sanh, khiến họ vào được Phật đạo.

An trú trong thiên Ba-la-mật, Bồ tát được hết thấy các đà la ni, được 4 vô ngại trí, được các thần thông.

Bồ tát vĩnh viễn chẳng vào thai mẹ, vĩnh viễn chẳng thọ 5 dục, nên tuy có sanh mà chẳng bị pháp sanh làm nhiễm ô. Vì sao? Vì Bồ tát thấy hết thấy pháp đều là như huyễn. Bồ tát làm các việc lợi ích cho chúng sanh, mà vẫn

biết chúng sanh và các pháp đều bất khả đắc. Bồ tát dùng các pháp giáo hóa chúng sanh, khiến họ vào được nơi vô sở đắc; đây là thế tục pháp, chẳng phải là đệ nhất nghĩa.

An trú trong thiên Ba-la-mật, Bồ tát được hết thấy các thiên định, giải thoát tam muội... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề, mà trọn chẳng ly thiên Ba-la-mật.

Lúc hành đạo chủng trí như vậy, Bồ tát được Nhất thiết chủng trí, dứt trừ hết thấy các phiền não tập khí, rồi làm các việc lợi mình và lợi người. Do vậy mà trở thành ruộng phước cho hết thấy thế gian, trời, người, a tu la.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát được đầy đủ thiên vô tướng Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ở nơi các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác, Bồ tát làm sao được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy các pháp thật có định tướng. Bồ tát thấy sắc tướng bất định, chẳng phải là thật tướng... dẫn đến thấy thức tướng bất định, chẳng phải là thật tướng. Bồ tát chẳng thấy sắc sanh... dẫn đến chẳng thấy thức sanh. Như vậy, các pháp dù hữu lậu hay vô lậu, đều chẳng có đến đi, chẳng có chỗ đến, chẳng có chỗ đi, cũng chẳng có chỗ tập.

Khi quán như vậy, Bồ tát chẳng thấy có sắc tánh... dẫn đến thức tánh; chẳng thấy có pháp tánh hữu lậu, chẳng thấy có pháp tánh vô lậu.

Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát tin hiểu hết thấy các pháp đều là vô sở hữu tướng. Tin hiểu như vậy rồi, nên Bồ tát hành nội không... dẫn đến hành vô pháp

hữu pháp không, mà ở nơi các pháp đều chẳng chấp, ở nơi sắc... dẫn đến ở nơi Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát đều chẳng chấp.

Bồ tát hành “vô sở hữu Bát nhã Ba-la-mật” như vậy, nên thường được đầy đủ Bồ tát đạo; đó là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, 37 Phẩm Trợ Đạo, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp.

An trú trong pháp không, Bồ tát thanh tịnh Phật đạo, làm lợi ích cho chúng sanh, dùng 6 pháp Ba-la-mật để nhiếp độ chúng sanh, như: dùng bố thí để dạy cho chúng sanh bố thí; dùng trì giới để dạy cho chúng sanh trì giới; dùng thiền định, trí huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến để dạy cho chúng sanh tu thiền định, tu trí huệ, tu giải thoát, tu giải thoát tri kiến. Bồ tát lại dùng 3 thừa giáo dạy cho chúng sanh, khiến họ được các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán,... dẫn đến được đầy đủ Bích Chi Phật đạo, Bồ tát đạo, lần lần được đầy đủ Phật đạo. Tùy theo căn tánh chúng sanh mà giáo hóa, khiến mọi chúng sanh đều được lợi lạc.

Bồ tát lại dùng các lực thần thông đi đến vô lượng cõi nước để độ thoát chúng sanh khỏi sanh tử; lại chiêm ngưỡng các cõi Phật thanh tịnh, vi diệu, trang nghiêm, để rồi tự trang nghiêm cõi nước của mình.

Ví như chư Thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại tùy ý cần đến vật dụng gì, thì vật dụng đó liền hiện đến. Bồ tát trang nghiêm cõi nước mình cũng là như vậy.

Do phước báo như vậy, nên Bồ tát được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, đầy đủ 5 thần thông, hành đạo chúng trí, thành tựu hết thảy công đức, và sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Lúc bấy giờ, Bồ tát chẳng thọ sắc... dẫn đến thức, chẳng thọ hết thấy pháp, dù là thiện pháp hay bất thiện pháp, là thể gian pháp hay xuất thể gian pháp, là hữu lậu pháp hay vô lậu pháp, là hữu vi pháp hay vô vi pháp.

Do chẳng thọ hết thấy pháp như vậy, mà Bồ tát được Vô Thượng Bồ Đề. Lúc bấy giờ, ở khắp cõi nước, hết thấy các vật dụng cần dùng cho cuộc sống đều chẳng có chủ. Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều bất khả đắc, nên Bồ tát hành hết thấy các pháp mà chẳng thọ hết thấy các pháp vậy.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Ở nơi các pháp vô tướng mà Bồ tát thường đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: Chỗ hỏi và chỗ đáp đều nói về “vô sở hữu tánh”. Như vậy quan niệm của bên hỏi và bên đáp có gì sai khác nhau chăng?

Đáp: Mặc dù bên hỏi và bên đáp đều nói về “vô sở hữu tánh”, nhưng tâm niệm của hai bên có sai khác nhau.

Người hỏi dùng tâm chấp mà hỏi; còn người đáp thì dùng tâm vô chấp mà đáp lại. Bởi vậy nên có sai khác.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp đều là vô sở hữu tánh, thì Bồ tát có lợi ích gì mà phải vì chúng sanh phát tâm Vô Thượng Bồ Đề?

Ý ngài Tu Bồ Đề nói rằng, “Nếu đã là vô sở hữu, thì chẳng nên phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề làm gì nữa”.

Thật ra, ngài chẳng có tâm nghi, nhưng vì chúng Bồ tát tâm phát tâm mà ngài đã nêu lên câu hỏi đó.

Phật đáp: Chính vì các pháp đều là vô sở hữu tánh, nên Bồ tát mới vì chúng sanh phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì chúng sanh và Bồ tát đều là không, là vô sở hữu. Như trước đây đã nói, “Ở nơi các pháp rốt ráo không thì chẳng có gì chướng ngại. Do vậy mà chẳng có gì chướng ngại sự phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề cả”.

Nơi đây, Phật đã dùng tánh không, tánh vô sở hữu để phá chỗ nạn hỏi của ngài Tu Bồ Đề.

Phật cũng muốn chỉ rõ cho ngài Tu Bồ Đề rằng, “Người chấp tướng mới nạn hỏi, người chẳng chấp tướng chẳng có nạn hỏi. Vì sao? Vì người bị các phiền não trói buộc, thì nghe nói CÓ cũng chấp, nghe nói KHÔNG cũng chấp, nghe nói được cũng chấp, nghe nói mất cũng chấp v.v... rất khó có thể ra khỏi chỗ chấp vậy”.

Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, có đầy đủ oai lực, dùng các lực thần thông quán biết chúng sanh có tâm chấp sâu dày, nên dùng đủ các phương tiện, các nhân duyên thí dụ, để vì chúng sanh thuyết cho họ nghe về pháp “không”, pháp vô sở hữu là pháp môn hy hữu dẫn đến giải thoát, giác ngộ. Do được nghe như vậy mà chúng sanh được tâm nhu nhuyến, thâm tín Phật pháp. Bởi vậy nên kinh dạy rằng, “Nếu có chấp, có đắc, thì rất khó được giải thoát. Những người chấp tướng chẳng có được đạo, chẳng có được quả, chẳng có được Vô Thượng Bồ Đề”.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Những người chẳng đắc tướng thì có được đạo, có được quả, có được Vô Thượng Bồ Đề chăng?

Phật dạy: Vô sở đắc (chẳng chỗ đắc) tức là đạo, là quả, là Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì người chẳng chấp “hữu sở đắc” hay “vô sở đắc”, mới vào được nơi rất ráo không, nơi thật tướng pháp. Thật tướng pháp tức là pháp tánh, mà pháp tánh là chẳng thể bị hoại vậy.

Ví như hư không chẳng thể bị mây mù hay bụi trần làm nhiễm ô. Cũng như vậy, pháp tánh là rất ráo không, chẳng thể bị phá hoại được.

Người muốn phá hoại pháp tánh, cũng như người muốn làm nhiễm ô hư không chẳng sao thành tựu được ý định của mình. Nơi đây, Phật nêu lên thí dụ, “Người muốn phá hoại pháp tánh cũng ví như người ở nơi pháp vô sở hữu mà muốn được đạo, được quả, được Vô Thượng Bồ Đề”.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu pháp vô sở hữu tức là đạo, là quả, là Vô Thượng Bồ Đề, thì làm sao có 10 địa Bồ tát?

Phật dạy: Vì pháp vô sở hữu, nên mới có 10 địa Bồ tát.

Trước đây, ngài Tu Bồ Đề đã hỏi, “Nếu pháp là vô sở hữu, thì Bồ tát cần gì phải phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề”. Nay ngài lại hỏi, “Nếu pháp là vô sở hữu, thì làm sao có 10 địa Bồ tát?”

Về cả 2 câu hỏi này, Phật đều dùng pháp “không” để giải đáp.

Hỏi: *Vì sao trước đây Phật đã dùng pháp “không” để giải đáp rồi mà nay ngài Tu Bồ Đề còn hỏi nữa?*

Đáp: Do chúng sanh tâm chấp sâu dày, khó hiểu, khó biết, nên ngài Tu Bồ Đề phải hỏi lại như trên.

Lại nữa, vì sợ các Bồ tát tâm phát ý khi nghe nói thật tướng pháp là rất ráo không, liền chấp “không”, mà chấp “không” đó cũng là phá pháp tánh, nên ngài Tu Bồ Đề vì hạng Bồ tát này phải hỏi lại Phật.

Phật dạy: Vì các pháp vô sở hữu, nên có bậc sơ địa Bồ tát... dẫn đến bậc thập địa Bồ tát, có các quả báo đặc thân thông, đặc 6 pháp Ba-la-mật, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ v.v... Do nhân duyên gieo trồng thiện căn như vậy, mà làm được các việc lợi ích cho chúng sanh... dẫn đến sau khi nhập Niết Bàn còn để lại xá lợi cho người đời sau cúng dường.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp là vô sở hữu, thì bố thí... dẫn đến các thân thông có gì sai khác nhau chăng?

Phật dạy: Vì các pháp vô sở hữu, nên bố thí... dẫn đến các thân thông chẳng có gì sai khác nhau cả. Do vì chúng sanh chấp có bố thí... dẫn đến có các thân thông, nên mới phân biệt nói ra như vậy. Trái lại, từ khi sơ phát tâm, Bồ tát vẫn thường dùng tịch diệt tướng, dùng rốt ráo không tướng, nên khi bố thí chẳng thấy có người thí, có kẻ thọ, có tài vật thí. Bố thí như vậy là bố thí vô phân biệt. Hành tất cả các Phật pháp khác cũng là như vậy.

Bồ tát do chẳng đặc tất cả các Phật pháp mà đến được Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy gọi là Bồ tát hành “vô sở đắc Bát nhã Ba-la-mật”. Do hành “vô sở đắc Bát nhã Ba-la-mật” như vậy mà Bồ tát chẳng bị các ma và thiên ma phá hoại.

Hỏi: *Vì sao ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật, “Vì sao ở trong 1 niệm mà Bồ tát được đầy đủ 6 Ba-la-mật cùng hết thảy công đức?”*

Đáp: Ngài Tu Bồ Đề từng theo Phật nghe pháp, biết rõ thậm thâm Bát nhã Ba-la-mật là tướng vô sở hữu, nên ở nơi các pháp đều thông đạt vô ngại.

Thế nhưng, ngài nghĩ rằng, “Khi mới phát tâm, Bồ tát vẫn còn nặng về chấp CÓ, chấp KHÔNG... nên cần phải thứ lớp hành, rồi dần dần mới rời bỏ được 2 chấp ấy”. Đây là lý do ngài hỏi Phật như trên.

Phật dạy: Từ sơ phát tâm, Bồ tát chẳng xa rời Bát nhã Ba-la-mật mà hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục v.v... nên ở nơi các pháp chẳng có bị chướng ngại, được đầy đủ các công đức. Bởi vậy nên ở trong 1 niệm mà được đầy đủ vạn hạnh. Nếu xa rời Bát nhã Ba-la-mật, thì mới phải tiệm thứ hành vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào gọi là chẳng xa rời Bát nhã Ba-la-mật mà bố thí?

Phật dạy: Đó là chẳng dùng 2 tướng mà bố thí.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào gọi là chẳng dùng 2 tướng?

Phật dạy: Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát muốn được đầy đủ bố thí, nên trong một niệm bố thí mà nhiếp hết thảy các thiện pháp.

Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn, đoạn hết các phiền não, trừ hết các tâm chấp phân biệt, an trú nơi tâm vô lậu mà hành bố thí.

Tâm vô lậu cũng là tâm vô tướng, nên Bồ tát trú nơi tâm vô lậu đó chẳng còn thấy có người thí, có kẻ thọ, có tài vật thí. Do vậy mà ly được hết thảy các tướng tâm bố thí. Dẫn đến chẳng thấy có tướng Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy gọi là “bất nhị tướng”.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp đều vô tướng, vô tác, vô khởi, thì làm sao thường được đầy đủ bố thí Ba-la-mật... dẫn đến thường được đầy đủ 80 vẻ đẹp?

Phật dạy: Do biết rõ các pháp là vô tướng, vô tác, vô khởi

nên ở nơi hết thầy các pháp Bồ tát đều được vô ngại, thường được đầy đủ bố thí Ba-la-mật... dẫn đến đầy đủ 80 vẻ đẹp.

Có 2 hạng người hành Bát nhã Ba-la-mật. Đó là:

- Hạng Bồ tát được vô sanh pháp nhãn.
- Hạng Bồ tát chưa được vô sanh pháp nhãn.

Hạng người an trú trong tâm vô tướng, vô lậu mà hành Bát nhã Ba-la-mật gọi là hạng Bồ tát vô sanh pháp nhãn.

Hỏi: Bồ tát chưa được vô sanh pháp nhãn, còn tham tiếc thân mạng mà nhẫn chịu sự đau đớn khi bị người khác đến đâm chém, cắt xẻ... mới là việc khó làm. Còn Bồ tát được vô sanh pháp nhãn rồi, chẳng còn thấy có thân, nên dù bị đâm chém, cắt xẻ... cũng chẳng thấy còn có đau đớn gì. Như vậy đâu còn là việc khó làm nữa?

Đáp: Bồ tát vô sanh pháp nhãn mà hành 6 pháp Ba-la-mật, mới là việc rất khó làm.

Vì sao?

Vì Bồ tát vô sanh pháp nhãn đã được tâm tịch diệt, đã thọ Niết Bàn lạc rồi, mà còn phát đại nguyện xả Niết Bàn lạc, để vào trong 3 cõi, thọ các sắc thân chúng sanh, như thân người hạ tiện, thân súc sanh v.v... nhằm phương tiện hóa độ chúng sanh. Đây quả là việc rất khó làm.

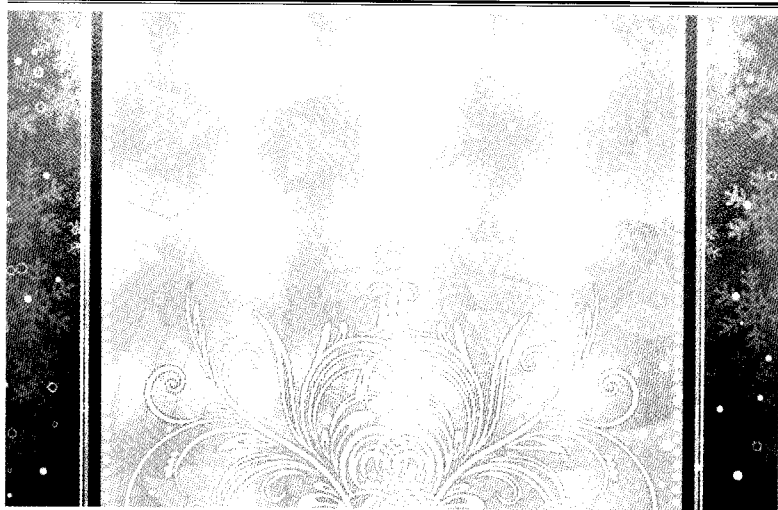
Còn sanh thân Bồ tát, do chưa dứt trừ được tham ái, nên chưa được tâm tịch diệt, vô lậu, vô tướng như các Bồ tát vô sanh pháp nhãn. Hạng Bồ tát này chỉ vì chấp Phật thân mà nhẫn thọ các sự đau đớn, đem thân mình ra bố thí. Như vậy là còn tham trước, còn hy vọng. Bố thí với tâm như vậy chưa phải là tinh thí, nên chẳng bằng được hạng Bồ tát vô sanh pháp nhãn vậy.

Lại nữa, phải ở nơi vô lậu, vô tướng mới có thể hành đầy đủ cả 6 pháp Ba-la-mật. Còn ở nơi hữu lậu, hữu tướng chẳng có thể hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật vậy.

(Hết quyển 87)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 88



Phẩm Thứ Bảy Mười Bảy



Lục Dụ
(Sáu Thí Dụ)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao các pháp là vô tướng (chẳng có tướng), là tự tướng không, là vô phân biệt (chẳng có phân biệt), mà ở nơi đó lại có thể tu đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật? Vì sao ở nơi các pháp chẳng có phân biệt, mà lại phân biệt nói có các pháp tướng dị biệt? Vì sao Bát nhã Ba-la-mật dung nhiếp tất cả 5 Ba-la-mật kia? Vì sao hành các pháp tướng dị biệt nhau, mà cũng đều đến nơi đạo “nhất tướng”, dẫn đến được quả Phật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong 5 ấm như mộng, như hương, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa^(*), mà hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục tinh tấn, thiền định, trí huệ. Bồ tát dùng trí huệ biết 5 ấm là như mộng, như hương, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa; biết 5 ấm như mộng là vô tướng... dẫn đến 5 ấm như hóa là vô tướng.

Vì sao? Vì mộng chẳng có tự tánh “không”, dẫn đến hóa cũng chẳng có tự tánh. Nếu pháp chẳng có tự tánh thì đó là pháp vô tướng. Nếu pháp nhất tướng (chỉ có một tướng), thì đó cũng là pháp vô tướng.

*. Xem thêm ở quyển 6 (phẩm thứ nhất - Mười Dụ).

Bởi nhân duyên vậy, nên biết Bồ tát bồ thí là bồ thí vô tướng: Người thí vô tướng, người thọ cũng vô tướng.

Biết như vậy là có thể được đầy đủ bồ thí Ba-la-mật... dẫn đến đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, đầy đủ 4 niệm xứ... dẫn đến đầy đủ 8 thánh đạo, đầy đủ nội không... dẫn đến đầy đủ vô pháp hữu pháp không, đầy đủ 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác”, đầy đủ 8 bối xả, đầy đủ 9 thứ đệ định, đầy đủ 5 thần thông, đầy đủ 500 đà la ni, đầy đủ 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí... dẫn đến đầy đủ 18 bất cộng pháp.

Bồ tát an trú trong pháp vô lậu đi cõi nước này đến cõi nước khác ở khắp 10 phương, để cúng dường chư Phật và làm lợi ích cho chúng sanh. Nếu thấy chúng sanh nào cần được bồ thí thì Bồ tát liền dùng bồ thí để nhiếp độ họ. Nếu thấy có chúng sanh nào cần phải dùng trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ mới nhiếp độ được, thì Bồ tát liền dạy cho họ tu trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Dẫn đến nếu thấy có chúng sanh nào phải dùng các thiện pháp để nhiếp độ họ, thì Bồ tát liền dùng các thiện pháp để nhiếp độ họ vậy.

Bồ tát thành tựu hết thấy thiện pháp, thọ thân thế gian, mà chẳng bị thế gian làm nhiễm ô. Dù hưởng thọ sự giàu sang, phú quý ở cõi trời hay cõi người, Bồ tát cũng đem phước lạc đó để nhiếp thủ chúng sanh.

Bồ tát biết hết thấy các pháp đều là vô tướng, nên chẳng trú nơi các quả Thanh Văn và Bích Chi Phật. Vì sao? Vì Bồ tát dùng hết thấy chủng trí, biết hết thấy pháp ắt sẽ được Nhất thiết chủng trí, nên chẳng đồng với hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát biết hết thấy pháp là vô tướng,

biết 6 pháp Ba-la-mật là vô tướng... dẫn đến biết hết thấy Phật pháp đều là vô tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong 5 âm như mộng, như huyễn, như ảnh, như diệm, như huyền, như hóa, nên thường đầy đủ “giới vô tướng Ba-la-mật”, còn gọi là “thánh giới vô lậu” dẫn vào 8 thánh đạo. An trú trong giới này, Bồ tát trì hết thấy giới gồm: danh tự giới, tự nhiên giới, luật nghi giới, tác giới, vô tác giới, oai nghi giới, phi oai nghi giới.

Bồ tát thành tựu các giới như vậy, chẳng nguyện sanh vào các đại gia, đại tộc, chẳng nguyện sanh làm Tiểu vương hay Chuyển luân thánh vương; chẳng nguyện ở các cõi trời, chẳng nguyện được các quả Thanh Văn và Bích Chi Phật. Vì sao? Vì hết thấy pháp là vô tướng, là nhất tướng; vì pháp vô tướng chẳng thể được pháp vô tướng, pháp hữu tướng chẳng thể được pháp hữu tướng, pháp hữu tướng chẳng thể được pháp vô tướng, pháp vô tướng chẳng thể được pháp hữu tướng.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, được đầy đủ trì giới Ba-la-mật, vào Bồ tát vị, được vô sanh pháp nhẫn, hành đạo chủng trí, được quả báo đắc 5 thân thông, trú trong 500 đà la ni, được 4 vô ngại trí. Lúc bấy giờ, Bồ tát đi cõi Phật này đến cõi Phật khác để cúng dường chư Phật, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, vào trong 5 đường chúng sanh, mà chẳng bị nghiệp báo sanh tử làm nhiễm ô.

Này Tu Bồ Đề! Ví như vị hóa Chuyển luân thánh vương, tuy có ngôi, có nằm, có đi, có đứng, mà chẳng thấy chỗ ngôi, chỗ nằm, chỗ đi, chỗ đứng; tuy có làm các việc lợi ích cho chúng sanh mà chẳng thấy có chúng sanh.

Bồ tát cũng là như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Ví như đức Phật Tu Phiến Đa được Vô Thượng Bồ Đề, chuyên 3 thừa pháp luân mà chẳng có Bồ tát được thọ ký, nên đã xả thọ mạng, tự diệt độ vào Vô Dur Niết Bàn, để lại Hóa Phật làm các Phật sự. Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, được đầy đủ trì giới Ba-la-mật, và nhiếp hết thấy thiện pháp.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong 5 ấm như mộng, như hương, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa, được đầy đủ “vô tướng nhãn nhục Ba-la-mật”.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong 2 thứ nhãn là sanh nhãn và pháp nhãn, mà được đầy đủ nhãn nhục Ba-la-mật. Từ khi sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng, nếu có chúng sanh nào đến mắng nhiếc, đánh đập, đâm chém mình, Bồ tát vẫn tu đầy đủ hạnh nhãn nhục Ba-la-mật, chẳng sanh oán hận, dù chỉ móng lên trong 1 niệm. Bồ tát tự hỏi rằng, “Có ai mắng nhiếc, đánh đập, đâm chém... ta đâu?”.

Vì sao? Vì ở nơi hết thấy pháp, Bồ tát được “vô tướng nhãn”, nên được đầy đủ nhãn nhục Ba-la-mật. Do được đầy đủ nhãn nhục Ba-la-mật, nên được vô sanh pháp nhãn.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là vô sanh pháp nhãn?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng sanh tâm bất thiện, dù chỉ là một niệm, thì được gọi là vô sanh pháp nhãn. Bồ tát dùng trí huệ đoạn sạch các phiền não, và quán biết hết thấy pháp đều là vô sanh (chẳng có sanh).

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vô sanh pháp nhãn của hàng Nhị thừa và vô sanh pháp nhãn của hàng Bồ tát có gì sai khác nhau chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thành tựu pháp nhẫn thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Vì sao? Vì đầy đủ đạo chủng trí, nên Bồ tát thường chẳng xa rời 37 Phẩm Trợ Đạo, chẳng xa rời 3 tam muội “Không, vô tướng và vô tác”... dẫn đến chẳng xa rời 5 thần thông. Do chẳng xa rời 5 thần thông nên thành tựu được chúng sanh, thanh tịnh được Phật độ... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí.

Như vậy là Bồ tát được đầy đủ “vô tướng nhẫn nhục Ba-la-mật”. Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong 5 ấm như mộng, như hương, như ảnh, như diệm, như huyền, như hóa, thường đầy đủ “vô tướng tinh tấn Ba-la-mật”.

Bồ tát hành thân tâm tinh tấn, khởi các thần thông đi khắp các cõi nước, để cúng dường chư Phật và làm các việc lợi ích cho chúng sanh, khiến họ an trú trong 3 thừa đạo.

Như vậy là Bồ tát được đầy đủ “vô tướng tinh tấn Ba-la-mật”.

Bồ tát lại dùng tâm tinh tấn vào vô lậu thánh đạo, được đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật. Do đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật, mà niếp được hết thấy thiện pháp, tu 37 Phẩm Trợ Đạo... dẫn đến 18 bất cộng pháp. Do hành các thiện pháp như vậy, mà Bồ tát được đầy đủ Nhất thiết chủng trí, đoạn sạch các tập khí phiền não, được 32 tướng tốt, phóng đại quang minh, chuyển 12 hành pháp luân, khiến khắp cõi đại thiên thế giới đều dấy lên 6 diệu chấn động. Chúng sanh khắp cõi đại thiên thế giới nhờ nghe thuyết pháp mà vào được 3 thừa đạo... dẫn đến được giải thoát. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong tinh tấn Ba-la-mật, thường làm lợi ích cho chúng sanh, thường được đầy đủ Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong 5 âm như mộng, như hương, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa, nên thường đầy đủ thiên Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát vào Sơ Thiên... dẫn đến đệ tứ thiên, vào 4 vô lượng tâm “từ, bi, hỷ, xả”, vào hư không vô biên xứ định... dẫn đến Phi hữu tướng phi vô tướng xứ định, vào 3 giải thoát môn “Không, vô tướng và vô tác”, vào Điện Quang tam muội, vào Kim Cang tam muội, vào Thánh chánh tam muội v.v... Ngoại trừ các tam muội của chư Phật ra, còn hết thấy các tam muội của các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật thì Bồ tát đều vào cả. Thế nhưng, dù vào các tam muội, mà Bồ tát chẳng có thọ các quả tam muội.

Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ các tam muội là vô tướng (chẳng có tướng), là vô sở hữu tánh (chẳng có tánh sở hữu).

Như vậy làm sao ở nơi pháp vô tướng mà có thể thọ mùi vị của pháp vô tướng, làm sao ở nơi pháp vô sở hữu mà có thể thọ mùi vị của pháp vô sở hữu.

Nếu chẳng thọ mùi vị của thiên định thì chẳng bị các lực thiên định dẫn sanh lên các cõi trời. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng thấy các cõi ấy, chẳng thấy các thiên định, chẳng thấy người vào thiên định, cũng chẳng thấy người dùng các pháp ấy.

Vì chẳng đắc các pháp ấy nên Bồ tát thường đầy đủ “vô tướng thiên Ba-la-mật”, vượt qua các Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát làm thế nào để được đầy đủ “vô tướng Thiên Ba-la-mật”?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát khéo học nội không,

ngoại không... dẫn đến khéo học vô pháp hữu pháp không, biết rõ ở nơi đó chẳng có chỗ để an trú, chẳng có các quả Thanh Văn... dẫn đến chẳng có Nhất thiết chủng trí. Tất cả các pháp không đó cũng đều là không.

Bồ tát hành các pháp không như vậy mà vào Bồ tát vị.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát vị? Thế nào là chẳng phải Bồ tát vị?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tất cả vô sở đắc (chẳng chỗ đắc) là Bồ tát vị. Tất cả hữu sở đắc (có chỗ đắc) là chẳng phải Bồ tát vị.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những gì là vô sở đắc, những gì là hữu sở đắc?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Sắc là hữu sở đắc; thọ, tưởng, hành, thức là hữu sở đắc; nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý là hữu sở đắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí là hữu sở đắc. Đây chẳng phải là Bồ tát vị.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát vị là các pháp bất khả đắc (chẳng có thể đắc), bất khả thuyết (chẳng có thể nói ra), bất khả thị (chẳng có thể thấy được). Hết thấy các pháp từ sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là như vậy cả.

Vì sao? Vì sắc tánh là chẳng thể thuyết ra được, chẳng thể thấy được... dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng chẳng thể thuyết ra được, chẳng thể thấy được vậy.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy gọi là Bồ tát vị. Vào trong Bồ tát vị, Bồ tát được đầy đủ các tam muội, mà chẳng tùy theo lực dẫn của các tam muội.

Bồ tát an trú trong như huyền pháp, chứng như huyền vị, độ như huyền chúng sanh. Bồ tát làm lợi ích

cho chúng sanh như vậy, mà chẳng thấy có chúng sanh khả độ (có thể độ). Vì sao? Vì như huyền pháp là bất khả đắc. Bồ tát ở nơi vô sở đắc, mà thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Như vậy là Bồ tát đầy đủ “vô tướng thiên Ba-la-mật”, thường chuyển pháp luân. Pháp luân đó cũng là bất khả đắc pháp luân.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát biết rõ hết thấy pháp đều là như mộng, như huyễn, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật làm sao để biết hết thấy pháp đều là như mộng... dẫn đến đều là như hóa?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy mộng, chẳng thấy người mộng... dẫn đến chẳng thấy hóa, chẳng thấy người hóa.

Vì sao? Vì mộng, huyễn, ảnh, diệm, huyễn và hóa đều là những pháp điên đảo của phàm phu, ngu muội.

Hết thấy pháp đều là tánh vô sở hữu, chẳng sanh, chẳng định.

Nếu các pháp là tánh vô sở hữu, là chẳng sanh, chẳng định, thì làm sao Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật lại thủ lấy tướng sanh, tướng định nơi các pháp! Thật chẳng thể nào có như vậy được.

Vì sao? Vì các pháp chẳng có tánh, nên khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng chấp sắc... dẫn đến chẳng chấp thức, chẳng chấp cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc; chẳng chấp các thiên giải thoát; chẳng chấp 4 niệm xứ... dẫn đến chẳng chấp 8 thánh đạo; chẳng chấp 3 giải thoát

môn “không, vô tướng và vô tác”; chẳng chấp Đản Ba-la-mật... dẫn đến chẳng chấp Bát nhã Ba-la-mật.

Vì chẳng chấp trước nên Bồ tát được đầy đủ sơ địa... dẫn đến được đầy đủ thập địa, mà ở nơi các địa cũng chẳng chấp trước. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng thấy mình đắc các địa, huống nữa là khởi tâm chấp các địa.

Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy mình đắc Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy các pháp vào trong Bát nhã Ba-la-mật, lại cũng chẳng thấy mình đắc các pháp.

Vì sao? Vì hết thấy các pháp cùng Bát nhã Ba-la-mật là chẳng phải hai, chẳng phải khác vậy. Vì khi đã vào trong pháp như, pháp tánh, thật tế, thì các pháp chẳng còn có sự phân biệt nữa.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Nếu các pháp đều là vô tướng, vô phân biệt, thì làm sao lại nói đến thiện và ác, đến hữu lậu và vô lậu, đến thế gian và xuất thế gian, đến hữu vi và vô vi?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Ở nơi thật tướng pháp, thì có pháp nào được gọi là thiện hay ác, là hữu lậu hay vô lậu, là thế gian hay xuất thế gian, là hữu vi hay vô vi chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thể nói như vậy được.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên vậy, nên phải biết hết thấy pháp đều là vô tướng, vô phân biệt, chẳng có sanh tướng, chẳng có định tướng, chẳng thể thấy, chẳng thể nói ra được.

Này Tu Bồ Đề! Trước kia, khi ta còn hành Bồ tát đạo, ta cũng chẳng thấy có pháp nào có tánh đắc, dù đó là sắc,

là thọ, là tướng, là hành, là thức, là hữu vi, là vô vi... dẫn đến dù đó là Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Từ khi sơ phát tâm cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phải khéo học các pháp tánh như vậy.

Khéo học các pháp tánh như vậy là được đạo Vô Thượng Bồ Đề. Hành đạo như vậy là được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Bồ tát an trú trong pháp Vô Thượng Bồ Đề, dùng 3 thừa giáo độ thoát chúng sanh, mà cũng chẳng chấp 3 thừa.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dùng pháp vô tướng phải như vậy mà học Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Ở đoạn kinh trên đây, ngài Tu Bồ Đề đã dùng pháp KHÔNG để hỏi Phật rằng, “Nếu hết thấy các pháp là vô tướng, vô phân biệt, thì làm sao Bồ tát có thể được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật?”

Phật cũng đã dùng pháp KHÔNG để trả lời lại rằng, “Bồ tát an trú trong 5 âm như mộng, như hương, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa, nên được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật”.

Hỏi: Bên hỏi và bên đáp y cứ nơi pháp KHÔNG. Như vậy 2 bên sai khác nhau ở chỗ nào?

Đáp: Ngài Tu Bồ Đề đã thâm nhập vào pháp KHÔNG, chẳng còn nghi ngờ gì nữa cả. Thế nhưng vì hàng phàm phu mà ngài phải nêu lên câu hỏi trên để xin Phật giải đáp.

Phật dạy: Hàng phàm phu, do xa rời thật trí huệ, do còn chấp các pháp tướng, nên mới thấy Bồ tát hành 6 pháp Ba-

la-mật sẽ đến được Vô Thượng Bồ Đề, sẽ được làm Phật. Do tâm chấp như vậy nên mới nạn hỏi.

Còn Bồ tát biết rõ 5 âm đều là như mộng, như hương, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa, nên thường dùng tâm KHÔNG mà hành bố thí... dẫn đến hành trí huệ. Bởi vậy nên tuy hành đầy đủ các pháp Ba-la-mật mà chẳng hề bị chướng ngại.

Ví như mây mù hay bụi trần ngăn che tầm mắt khiến người phàm phu chẳng có thể thấy được hư không. Cũng như vậy, do bị các phiền não tập khí che tâm, nên phàm phu chẳng thấy được thật tướng pháp.

Phàm phu do xa lìa thật tướng pháp, nên thấy có mây mù, có bụi trần ngăn che hư không. Còn chư Phật và chư đại Bồ tát, ở nơi thật tướng pháp, thấy hư không mà chẳng thấy có mây mù hay bụi trần.

Vì Bồ tát thường tự tại, vô ngại, nên ở nơi 1 niệm mà được đầy đủ các thiện pháp; ở nơi 1 Ba-la-mật mà được đầy đủ cả 6 Ba-la-mật.

Lại nữa, vì Bồ tát thường tu hành thanh tịnh vô lậu Ba-la-mật, nên khi chuyển thân vẫn được đầy đủ quả báo vô lậu.

Do được quả báo vô lậu, nên Bồ tát thường biến thân thành vô lượng thân, đi đến vô lượng cõi nước để nghe chư Phật thuyết pháp, để giáo hóa chúng sanh.

Hỏi: *Nếu biết các pháp đều là không, là vô tướng, thì làm sao có thể biết được hành bố thí Ba-la-mật mà đầy đủ các Ba-la-mật kia?*

Đáp: Người tu hành tuy chẳng tự phân biệt mình có hành Ba-la-mật nào, mà vẫn đầy đủ cả 6 Ba-la-mật.

Ví như người tu theo Thanh Văn, khi đã vào được “kiến

đề đạo”, đã thấy được các pháp vô lậu, vô tướng vô phân biệt rồi, là đã có được chánh kiến. Được chánh kiến rồi là có chánh hạnh, chẳng làm não hại chúng sanh, chẳng khởi niệm ác... dẫn đến có chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Tuy chẳng có chỗ nói, chẳng có chỗ làm mà vẫn gọi là có chánh ngữ, chánh nghiệp. Do đã thâm nhập vào chánh ngữ, chánh nghiệp, đã rốt ráo chẳng làm phiền nhiễu chúng sanh, mà thường phát tâm tinh tấn duyên niệm, nên gọi là có chánh niệm. Do thường nhiếp tâm tại một chỗ, nên gọi là có chánh định. Lại nữa, ở thân, thọ, tâm và pháp đều đã biết rõ thật tướng, nên gọi là được đầy đủ 4 niệm xứ.

Bồ tát hành 4 niệm xứ cũng vào 8 thánh đạo... dẫn đến cũng thường hành “vô tướng bồ thí Ba-la-mật”, thường đầy đủ trì giới Ba-la-mật, thường đầy đủ các thiện pháp. Vì sao? Vì bồ thí và trì giới nhiếp hết thảy các thiện pháp.

Hỏi: Ở phẩm trước nói, “Trong 1 niệm mà nhiếp hết thảy các Ba-la-mật”. Ở phẩm này nói, “Vô tướng Ba-la-mật nhiếp hết thảy các pháp”. Như vậy có gì khác nhau chăng?

Đáp: Ở phẩm trước nói, “Trong 1 niệm mà đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật”; còn ở phẩm này nói, “Các pháp tuy là không, là vô tướng, mà thường đầy đủ các pháp Ba-la-mật”.

Như vậy là có khác nhau.

Phẩm Thứ Bảy Mười Tám



Tứ Nhiếp Pháp

(Bốn pháp nhiếp độ chúng sanh)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp là như mộng, như hương, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa, chẳng thật có, là tánh vô sở hữu, là tự tướng không, thì làm sao phân biệt các pháp là thiện, là bất thiện, là thế gian, là xuất thế gian, là hữu lậu, là vô lậu, là hữu vi, là vô vi?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phạm phu ngu muội khi nằm mộng liền thấy có mộng, có người thấy mộng... dẫn đến khi được hóa liền thấy có hóa, có người được hóa. Do vậy mà khởi nghiệp thiện, nghiệp ác hay nghiệp vô ký ở nơi thân, khẩu và ý... dẫn đến tạo nghiệp phước, nghiệp tội hay nghiệp bất động.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật thường an trú trong 2 pháp không, đó là tất cánh không và vô thi không, để rồi vì chúng sanh thuyết pháp rằng, “Hỡi các người! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là không, là vô sở hữu; 12 nhập, 18 giới cũng đều là không, là vô sở hữu. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, 12 nhập, 18 giới đều là như mộng, như hương, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa. Các pháp vốn chẳng có. Chẳng có 5 ấm, 18 giới; chẳng có mộng cũng chẳng có người thấy mộng... dẫn đến chẳng có hóa, cũng chẳng có người được hóa. Hết thấy các pháp

đều chẳng có nguồn gốc, vì thật tánh là vô sở hữu. Do nghiệp dẫn sanh mà các người mới thọ thân 5 âm, nhưng 5 âm vốn là không. Đã chẳng có 5 âm, thì cũng chẳng có 12 nhập, 18 giới. Hết thấy pháp đều do nhân duyên hòa hợp sanh, đều do chấp tâm điên đảo mà khởi, và đều thuộc về nghiệp quả báo vậy. Vì sao nơi “pháp không” chẳng có nguồn gốc, mà các người lại chấp lấy tướng nguồn gốc?”.

Lúc bấy giờ, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng các lực phương tiện, ở nơi pháp xan tham mà nhổ gốc xan tham, đưa chúng sanh ra khỏi xan tham, dạy cho họ tu bố thí Ba-la-mật, khiến họ được đại phước báo. Nương theo phước báo đó, Bồ tát lại dạy chúng sanh tu trì giới, khiến họ được sanh lên cõi trời. Rồi Bồ tát lại dạy chúng sanh an trú nơi sơ thiên... dẫn đến nơi đệ tứ thiên, an trú nơi không vô biên xứ định... dẫn đến nơi phi hữu tướng phi vô tướng xứ định.

Khi chúng sanh đã hành bố thí và được quả báo bố thí, hành trì giới và được quả báo trì giới, hành thiên định và được quả báo thiên định rồi, thì Bồ tát lại dẫn dắt họ vào đạo Vô Du Niết Bàn. Vào trong đạo Niết Bàn, Bồ tát lại dạy họ tu 37 Phẩm Trợ Đạo, tu 3 giải thoát môn, tu 8 bói xả, tu 9 thứ đệ định, tu 10 Phật lực, tu 4 vô sở úy, tu 4 vô ngại trí... dẫn đến tu 18 bất cộng pháp.

Khi chúng sanh đã được an ổn rồi, Bồ tát lại dạy họ an trú nơi pháp vô lậu. Đây là thánh trú, nên là chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, và chẳng có chỗ đắc vậy.

Nếu chúng sanh nào còn hữu sở đắc, thì Bồ tát an ổn giáo hóa họ khiến họ được quả Thanh Văn và Bích Chi Phật. Nhưng rồi sau đó, Bồ tát cũng dẫn dắt họ vào Vô Thượng Bồ Đề, an ổn giáo hóa họ khiến họ an trú nơi Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chư đại Bồ tát rất là hy hữu, khó có ai bì kịp. Các ngài hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, thường ở nơi các pháp vô sở hữu tánh, rốt ráo không, vô thị không, mà vẫn phân biệt được các pháp là thiện, là bất thiện, là hữu lậu, là vô lậu... dẫn đến là hữu vi, là vô vi.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Chư đại Bồ tát rất là hy hữu, khó có ai bì kịp, thường hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, thường ở nơi các pháp vô sở hữu tánh, rốt ráo không, vô thị không, mà vẫn phân biệt được các pháp.

Này Tu Bồ Đề! Ông phải biết chư đại Bồ tát rất là hy hữu. Các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật còn chẳng có thể bì kịp, huống nữa là những người khác.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hành pháp của chư đại Bồ tát như thế nào mà các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật khó có thể bì kịp?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Ông hãy nhất tâm lắng nghe.

Có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, an trú trong quả báo đắc 6 Ba-la-mật, cũng an trú trong quả báo đắc 5 thần thông, đắc 37 Phẩm Trợ Đạo, đắc các đà la ni, đắc các vô ngại trí, mà đi từ cõi nước này đến cõi nước khác ở khắp 10 phương, dùng bố thí để nhiếp độ chúng sanh.

Có Bồ tát dùng trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, tùy chúng sanh hợp với pháp nào thì nhiếp độ họ theo pháp đó.

Có Bồ tát dùng sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, hoặc dùng không vô biên xứ định, thức vô biên xứ định, vô sở hữu xứ định,... dẫn đến phi hữu tướng phi vô tướng

xứ định, tùy chúng sanh hợp với pháp nào thì nhiếp độ họ theo pháp đó.

Có Bồ tát dùng từ, bi, hỷ, xả để nhiếp độ những chúng sanh mà phải cần đến các pháp đó mới nhiếp độ họ được.

Có Bồ tát dùng 4 niệm xứ, 4 chánh cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 thánh đạo, hoặc dùng 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác” để nhiếp độ những chúng sanh mà phải cần đến các pháp đó mới nhiếp độ họ được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát dùng bố thí làm lợi ích cho chúng sanh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát bố thí rộng khắp cho hết thảy chúng sanh. Thấy chúng sanh cần gì, thì Bồ tát liền cung ứng cho họ đầy đủ, từ các thức ăn uống, các đồ mặc... dẫn đến xe ngựa, hương hoa, anh lạc v.v...

Bồ tát bố thí cho chúng sanh như cúng dường chư Phật, chư Bích Chi Phật, chư Thanh Văn, chẳng có sai khác; bố thí cho người đã nhập vào chánh đạo, cho người phạm phu... dẫn đến bố thí cho chim thú đều đồng như nhau, chẳng có sai khác.

Vì sao? Vì hết thảy pháp đều chẳng khác, chẳng có phân biệt, nên Bồ tát bố thí cũng chẳng khác, chẳng có phân biệt.

Bồ tát bố thí như vậy, nên sẽ được quả báo vô phân biệt; đó là Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Khi Bồ tát thấy kẻ ăn xin, mà dấy niệm nghĩ rằng, “Phật là phước điền, ta mới phải nên cúng dường. Còn các hạng bần cùng, hạ tiện, các chim thú chẳng phải là phước điền, ta chẳng nên bố thí”. Nếu nghĩ như vậy là xa lìa pháp Bồ tát.

Vì sao? Vì Bồ tát đã phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, thì chẳng nên nghĩ rằng, “Ta nên bố thí cho chúng sanh này, chẳng nên bố thí cho chúng sanh kia”. Lại cũng chẳng nên nghĩ rằng, “Do nhân duyên bố thí mà ta sẽ được sanh vào các đại gia, đại tộc. Do nhân duyên bố thí, dùng 3 thừa đạo độ chúng sanh mà ta sẽ vào Vô Dư Niết Bàn v.v...”.

Bởi vậy nên, khi thấy có chúng sanh đến xin được bố thí, Bồ tát chẳng nên sanh tâm phân biệt, sai khác.

Vì sao? Bồ tát vì chúng sanh mà phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề. Nếu thấy có chúng sanh đến xin bố thí mà còn lựa chọn, còn phân biệt thì Bồ tát ắt sẽ bị thế gian phiền trách rằng, “Hết thấy chúng sanh đều cần đến sự che chở, sự cứu giúp của ngài. Nay có chúng sanh đến xin bố thí, sao ngài còn phân biệt, còn lựa chọn nên cho ai, chẳng nên cho ai?”

Lại nữa, khi hành Bát nhã Ba-la-mật, nếu có chúng sanh nào đến xin mình bố thí thân thể, hoặc đầu, mắt, tay, chân..., Bồ tát cũng chẳng nên do dự là nên cho hay là chẳng nên cho.

Vì sao? Bồ tát vì chúng sanh mà thọ thân nhằm cứu độ chúng sanh, phải nên nghĩ rằng, “Vì lợi ích chúng sanh mà ta thọ thân này. Nay có chúng sanh đến xin bố thí thân này, ta phải nên cho họ, chẳng nên từ khước”.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi thấy có chúng sanh đến xin được bố thí, Bồ tát phải tự hỏi rằng, “Ai cho? Ai xin? Cho gì và xin gì? Hết thấy các pháp đều chẳng có tự tánh, đều là rốt ráo không, nên chẳng có cho, chẳng có xin. Hết thấy pháp đều là rốt ráo không, nên đều là nội không, là ngoại không, là nội ngoại không, là đại không, là đệ nhất nghĩa không... dẫn đến là tự tướng không vậy.

Bồ tát an trú trong “không” mà được đầy đủ bố thí Ba-la-mật. Do đầy đủ bố thí Ba-la-mật, nên khi gặp chúng sanh đến mắng nhiếc, đánh đập, đâm chém... hay đến cướp giựt tài vật, Bồ tát liền tự hỏi, “Ta là ai? Kẻ đến đến mắng nhiếc, đánh đập, đâm chém ta là ai? Kẻ đến cướp giựt tài vật của ta là ai?”

Này Tu Bồ Đề! Như Lai dùng Phật nhãn, thấy ở phương Đông có hằng sa Bồ tát vào tận chốn địa ngục, dùng 3 pháp để giáo hóa chúng sanh. Đó là: Dùng thần thông- quán tâm niệm của chúng sanh- tùy chúng sanh thuyết pháp.

Bồ tát dùng lực thần thông dập tắt lửa địa ngục, làm lạnh nước đang sôi... dùng tha tâm trí quán biết tâm niệm của chúng sanh kể đến lại dùng “từ, bi, hỷ, xả” tùy chúng sanh thuyết pháp, khiến họ được tâm thanh tịnh. Nhờ vậy mà họ thoát khỏi cảnh địa ngục. Sau đó Bồ tát lại đem 3 thừa pháp giáo hóa chúng sanh, khiến họ dứt được các khổ sanh tử.

Ở khắp 10 phương đều là như vậy cả.

Này Tu Bồ Đề! Như Lai dùng Phật nhãn, quán trong hằng sa cõi nước ở khắp 10 phương, thấy các Bồ tát hầu hạ, cung kính, cúng dường các đức Phật. Nếu được các đức Phật dạy bảo điều gì, thì các Bồ tát ấy liền thọ trì đầy đủ. Dẫn đến khi được Vô Thượng Bồ Đề cũng chẳng có quên sót.

Này Tu Bồ Đề! Như Lai dùng Phật nhãn, quán trong hằng sa cõi nước ở khắp 10 phương, thấy các Bồ tát vì các loài chúng sanh mà xả thân mạng, tự phân cắt thân thể mình đem rải khắp nơi.

Súc sanh nào ăn được thịt của Bồ tát đều sanh lòng

kính mến. Nhờ vậy mà họ thoát khỏi kiếp súc sanh, được gặp Phật, được nghe Pháp, được tu tập theo 3 thừa pháp, dần dần được tâm thanh tịnh,... dẫn đến có thể được vào Vô Dư Niết Bàn.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát làm rất nhiều việc lợi ích cho chúng sanh, giáo hóa chúng sanh, khiến họ phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, đúng như pháp tu hành... mãi cho đến khi họ vào được Vô Dư Niết Bàn.

Này Tu Bồ Đề! Như Lai dùng Phật nhãn, quán trong hàng sa cõi nước ở khắp 10 phương, thấy các Bồ tát đang trừ nỗi khổ đói khát của hàng ngạ quỷ, khiến họ sanh lòng kính mến Bồ tát. Nhờ vậy mà họ thoát khỏi kiếp ngạ quỷ, được gặp Phật, được nghe pháp, được tu tập theo 3 thừa pháp, dần dần được tâm thanh tịnh,... dẫn đến có thể được vào Vô Dư Niết Bàn.

Bồ tát vì muốn độ chúng sanh, mà hành tâm đại bi như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Như Lai dùng Phật nhãn, quán thấy các Bồ tát ở trên cõi trời Tứ Thiên Vương, cõi trời Đao Lợi, cõi trời Dạ Ma, cõi trời Hóa Lạc, cõi trời Tha Hóa Tự Tại, vì hàng chur Thiên thuyết pháp. Chur Thiên ở các cõi trời này nghe Bồ tát thuyết pháp dần dần vào được 3 thừa đạo... dẫn đến được diệt độ.

Này Tu Bồ Đề! Trong hàng chur Thiên, nếu có vị nào còn tham đắm 5 dục, thì Bồ tát liền nổi lửa thiêu cháy cung điện của họ, rồi vì họ thuyết rằng, “Này chur Thiên tử! Hết thấy pháp hữu vi đều là vô thường. Chẳng có nơi nào được an ổn cả.

“Này Tu Bồ Đề! Như Lai dùng Phật nhãn, quán trong

hằng sa cõi nước ở khắp 10 phương, thấy có các vị Phạm Thiên chấp tà kiến, được các Bồ tát giáo hóa, khiến họ xa lìa tà kiến. Bồ tát dạy rằng, “Vì sao ở nơi các pháp hư vọng, chẳng có tự tướng, mà các ngài lại khởi sanh tà kiến?”.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong đại từ, vì chúng sanh thuyết pháp. Thật là hy hữu, khó có ai bì kịp.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Như Lai dùng Phật nhãn, quán trong hằng sa cõi nước ở khắp 10 phương, các Bồ tát dùng 4 nhiếp pháp để nhiếp độ chúng sanh. Đó là: Bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

* Thế nào là dùng bố thí để nhiếp độ chúng sanh?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dùng tài thí và pháp thí để nhiếp độ chúng sanh.

a. Tài thí: Bồ tát đem các tài vật để bố thí cho chúng sanh và nói với chúng sanh rằng “Các người cần vật dụng gì, ta sẽ cung ứng cho đầy đủ; chớ có nghi ngại”.

b. Pháp thí: Bồ tát tài vật xong, Bồ tát lại dạy cho chúng sanh quy y Tam bảo; dạy họ thọ 5 giới, thọ 8 trai giới; dạy họ tu 4 thiền, tu 4 vô sắc định, tu 4 vô lượng tâm; dạy họ tu 6 niệm, gồm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm Thiên; dạy họ tu quán bất tịnh, tu quán hơi thở ra vào; dạy họ tu 4 niệm xứ... dẫn đến tu 8 thánh đạo; dạy họ tu 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác”; dạy họ tu 8 bối xả, tu 9 thứ đệ định; dạy họ tu 10 Phật lực, tu 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí; dạy họ tu đại từ, đại bi; dạy họ tu 32 tướng tốt, tu 80 vẻ đẹp. Bồ tát cũng dạy họ tu 4 quả Thanh Văn, tu đạo Bích Chi Phật... dẫn đến dạy họ tu Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-

mật, dùng các phương tiện tài thí để nhiếp độ chúng sanh. Bồ thí tài vật cho họ xong rồi Bồ tát lại dạy cho họ tu tập, khiến họ được an ổn nơi pháp Niết Bàn vô thượng. Thật là hy hữu, khó có ai bì kịp.

*** Thế nào là dùng pháp thí để nhiếp độ chúng sanh?**

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dùng “pháp thí thế gian” và “pháp thí xuất thế gian” để nhiếp độ chúng sanh.

a. Pháp thí thế gian: Trước đây đã nói rõ về “pháp thí thế gian như dạy cho chúng sanh quán bất tịnh, quán hơi thở ra vào, tu 4 thiền, tu 4 vô lượng tâm, tu 4 vô sắc định v.v...

Vì dạy các pháp tu nêu trên đây hợp với chỗ sở hành của phàm phu, nên gọi là “pháp thí thế gian”.

b. Pháp thí xuất thế gian: Bồ tát hành “pháp thí thế gian” như vậy rồi, lại dùng các nhân duyên phương tiện giáo hóa họ, khiến họ xa rời thế gian.

Khi chúng sanh đã xa rời pháp thế gian, Bồ tát lại dùng các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, đưa họ vào nơi “vô lậu thánh pháp”, dẫn đến “vô lậu thánh quả”.

*** Thế nào là “vô lậu thánh pháp” và “vô lậu thánh quả”?**

Này Tu Bồ Đề! “Vô lậu thánh pháp” và “vô lậu thánh quả” là những pháp tu và những quả vị vô lậu, xuất thế gian.

a. Vô lậu thánh pháp: Vô lậu thánh pháp là 37 Phẩm Trợ Đạo, 3 giải thoát môn, cùng tất cả trí huệ thế gian và xuất thế gian... dẫn đến Nhất thiết chủng trí.

b. Vô lậu thánh quả: Vô lậu thánh quả là Tu-đà-hoàn... dẫn đến quả A-la-hán; quả Bích Chi Phật... dẫn

đến quả vị Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chư đại Bồ tát có được Nhất thiết chủng trí chăng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Các đại Bồ tát có được Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nhất thiết chủng trí của Bồ tát và Nhất thiết chủng trí của Phật có gì khác chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đại Bồ tát được Nhất thiết chủng trí, thì được gọi là Phật.

Vì sao? Vì tâm Bồ tát cùng tâm Phật chẳng có sai khác.

Bồ tát an trú nơi Nhất thiết chủng trí, như thật biết hết thấy các pháp; chẳng có pháp nào mà chẳng thấu suốt.

Bồ tát do nơi thế gian pháp thí, mà được xuất thế gian pháp thí. Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát giáo hóa chúng sanh khiến họ được pháp thế gian, rồi dùng lực phương tiện dạy họ được pháp xuất thế gian.

* Thế nào là pháp xuất thế gian?

Này Tu Bồ Đề! Pháp xuất thế gian là pháp chẳng đồng với pháp của phàm phu.

Nên biết rằng 4 niệm xứ, 4 chánh cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 thánh đạo, 3 giải thoát môn, 8 bối xả, 9 thứ đệ định, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, 500 đà la ni... đều được gọi là pháp xuất thế gian.

* Thế nào là 4 niệm xứ?

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát quán nội thân theo thân, quán

ngoại thân theo thân, quán nội ngoại thân theo thân. Bồ tát siêng năng, tinh tấn dùng nhất tâm trí huệ mà quán nhân duyên thân tập, quán thân diệt, quán hành sanh diệt của thân. Hành đạo như vậy là chẳng có chỗ sở y nơi thế gian, chẳng có chỗ sở thọ nơi các pháp. Như vậy là “thân niệm xứ”.

Đối với “thọ, tâm và pháp niệm xứ” cũng là như vậy.

* Thế nào là 4 chánh cần?

Này Tu Bồ Đề! Đó là:

-Điều ác đã sanh, phải trừ dứt.

-Điều ác chưa sanh, phải ngăn đừng cho sanh.

-Điều lành chưa sanh, phải khiến cho sanh.

-Điều lành đã sanh, phải khiến cho tăng trưởng.

* Thế nào là 4 như ý túc?

Này Tu Bồ Đề! Đó là:

-Dục tam muội, quyết hành thành tựu.

-Niệm tam muội, quyết hành thành tựu.

-Tinh tấn tam muội, quyết hành thành tựu.

-Tư duy tam muội, quyết hành thành tựu.

* Thế nào là 5 căn?

Này Tu Bồ Đề! Đó là: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, và huệ căn.

* Thế nào là 5 lực?

Này Tu Bồ Đề! Đó là: Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, và huệ lực.

*** Thế nào là 7 giác chi?**

Này Tu Bồ Đề! Đó là: Niệm giác chi, trạch giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi (còn gọi là trừ giác chi), định giác chi và xả giác chi.

*** Thế nào là 8 thánh đạo?**

Này Tu Bồ Đề! Đó là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

*** Thế nào là 3 giải thoát môn?**

Này Tu Bồ Đề! Đó là: Không tam muội, vô tướng tam muội và vô tác tam muội.

- “Không tam muội”: Hành không, hành vô ngã để nhiếp tâm gọi là hành “không tam muội”.

- “Vô tướng tam muội”: Hành tịch diệt, hành ly để nhiếp tâm gọi là hành “vô tướng tam muội”.

- “Vô tác tam muội”: Hành vô thường, hành khổ để nhiếp tâm gọi là hành “vô tác tam muội”.

*** Thế nào là 8 bối xả?**

Này Tu Bồ Đề! Đó là 8 pháp quán nhằm xả bỏ các cảnh giới thiền định thế gian, và thành tựu thiền định xuất thế gian.

- Trong có sắc tướng, ngoài quán sắc, nhằm xả bỏ cảnh giới sơ thiền là bối xả thứ nhất.

- Trong chẳng có sắc tướng, ngoài quán sắc, nhằm xả bỏ cảnh giới nhị thiền là bối xả thứ hai.

- Quán thanh tịnh sắc, thân tác chứng, nhằm xả bỏ cảnh giới tam thiền và tứ thiền là bối xả thứ ba.

- Vượt qua hết thấy sắc tướng, diệt hết thấy tướng có đôi ngại, chẳng niệm hết thấy tướng dị biệt khác mà quán hư không vô biên xứ, nhập hư không vô biên xứ định, nhằm xả bỏ cảnh giới này là bối xả thứ tư.

- ... Dẫn đến vượt qua phi hữu tướng phi vô xứ định, nhập vào diệt thọ tướng định, rồi xả bỏ cảnh giới này là bối xả thứ tám.

* Thế nào là 9 thứ đệ định?

Này Tu Bồ Đề! Đó là: 4 thiền (sơ thiền... dẫn đến tứ thiền); 4 không (không vô biên xứ định... dẫn đến phi hữu tướng phi vô tướng xứ định), và diệt thọ tướng định.

Hành giả ly dục, ly các ác bất thiện pháp, ly sanh hỷ lạc vào sơ thiền; lần lượt vào nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, không vô biên xứ định, thức vô biên xứ định, vô sở hữu xứ định, phi hữu tướng phi vô tướng xứ định; rồi vượt qua phi hữu tướng phi vô tướng xứ định mà vào diệt thọ tướng định.

* Thế nào là 10 Phật lực?

Này Tu Bồ Đề! Đó là 10 trí lực của Phật, gồm có:

- Thị xứ phi thị xứ trí lực. Do lực này mà biết rõ các sự lý đúng chỗ hay là chẳng đúng chỗ.

- Nghiệp báo trí lực. Do lực này mà biết rõ các nhân duyên nghiệp báo của từng chúng sanh ở cả ba đời.

- Thiên giải thoát tam muội trí lực. Do lực này mà biết rõ từng chúng sanh đã vào thiên định tam muội nào; trong khi tham thiền tư duy cấu hay tịnh v.v...

- Thượng hạ căn trí lực. Do lực này mà biết rõ căn cơ của từng chúng sanh lợi độn như thế nào.

- **Chủng chủng dục trí lực.** Do lực này mà biết rõ chúng sanh ham muốn gì, thiện dục hay ác dục.

- **Chủng chủng tánh trí lực.** Do lực này mà biết rõ tánh đức của từng chúng sanh; biết rõ họ sẽ hướng tâm về cảnh giới nào.

- **Đạo trí lực.** Do lực này mà biết rõ tầm mức hiểu đạo và hành đạo của từng chúng sanh.

- **Túc mạng trí lực.** Do lực này mà biết rõ đời trước của các chúng sanh, từ 1 đời... dẫn đến nhiều đời.

- **Sanh tử trí lực.** Do lực này mà biết rõ các chúng sanh đã thành tựu nghiệp thiện, nghiệp ác như thế nào, và sau khi mạng chung sẽ về đâu trên đường sanh tử.

- **Lậu tận trí lực.** Do lực này mà biết rõ chúng sanh nào đã được lậu tận, đã được tâm vô lậu giải thoát, đã được trí vô lậu giải thoát.

* Thế nào là 4 vô sở úy?

Này Tu Bồ Đề! Đó là 4 đức chẳng có sợ hãi của Phật, gồm:

- **Nhất thiết trí vô sở úy:**

Phật nói lên lời thành thật rằng, “Ta là đấng nhất thiết chánh trí. Nếu có sa môn, Bà-la-môn, Phạm thiên hoặc bất cứ người nào khác nói ta chẳng biết pháp ấy, dẫn đến chẳng thấy, chẳng nói ra được, thì ta cũng chẳng chút sợ hãi. An trú trong thánh xứ ta được an ổn, chẳng sợ hãi, nên ở giữa đại chúng ta thuyết pháp, chuyển pháp luân, mà các hàng sa môn, Bà-la-môn, Phạm thiên... đều chẳng thể chuyển được”.

- **Lậu tận vô sở úy:**

Phật nói lên lời thành thật rằng, “Ta là đấng lậu tận. Nếu có sa môn, Bà-la-môn, Phạm thiên hoặc bất cứ người nào khác nói ta chẳng biết pháp ấy, dẫn đến chẳng thấy, chẳng nói ra được, thì ta cũng chẳng chút sợ hãi. An trú trong thánh xứ ta được an ổn, chẳng sợ hãi, nên ở giữa đại chúng ta thuyết pháp, chuyển pháp luân, mà các hàng Sa Môn, Bà-la-môn, Phạm Thiên... đều chẳng thể chuyển được”.

- Thuyết chương đạo vô sở úy:

Phật nói lên lời thành thật rằng, “Ta đã được như thật pháp, khiến các chương pháp chẳng có thể làm chương ngại đạo của ta. Nếu có sa môn, Bà-la-môn, Phạm thiên hoặc bất cứ người nào khác nói các chương pháp mà ta chỉ ra chẳng chương ngại đạo, dẫn đến ta chẳng thấy, chẳng nói ra được, thì ta cũng chẳng chút sợ hãi. An trú trong thánh xứ ta được an ổn, chẳng sợ hãi, nên ở giữa đại chúng ta thuyết pháp, chuyển pháp luân, mà các hàng sa môn, Bà-la-môn, Phạm thiên... đều chẳng thể chuyển được”.

- Thuyết thánh đạo vô sở úy:

Phật nói lên lời thành thật rằng, “Ta có thánh đạo vượt ra khỏi thế gian. Chúng sanh nào hành theo đạo của ta sẽ thoát được các khổ. Nếu có sa môn, Bà-la-môn, Phạm thiên hoặc bất cứ người nào khác nói hành đạo của ta chẳng thể vượt ra khỏi thế gian, chẳng thoát được các khổ, thì ta cũng chẳng chút sợ hãi. An trú trong thánh xứ ta được an ổn, chẳng sợ hãi, nên ở giữa đại chúng ta thuyết pháp, chuyển pháp luân, mà các hàng sa môn, Bà-la-môn, Phạm thiên... đều chẳng thể chuyển được”.

* Thế nào là 4 vô ngại trí?

Này Tu Bồ Đề! Đó là:

- Nghĩa vô ngại trí. Do có trí huệ này mà biết rõ nghĩa lý của các pháp chẳng có gì ngăn ngại.

- Từ vô ngại trí. Do có trí huệ này mà biết rõ các danh tự, ngữ ngôn chẳng có gì ngăn ngại.

- Pháp vô ngại trí. Do có trí huệ này mà biết rõ hết thấy các pháp chẳng có gì ngăn ngại.

- Lạc thuyết vô ngại trí. Do có trí huệ này mà vui vẻ thuyết pháp, chẳng hề thối chuyển, chẳng có gì ngăn ngại.

* Thế nào là 18 bất cộng pháp?

Này Tu Bồ Đề! Đây là 18 công đức mà chỉ riêng Phật thừa mới có. 18 bất cộng pháp gồm có:

- Thân chẳng có lỗi.

- Miệng chẳng có lỗi.

- Niệm chẳng có lỗi.

- Chẳng có khác tướng.

- Tâm thường ở trong định.

- Xả bỏ tất cả,

- Tâm lợi sanh chẳng có thối chuyển.

- Tinh tấn chẳng có thối chuyển.

- Niệm chẳng có thối chuyển.

- Huệ chẳng có thối chuyển.

- Giải thoát chẳng có thối chuyển.

- Giải thoát tri kiến chẳng có thối chuyển.

- Thân nghiệp tùy theo huệ hành.

- Khẩu nghiệp tùy theo huệ hành.

- Ý nghiệp tùy theo huệ hành.
- Trí huệ biết quá khứ vô ngại.
- Trí huệ biết hiện tại vô ngại.
- Trí huệ biết vị lai vô ngại.
- * Thế nào là 32 tướng tốt?

Này Tu Bồ Đề! 32 tướng tốt, nêu sau đây, là 32 tướng của bậc đại nhân. Người có 32 tướng tốt, nếu ở tại gia sẽ thành Chuyển luân thánh vương, nếu xuất gia sẽ thành Phật. Đó là:

- Tướng bàn chân bằng phẳng.
- Tướng dưới bàn chân có hai vành xa luân.
- Tướng ngón tay dài, thon và thẳng.
- Tướng ngón chân rộng và bằng.
- Tướng ngón tay, ngón chân khi xòe ra có màng da mỏng dính liền, như chân chim nhạn.
- Tướng bàn chân cao và dày.
- Tướng tay và chân mềm mại.
- Tướng tay dài. Khi đứng thẳng, tay dài đến đầu gối.
- Tướng bắp tay và bắp chân thon như đùi nai chúa.
- Tướng âm tàng (nam căn) điều hòa.
- Tướng thân cao và rộng.
- Tướng lông xoáy lên phía trên và mịn.
- Tướng ở mới lổ chân lông có một sợi lông xoáy vòng qua phải và xoáy lên phía trên.

- Tướng thân sắc vàng. Sắc vàng của thân chẳng có loại vàng nào sánh kịp.
- Tướng ở các phía thân đều có hào quang 1 trượng. Thân Phật ở giữa vòng hào quang, trang nghiêm, rực rỡ vào bậc nhất.
- Tướng làn da mỏng và mịn.
- Tướng có 7 phần trong thân thể bằng phẳng và đầy đặn (2 vai, gáy, 2 bàn tay, 2 bàn chân).
- Tướng dưới 2 nách no đầy, chẳng có cao, chẳng có sâu.
- Tướng thân to lớn và thẳng.
- Tướng vai tròn và đẹp.
- Tướng có 40 cái răng.
- Tướng răng đều đặn và sít sao.
- Tướng răng trắng như tuyết.
- Tướng 2 má vuông bầu như 2 má của sư tử.
- Tướng được hưởng thượng vị. Các thức ăn vào miệng đều có thượng vị thơm ngon.
- Tướng lưỡi dài và rộng.
- Tướng Phạn âm. Tiếng nói phát ra trong trẻo, vang dội đi rất xa, nghe chẳng bao giờ nhảm chán.
- Tướng mắt xanh biếc như đóa sen xanh.
- Tướng lông mi dài và đẹp, chẳng có tạp loạn.
- Tướng có “nhục kế” ở đỉnh đầu.
- Tướng có lông trắng nằm giữa 2 chân mày.
- Tướng mình trên như mình sư tử.

Thân Phật thành tựu đủ 32 tướng tốt, phóng quang minh chiếu khắp cõi đại thiên thế giới. Có lúc Phật phóng quang minh đến vô lượng thế giới ở khắp 10 phương. Thế nhưng, tùy thuận chúng sanh, nên Phật thường chỉ thọ thân quang minh tỏa xa 1 trượng. Âm thanh của Phật vang khắp cõi đại thiên thế giới. Có lúc âm thanh của Phật vang đến tận vô lượng thế giới ở khắp 10 phương. Thế nhưng, tùy nghiệp cảm của chúng sanh, tùy số lượng chúng sanh nhiều hay ít, mà Phật phát âm thanh đến với họ cho họ vừa đủ nghe.

LUẬN:

Hỏi: Trước đây ngài Tu Bồ Đề đã có lần hỏi Phật, “Nếu các pháp đều là tự tánh không, thì làm sao có thể phân biệt được thiện ác?”. Nay vì sao ngài Tu Bồ Đề lại hỏi nữa? Nghĩa lý có gì khác chăng?

Đáp: Vì từ vô thi đến nay, chúng sanh tâm chấp sâu dày, khó tin, khó hiểu, nên ngài Tu Bồ Đề phải thưa hỏi Phật nhiều lần về một vấn đề.

Lại nữa, khi muốn nói về Bát nhã Ba-la-mật, thì cốt yếu phải đề cập đến nghĩa “không”, nên ngài Tu Bồ Đề phải thưa hỏi Phật nhiều lần.

Khi Phật còn tại thế, thì số chúng sanh lợi căn, thượng trí rất nhiều, nên rất dễ được ngộ. Thế nhưng 500 năm sau khi Phật diệt độ, thì chúng sanh thường ái chấp Phật pháp; họ vào trong các pháp mà lại chấp các pháp đều là không, là như mộng, như huyễn, nên khởi tâm nghi. Họ nghi rằng ở nơi các pháp không, như mộng, như huyễn, thì chẳng sao có thể phân biệt được thiện ác.

Ngài Tu Bồ Đề thương xót chúng sanh ở đời vị lai, phần

đồng chẳng có căn trí thông lợi, nên khó tin, khó hiểu pháp “không”, nên ngài phải hỏi lại Phật, “Nếu các pháp đều là tự tánh không, thì làm sao có thể phân biệt được thiện ác?”.

Ở đây Phật nêu lên các nhân duyên cho thấy rằng do tâm điên đảo mà khởi sanh các chấp điên đảo. Phạm phu khi nằm mộng liền chấp cảnh mộng, chấp các sự việc thấy trong mộng. Lại nữa, người chẳng tin tội phước, thì khởi sanh 3 bất thiện nghiệp; người tin tội phước, thì khởi sanh 3 thiện nghiệp. Thiện, bất thiện cũng như bất động đều dẫn sanh các quả báo thế gian: Thiện dẫn đến các quả báo thiện; bất thiện dẫn đến các quả báo ưu bi, khổ não; còn bất động nghiệp thì dẫn sanh lên các cõi Sắc và Vô sắc.

Bồ tát biết rõ cả 3 nghiệp đều là hư dối, chẳng thật có, nên thường an trú trong 2 pháp không, là tất cánh không và vô thi không, để vì chúng sanh thuyết pháp. Bồ tát dùng tất cánh không để phá các chấp về pháp tướng; lại dùng vô thi không, để phá các chấp về chúng sanh tướng.

Bồ tát an trú trong đạo, vì chúng sanh thuyết pháp, nói với chúng sanh rằng, “5 âm, 12 nhập, 18 giới... đều là không, là như mộng, như huyễn, như ảnh, như diệm, như huyễn, như hóa”; lại nói với chúng sanh rằng, “Ở trong mộng chẳng có mộng, chẳng có người thấy mộng... dẫn đến ở trong hóa chẳng có hóa, chẳng có người thấy hóa”; lại nói với chúng sanh rằng, “Các người ở trong pháp không, mà tâm các người điên đảo, nên mới khởi sanh các chấp điên đảo”. Trong kinh nói rằng Bồ tát dùng các lực phương tiện dẫn dắt chúng sanh thoát ra khỏi lưới tà chấp điên đảo.

Bồ tát dạy chúng sanh tu bố thí nhằm phá chấp xan tham điên đảo, rồi lại dạy họ tu trì giới. Thế nhưng chúng sanh lại chấp quả báo bố thí và trì giới, mà chẳng biết rằng quả báo ấy

là vô thường là chẳng thật có... Do vậy, Bồ tát nói với chúng sanh rằng, “Chư Thiên do quả báo bố thí và trì giới mà được hưởng phước lạc ở cõi trời. Nhưng khi đã hưởng hết phước đức rồi, thì cũng sẽ bị đọa lạc, sẽ phải thọ khổ đau”.

Bồ tát lại dạy chúng sanh tu ly dục, hành thiền định, và nói với họ rằng, “Quả báo thiền định cũng là hư dối, chẳng thật có, thường dẫn hành giả vào trong điên đảo”.

Vậy nên các quả báo bố thí, trì giới, thiền định đều là vô thường, là chẳng thật có; chấp các quả báo đó là tội lỗi vậy.

Bồ tát lại dạy chúng sanh trú trong pháp Niết Bàn tịch tịnh; dùng lực phương tiện của pháp Niết Bàn mà tu 4 niệm xứ... dẫn đến tu 18 bất cộng pháp.

Như vậy, trước hết Bồ tát tán thán công đức bố thí và trì giới, dạy chúng sanh tu bố thí, trì giới để xa lìa tội lỗi, nhưng liền nói tu bố thí và trì giới cũng chưa thoát khỏi vô thường, khổ đau. Rồi Bồ tát lại dạy chúng sanh tu thiền định, nhưng liền nói quả báo thiền định cũng hư dối, chẳng thật có. Sau cùng, Bồ tát tán thán thật tướng pháp, dạy cho chúng sanh tu pháp không, dẫn họ vào Vô Dư Niết Bàn.

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề hoan hỷ, tán thán Bồ tát rằng, “Hy hữu thay Bồ tát biết rõ thật tướng pháp là rốt ráo không, mà vẫn vì chúng sanh thuyết pháp, khiến họ vào Vô Dư Niết Bàn.

Phật dạy: Chư đại Bồ tát rất là hy hữu. Các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng sao có thể bì kịp.

Hỏi: *Phật là phước điền vô thượng. Như vậy vì sao nói bố thí chúng sanh và cúng dường chư Phật bình đẳng, chẳng có phân biệt?*

Đáp: Bồ tát dùng lực Bát nhã Ba-la-mật mà hành Bồ

tát đạo, nên ở nơi hết thầy pháp vẫn thường giữ tâm rất ráo không, vô phân biệt.

Ví như thân chúng sanh do 5 ấm, 12 nhập, 18 giới hòa hợp sanh. Thân Phật cũng là như vậy. Do các thiện pháp hòa hợp mà giả danh gọi là thân Phật. Kinh dạy, “Người trải rộng tâm từ bi thương xót hết thầy chúng sanh được phước đức vô lượng, thì người ở nơi Phật mà khởi tâm chấp cũng phải thọ vô lượng tội”.

Bồ tát biết rõ hết thầy pháp đều rất ráo không, nên chẳng khinh chúng sanh, chẳng chấp tâm kính Phật. Vì sao? Vì ở nơi thật tướng pháp, các pháp đều là vô tướng, mà ở nơi vô tướng thì chẳng có phân biệt Phật và chúng sanh. Nếu có phân biệt là còn chấp tướng, nên phải thường quán bình đẳng vậy.

Hỏi: *Thân Bồ tát chẳng phải là gỗ, là đá. Như vậy, Bồ tát làm sao có thể chẳng sanh sân tâm khi bị kẻ khác đến đâm chém mình?*

Đáp: Có thuyết nói Bồ tát tu nhẫn nhục Ba-la-mật, nên chẳng còn sanh phiền não. Ví như vị tiên nhân Săn Đề, tiền thân của đức Phật Thích Ca Mưu Ni, tu hạnh nhẫn nhục Ba-la-mật, bị vua Ca Ly cắt đứt chân tay mà chẳng sanh lòng hờn giận. Đây là do Bồ tát từ bi muốn độ chúng sanh, lại do đã thâm nhập vào Bát nhã Ba-la-mật, nên mới được tâm bất động, được quả báo như hư không, chẳng cảm thấy có đau đớn vậy. Như vậy gọi là Bồ tát đã vào được nơi “vô phân biệt Bát nhã Ba-la-mật”.

Có thuyết nói Bồ tát an trú nơi pháp thân, chẳng nghĩ đến sắc thân nên chẳng thấy có đau đớn. Bồ tát được tâm vô lậu thanh tịnh, nên mới được quả báo thanh tịnh, thánh thiện như vậy.

Bởi vậy nên biết “xả thân Bồ thí” là pháp rất hy hữu. Trong kinh có nói đến trường hợp Bồ tát xả thân, vào tận chốn địa ngục để cứu độ chúng sanh, thật là rất hy hữu vậy.

Hỏi: *Như vậy vì sao vẫn còn địa ngục?*

Đáp: Có vô lượng chúng sanh thì cũng có vô lượng cõi địa ngục.

Hỏi: *Chúng sanh ăn thịt Bồ tát có mang tội chăng?*

Đáp: Đây là bốn nguyên của Bồ tát. Bồ tát tự phân cắt thân thể mình để Bồ thí cho các loài súc sanh. Súc sanh nào ăn được thân của Bồ tát sẽ kính mến Bồ tát, khởi từ tâm, dẫn đến sẽ được độ. Do vậy mà chẳng bị tội.

Như kinh Duy Ma Cật nói, “Ăn hương phạn(**) vào người, thì 7 ngày sau sẽ được giải thoát”. Như vậy, người ăn thịt chúng sanh mà phát từ tâm cũng có thể được độ vậy.

Lại như kinh *Pháp Hoa* nói, “Bồ tát Dược Vương(***) đem

** “Hương phạn” là cơm có mùi hương thơm. Trong kinh Duy Ma Cật (Phẩm XI- Bồ tát hạnh) có nói rằng: Ngài Duy Ma Cật hiện thân thông đi xin cơm ở cõi Hương Tích đem về cúng dường đại chúng. Người nào ăn cơm này vào liền có mùi hương thơm toát ra từ các lỗ chân lông, và 7 ngày sau mới tiêu hết. Nếu tu pháp Thanh Văn mà chưa vào chánh vị thì vào chánh vị rồi mới tiêu; vào chánh vị rồi thì được tâm giải thoát mới tiêu; được tâm giải thoát mà chưa phát ý Đại thừa, thì phát ý Đại thừa mới tiêu; phát ý Đại thừa mà chưa được vô sanh pháp nhẫn, được vô sanh pháp nhẫn mới tiêu; được vô sanh pháp nhẫn rồi, thì được nhất sanh bồ xứ mới tiêu.

*** Trong kinh *Pháp Hoa* (Phẩm XXIII- Dược Vương Bồ tát Bản Sự) có nói rằng: Vào thời Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức có vị Bồ tát tên là Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến, tiền thân của Bồ tát Dược Vương, trải qua nhiều kiếp tu khổ hạnh, dùng thân thông đi khắp các cõi Phật, và sau cùng trú trong Hiện Tiền Nhất Thiết Sắc Thân tam muội. Ngài vui mừng nghĩ rằng “Do được nghe kinh Pháp Hoa mà ngài vào được tam

trần bảo cúng dường Phật mà chưa được vừa lòng, nên đã đem thân cúng dường xá lợi Phật”. Đây là việc rất hy hữu. Vì sao? Vì chúng sanh thường rất quý thân mạng, hơn tất cả các vật sở hữu khác. Bởi vậy nên cúng dường thân mạng là việc hy hữu, khó có ai có thể làm được.

Hỏi: *Vì sao trong 5 đạo chúng sanh, chỉ nói lược về 4 đạo, mà lại rộng nói về nhân đạo?*

Đáp: Chúng sanh ở trong 3 ác đạo chịu quá nhiều đau khổ, nên ít có khởi tâm nghi. Do vậy, khi Bồ tát Đại Thông đến tận các nơi đó để độ họ, thì họ liền tin mà được độ vậy.

Còn chư Thiên do có thiên nhãn nên tự thấy quả báo tội phước. Chỉ có loài người, do chẳng thấy quả báo tội phước, mà thường bị các tà kiến chấp ngoại đạo ngăn che tâm trí, nên thường sanh phiền não.

Kinh nói rằng có 2 hạng chúng sanh khó được độ. Đó là:

- Hạng bị tà kiến thường phạm các trọng tội.
- Hạng chỉ có nhục nhãn, nên chẳng thấy được quả báo tội phước của mình gây ra.
- Loài người thường bị rơi vào trong 2 trường hợp này, nên ở nơi đoạn kinh nêu trên đây nói nhiều về nhân đạo vậy.

muội này”. Nghĩ như vậy rồi, ngài dùng thân thông hiện đủ thứ hương thơm, dầu thơm cúng dường Phật và kinh. Ngài thoa bột và dầu thơm khắp cả mình, uống các chất dầu thơm, rồi dùng nguyện lực châm lửa tự đốt thân mình. Sau khi mạng chung, ngài lại tái sanh vào cõi nước của Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức. Sau khi Phật diệt độ, ngài xây tháp báu cúng dường xá lợi Phật. Xong ngài tự đốt 2 cánh tay để cúng dường tháp thờ xá lợi của Phật.

Đây là trường hợp Bồ tát xả bỏ sắc thân ô uế, cầu pháp thanh tịnh; xả bỏ chấp ngã, dùng thân vô tướng để cúng dường Phật vậy.

Hỏi: *Vì sao trong 4 nhiếp pháp lại nói nhiều về bố thí?*

Đáp: Trong 4 nhiếp pháp gồm bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự, thì bố thí là pháp dẫn đầu.

Vì sao? Vì nơi bố thí có nhiếp đủ cả 3 pháp kia rồi. Nếu đem tài vật bố thí cho chúng sanh, rồi lại thuyết pháp cho họ nghe, dẫn họ vào đạo, thì sẽ sanh được lòng tin nơi đạo pháp. Bởi vậy nên trong kinh nói nhiều về hạnh bố thí.

Hỏi: *Vì sao chỉ nói lược về tài thí, mà lại nói rộng về pháp thí hơn?*

Đáp: Tài thí chỉ có quả báo hạn lượng; pháp thí có vô lượng quả báo:

- Tài thí dẫn sanh quả báo ở cõi Dục; còn quả báo của pháp thí thì thông cả 3 cõi.

- Tài thí thường chỉ giúp hành giả được phước lạc ở cõi người và cõi trời; còn pháp thí giúp hành giả đạt được Niết Bàn lạc. Vì tài thí chỉ tạo quả báo giàu sang, phú quý; còn pháp thí mới dẫn vào Phật đạo, vào Niết Bàn vậy.

Hỏi: *Bồ tát có được Nhất thiết chủng trí chăng?*

Đáp: Khi nêu câu hỏi này, ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng, “Bồ tát đã được Nhất thiết chủng trí rồi thì chẳng còn là Bồ tát nữa, mà đã trở thành Phật rồi vậy”.

Phật dạy: Người hành Bồ tát đạo, khi chưa được Nhất thiết chủng trí thì còn gọi là Bồ tát, khi đã được Nhất thiết chủng trí rồi thì được gọi là Phật.

Thế nhưng, khi đã được Nhất thiết chủng trí rồi, đã vào trong đệ nhất nghĩa rồi, thì hết thấy pháp đều không, chẳng còn thấy Phật, huống nữa là Bồ tát.

Kinh dạy, “Tâm Phật và tâm Bồ tát chẳng có sai khác”. Vì sao? Vì 2 tâm thứ lớp nối nhau, chẳng có hề đứt đoạn, nên nói 2 tâm chẳng khác nhau, chẳng phân biệt vậy.

Hỏi: *Vì sao nói pháp xuất thế gian là pháp chẳng đồng với pháp của phàm phu?*

Đáp: Vì như Chuyển luân thánh vương cũng có đầy đủ 32 tướng tốt như Phật. Thế nhưng, Chuyển luân thánh vương do phước báo mà được 32 tướng tốt. Còn Phật do đã đầy đủ quả báo vô lậu mà thành tựu 32 tướng tốt. Chuyển luân thánh vương cũng có đầy đủ 32 tướng tốt nhưng chẳng được tự tại, vì phước báo có hạn lượng. Còn Phật có đầy đủ 32 tướng tốt, được tự tại, vô ngại ở nơi hết thảy pháp.

Chuyển luân thánh vương có đầy đủ 32 tướng tốt, nhưng chẳng có đầy đủ 80 vẻ đẹp. Chỉ Phật mới có đầy đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Bởi vậy nên nói pháp xuất thế gian chẳng đồng với phàm phu.

Hỏi: *Từ trước đã có nhiều lần nói các pháp, từ 5 âm... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, mà chẳng có nói đến 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Nay gần cuối kinh Bát nhã Ba-la-mật, vì sao lại nói nhiều về 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp?*

Đáp: Phật có 2 thân là “sinh thân” và “pháp thân”.

Trước đây rộng nói về pháp thân, vì pháp thân có lợi ích lớn.

Nay kinh Bát nhã Ba-la-mật đã đến đoạn cuối, nên phải nói về nghĩa của sinh thân. Nói về sinh thân của Phật, thì phải nói về 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp, là quả báo của thánh pháp vô lậu.

Lại nữa, trước nói về thậm thâm nghĩa của Phật pháp, nên nói về pháp thân của Phật. Nay vào cuối kinh, chỉ lược nói

về thậm thâm nghĩa của Phật pháp, mà rộng nói về các tướng trang nghiêm của Phật, nên nói nhiều về sanh thân của Phật đầy đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp.

Hỏi: *10 Phật lực là tổng tướng, Nhất thiết chủng trí là biệt tướng. Nay vì sao chỉ nói về 10 Phật lực?*

Đáp: Thật ra Phật có vô lượng trí lực, mà chúng sanh chẳng có thể hiểu hết được. Dùng 10 Phật lực cũng đủ để độ chúng sanh rồi.

Dùng “thị xứ phi thị xứ trí lực”, Bồ tát biết rõ các sự lý nào là đúng chỗ, các sự lý nào là chẳng đúng chỗ. Ví như biết lý nhân quả là thị xứ (đúng chỗ); lý 5 cái, tu 7 giác chi mà được đạo là thị xứ (đúng chỗ) v.v...

Ví như vị thầy thuốc hay chẩn bệnh rồi mới cho thuốc; nếu thấy bệnh nhân nào còn có hy vọng cứu sống mới chữa trị. Cũng như vậy, Bồ tát biết rõ những chúng sanh nào có thể độ được, những chúng sanh nào chẳng thể độ được. Bồ tát dùng các phương tiện độ sanh dựa vào 2 lực. Đó là: Nghiệp lực và định lực.

Bồ tát biết rõ chúng sanh do nghiệp lực dẫn dắt, mà phải thọ sắc thân ở thế gian, nên dạy cho họ tu thiên định. Nương theo lực thiên định mà được giải thoát.

Vì sao? Vì tịnh nghiệp thường có công năng đoạn các ác nghiệp.

Nếu đã có tạo ác nghiệp rồi, thì phải hành thiên định, lấy tịnh nghiệp thiên định giải thoát để tiêu trừ các ác nghiệp.

Hỏi: *Vì sao chẳng dạy hết thầy chúng sanh tu tịnh nghiệp?*

Đáp: Vì căn tánh chúng sanh có lợi, có độn sai khác nhau.

Những chúng sanh độn căn dễ bị các ác nghiệp dẫn dắt vào 3 đường ác. Những chúng sanh lợi căn thường thích tu 10 thiện đạo cùng các pháp trợ đạo khác; nhờ vậy mà thường tạo nên các thiện nghiệp, được phước lạc ở cõi trời, cõi người... dẫn đến được giải thoát.

Hỏi: *Vì sao hết thầy chúng sanh chẳng làm điều thiện?*

Đáp: Phật dạy chúng sanh có thiện tánh hoặc có ác tánh sai khác nhau.

Ví như đã có sẵn mụn nhọt rồi, thì khi chạm vào đó mới có máu chảy ra. Cũng như vậy, do có tánh nóng nảy, nên mới khởi sanh ác dục (sự muốn làm điều ác).

Nên biết “tánh” và “dục” khác nhau: Tánh tiềm ẩn bên trong; dục phát hiện ra bên ngoài. Tánh thì nặng; dục thì nhẹ. Tánh thì khó trừ, dục thì dễ xả.

Ví tánh là sâu, dục là cạn, nên nếu dùng tánh mà làm các sự việc ắt phải thọ nghiệp báo; còn nếu dùng dục mà làm các sự việc thì chưa hẳn phải thọ nghiệp báo.

Lại có thuyết nói, “Dục cứ lặp đi lặp lại nhiều lần sẽ trở thành tập quán. Tập quán đó càng lâu càng tăng trưởng để trở thành tánh. Ngược lại, tánh cũng thường sanh dục”.

Chúng sanh trú trong tánh để làm thiện, làm ác. Nếu trú trong tánh thiện, thì có thể độ được. Nếu trú trong tánh ác, thì chẳng có thể độ được.

Phật biết rõ chúng sanh nào có thiện tánh, được sanh vào các thiện đạo... dẫn đến được vào Niết Bàn đạo; chúng sanh nào có ác tánh bị đọa vào các ác đạo.

Hỏi: *“Đạo trí lực” và “thiên nhân lực” sai khác nhau như thế nào?*

Đáp: Người có thiên nhãn chỉ thấy được chúng sanh trong các đường sanh tử, chỉ thấy được các quả báo tội phước ở hiện tiền. Người có đạo trí lực thấy xa rộng hơn nhiều; thấy rõ được mức hiểu đạo và hành đạo của từng chúng sanh. Do vậy mà biết rõ những chúng sanh có thể được độ, những chúng sanh chưa có thể được độ.

Hỏi: *Thanh Văn và Bích Chi Phật cũng có Niết Bàn. Như vậy, vì sao nói chẳng có “đạo trí lực”?*

Đáp: Phải có đầy đủ 3 lực, nêu sau đây, mới thông đạt và mới khắp biết tất cả các việc làm của chúng sanh ở cả trong 3 đời:

- Phải có “túc mạng trí lực” mới biết rõ đời trước của chúng sanh.

- Phải có “sanh tử trí lực” mới biết rõ được chúng sanh đã tạo các duyên nghiệp như thế nào, và ở đời vị lai sẽ đi về đâu trên đường sanh tử.

- Phải có “đạo trí lực” mới biết rõ chúng sanh nào có thể được độ, chúng sanh nào chưa có thể được độ. Lực này chỉ có Phật mới có; hàng Nhị thừa chẳng có thể có được.

Trong kinh có nêu mẩu chuyện như sau:

Ngài Xá Lợi Phất gặp một người đã đến thời kỳ chứng đạo, mà ngài chẳng hay biết, nói là chưa có đủ nhân duyên được đạo, nên ngài chẳng độ. Đến chiều, Phật dùng túc mạng thông quán thấy từ 80 vạn kiếp trước người ấy đã tạo nhân duyên để được đạo. Nay đã đến thời kỳ thành tựu. Bởi vậy nên, chiều hôm ấy nghe Phật thuyết một thời pháp, người ấy liền được quả A-la-hán.

Phật thường dùng 10 Phật lực để độ chúng sanh:

- Dùng lực thứ nhất, biết rõ chúng sanh nào có thể độ, chúng sanh nào chẳng có thể độ.

- Dùng lực thứ hai, biết rõ chúng sanh nào bị 3 chướng che tâm, chúng sanh nào chẳng bị 3 chướng che tâm.

- Dùng lực thứ ba, biết rõ khi vào thiên định giải thoát, chúng sanh nào tâm tịnh, chúng sanh nào tâm cấu.

- Dùng lực thứ tư, biết rõ căn cơ lợi độn của chúng sanh; đã thông đến tánh hay chẳng thông đến tánh.

- Dùng lực thứ năm, biết rõ chúng sanh ham muốn gì, có thiện dục, hay ác dục.

- Dùng lực thứ sáu, biết rõ chúng sanh do nhân duyên tâm dục thiện hay ác sai khác nhau, mà có tánh dục sai khác nhau.

- Dùng lực thứ bảy, biết rõ chúng sanh do căn tánh sai khác nhau, mà tầm hiểu và hành đạo có sai khác.

- Dùng lực thứ tám, biết rõ chúng sanh ở đời trước có nghiệp thiện, nghiệp ác như thế nào.

- Dùng lực thứ chín, biết rõ chúng sanh nào đời nay chưa thể độ được, đời sau mới có thể độ được.

- Dùng lực thứ mười, biết rõ chúng sanh nào đã dùng giải thoát môn không, hay giải thoát môn vô tướng, hay giải thoát môn vô tác để vào Niết Bàn; biết rõ chúng sanh nào đã có kiến đế đạo, tư duy đạo, và ở mỗi niệm đã đoạn được bao nhiêu kiết sử v.v...

Nhờ 10 lực đó mà Phật đã dùng các nhân duyên nói pháp thích hợp với từng đối tượng chúng sanh, khiến mỗi chúng sanh đều được lợi lạc.

Hỏi: Nếu trí huệ Phật vô lượng, thì các tướng ở thân Phật cũng vô lượng. Như vậy, vì sao Phật chỉ có 32 tướng tốt như các chuyển luân thánh vương?

Đáp: Con số 32 tướng tốt là chẳng phải nhiều, chẳng phải ít. Ở nơi thân của Phật và của các đại Bồ tát, các tướng tốt chẳng có số lượng nhất định. Tùy theo chúng sanh ưa thích tướng gì, thì các ngài hiện các tướng ấy, nhằm dẫn đạo chúng sanh. Ví như thấy chúng sanh quý lưu ly, pha lê hơn vàng, thì Phật chẳng hiện thân sắc vàng mà lại hiện thân lưu ly, pha lê.

Phật tùy thuận chúng sanh ưa thích tướng gì, thì hiện ra tướng ấy, chẳng có nhất định vậy. Ví như có nơi chúng sanh ưa thích đôi mắt đen trắng phân minh; có nơi chúng sanh lại thích đôi mắt xanh; có nơi chúng sanh thích đôi vai tròn là lớn, có nơi chúng sanh chẳng có thích như vậy.

Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Bồ tát Đạo Lợi ở nước Phát Tân có tướng các ngón tay xòe ra có màng da mỏng dính liền mà thân phụ của ngài cho là quái dị vì giống chân chim, nên đã cắt bỏ màng da đó đi.

Có thuyết nói, “32 tướng tốt của Phật do lực thần thông biến hóa ra. Chúng sanh thích tướng gì, thì Phật biến hóa ra tướng ấy”.

Có thuyết nói, 32 tướng tốt của Phật chẳng phải do thần thông biến hóa. Tùy theo từng cõi nước mà Phật hiện các tướng theo đúng sự ưa thích của chúng sanh ở cõi nước đó, nhằm độ họ vậy”.

Trong kinh *Mật Tích* nói rằng, “Phật hiện thân sắc vàng, hoặc hiện thân sắc bạc, hoặc hiện thân sắc của mặt trời, của mặt trăng, của các vị sao... ; hoặc hiện thân dài, ngắn, cao,

thấp... Tất cả đều nhằm mục đích dẫn đạo chúng sanh mà hiện ra các tướng sai khác nhau như vậy”.

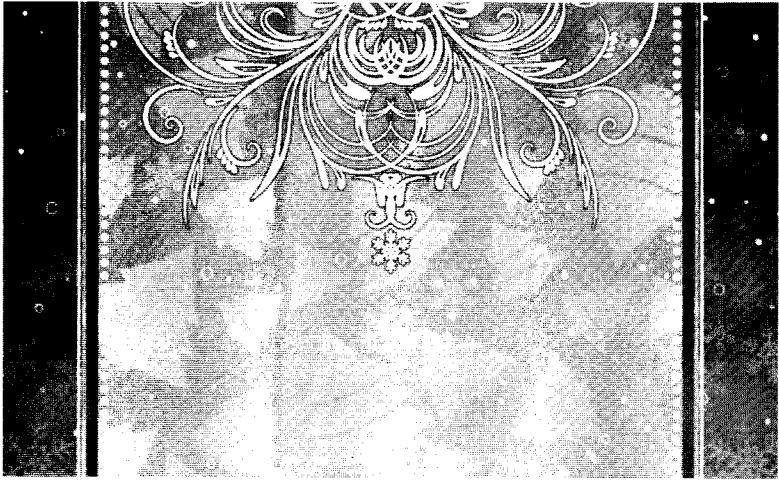
Ví như ở nước Thiên Trúc, trong cõi Diêm phù đề, chúng sanh thích được thấy 32 tướng tốt như đã nêu ở đoạn kinh trên đây, thì Phật hiện ra 32 tướng tốt đó.

Thế gian thường nhắc đến 5 tướng: Mắt, mũi, lưỡi, vai và tay chân. Bởi vậy nên chúng sanh ở cõi nước này khởi tâm cung kính Phật khi họ thấy 5 tướng tốt này ở nơi thân Phật.

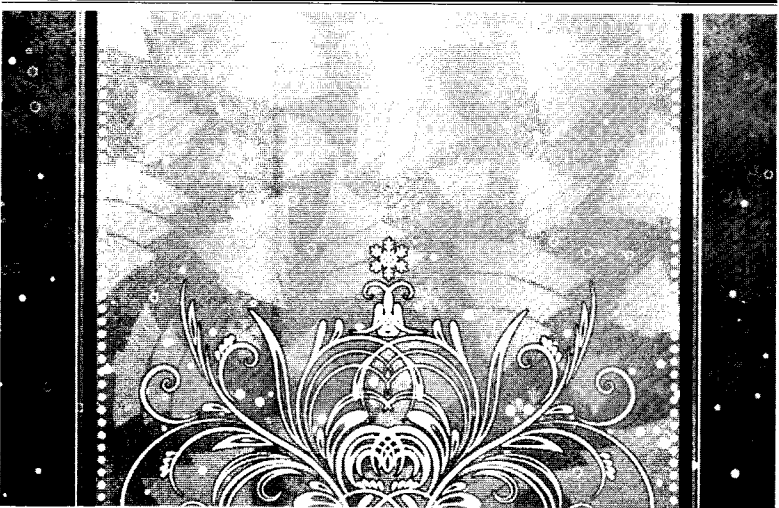
Có người thích thấy các tướng xa luân ở lòng bàn chân Phật, tướng tóc của Phật xoắn như ốc, tướng ngón tay dài, tướng lưỡi rộng dài và mỏng v.v... của Phật. Tất cả những tướng tốt đó đều khiến họ khởi tâm cung kính Phật. Ở nước Thiên Trúc, Phật chỉ hiện có 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp.

Ở rất nhiều cõi nước khác, Phật phải hiện ra rất nhiều tướng, hoặc trăm, ngàn, vạn... dẫn đến vô lượng tướng tốt khác.

(Hết quyển 88)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 89



Phẩm Thứ Bảy Mười Tám (TIẾP THEO)



Tứ Nhiếp Pháp (tiếp theo)

KINH:

*** Thế nào là 80 vẻ đẹp?**

Này Tu Bồ Đề! Đó là:

- **Đỉnh đầu chẳng thấy được^(*).**
- **Đôi môi cong, đẹp, tựa như vàng trắng non.**
- **Thân vững vàng như thân Na La Diên (lực sĩ cõi tiên).**
- **Khi xoay, thân tựa như thân voi chúa.**
- **Toàn thân tinh khiết**
- **Thân thẳng, chẳng cong.**
- **Chỉ ở bàn tay trang nghiêm.**
- **Mắt cá chẳng lộ ra.**
- **Khi đi, thân chẳng lay động.**
- **Tay chân đầy đủ.**
- **Mũi cao thẳng, lỗ mũi kín.**

*. Tướng này gọi là “vô kiến đánh tướng”, chẳng hiện ra ở nơi thân thể, nên phàm phu chẳng thể thấy được, chỉ có chư Thiên hoặc những người có huệ nhãn mới có thể thấy được.

Tướng này hiện ra như một vành bánh xe nhỏ có cả ngàn cây cắm và sáng chói.

- Vành tai lớn và dài, thòng xuống.
- Đầu xương câu móc với nhau móc xích.
- Khi đi chân dõ cách mặt đất 4 tấc, chỉ chân hiện rõ trên mặt đất.
- Đầu gối cứng và tròn.
- Thân mềm mại.
- Ngón tay dài và vót tròn.
- Mạch máu ẩn sâu.
- Thân tròn láng, mịn màng.
- Thân đầy đủ.
- Dung nghi đầy đủ.
- Thường an ổn, chẳng động.
- Tất cả đều muốn nhìn.
- Mặt chẳng đổi sắc.
- Môi đỏ như trái tần bà.
- Rún sâu và tròn đầy.
- Tay chân bằng và đầy.
- Chỉ tay thẳng và sáng.
- Chỉ tay chẳng đứt đoạn.
- Gương mặt rộng và đẹp.
- Hòa vui với chúng sanh.
- Mùi thơm tỏa ra nơi miệng.
- Đi chậm rãi như voi chúa.

- Đầu như trái ma đà na.
- Răng sắc bén.
- Lưỡi mỏng.
- Lòng tinh khiết.
- 9 lỗ có tướng đầy đủ.
- Rún chẳng lộ ra ngoài.
- Bụng thon.
- Thân đoan nghiêm.
- Thân cao ráo.
- Quanh thân có hào quang 1 trượng.
- Xem chúng sanh bình đẳng.
- Tùy chúng sanh mà dùng âm thanh vừa đủ nghe.
- Tùy thuận chúng sanh mà thuyết pháp.
- Thuyết pháp theo thứ lớp nhân duyên.
- Người xem chẳng nhàm chán.
- Tóc chẳng rối.
- Tóc xanh như ngọc thanh châu.
- Tất cả đều oai nghiêm.
- Khuôn mặt dài vừa phải.
- Khuôn mặt tròn đầy.
- Âm hưởng thâm sâu.
- Lòng xoắn về phía phải.
- Tay chân như ý.

- Chi tay dài.
- Chúng sanh có ác tâm khi nhìn thấy liền được vui.
- Mặt sáng như trăng rằm.
- Mùi thơm từ lỗ chân lông.
- Dung nghi oai vệ như sư tử.
- Tướng đi như ngỗng chúa.
- Âm phát ra đầy đủ, rõ ràng.
- Lưỡi màu đỏ.
- Lông màu hồng.
- Mặt rộng và dài.
- Tay chân trắng và đỏ như màu hoa sen.
- Bụng cũng chẳng lộ.
- Thân chẳng khuynh động.
- Phần thân trên nở nang.
- Tay chân dịu dàng, tinh khiết.
- Khi đi có hào quang chiếu theo.
- Chẳng khinh chúng sanh.
- Thuyết pháp mà chẳng chấp.
- Đến nơi nào thì dùng ngôn ngữ nơi đó mà thuyết pháp.
- Chúng sanh chẳng thể thấy hết các tướng nơi thân Phật.
- Tóc dài và đẹp.
- Tóc xoắn đẹp.
- Tay chân có tướng phước đức.

Này Tu Bồ Đề! Thân Phật thành tựu đầy đủ 80 vẻ đẹp như vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát dạy chúng sanh rằng, “Này các thiện nam, thiện nữ! Phải khéo phân biệt các tự môn, từ 1 chữ... dẫn đến 42 chữ. Hết thấy các tự môn đều nhập vào trong tự môn đầu tiên; cũng đều nhập vào trong tự môn thứ hai, trong tự môn thứ ba... dẫn đến cũng đều nhập vào trong tự môn thứ bốn mươi hai”.

Tất cả các ngữ ngôn đều nhập vào trong 42 chữ; 1 chữ nhập vào trong 42 chữ; 42 chữ nhập vào trong 1 chữ.

Chúng sanh phải như vậy mà khéo học 42 chữ. Khéo học 42 chữ rồi, lại phải khéo thuyết “tự pháp”. Khéo thuyết “tự pháp” rồi, lại phải khéo thuyết “vô tự pháp”.

Này Tu Bồ Đề! Phật khéo biết pháp, khéo biết “tự pháp”, khéo biết “vô tự pháp”; vì “vô tự pháp” mà nói “tự pháp”. Vì sao? Vì vượt lên trên hết thấy “danh-tự pháp”, nên gọi là Phật pháp.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy là Bồ tát dùng tài thí và pháp thí để nhiếp độ chúng sanh.

Đây là việc làm rất hy hữu, khó có thể bì kịp.

-o0o-

*** Thế nào là Bồ tát dùng ái ngữ để nhiếp độ chúng sanh?**

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dùng 6 Ba-la-mật, vì chúng sanh, thuyết pháp, dạy cho họ rằng, “Người hành 6 pháp Ba-la-mật nhiếp được hết thấy các thiện pháp.

-o0o-

*** Thế nào là Bồ tát dùng lợi hành để nhiếp độ chúng sanh?**

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thấy chúng sanh chìm đắm trong đêm dài vô minh, nên dùng 6 pháp Ba-la-mật để giáo hóa chúng sanh, khuyên họ hành 6 pháp Ba-la-mật.

-o0o-

*** Thế nào là Bồ tát dùng đồng sự để nhiếp độ chúng sanh?**

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dùng các lực thần thông biến hóa vào tận trong 5 đạo chúng sanh, sống với chúng sanh, làm các công việc chung với chúng sanh, rồi dùng 4 nhiếp pháp “bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự”, để tùy duyên nhiếp độ chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chúng sanh là bất khả đắc, pháp là bất khả đắc, pháp tánh cũng là bất khả đắc vì là rốt ráo không, là vô tướng không vậy.

Bạch Thế Tôn! Như vậy, Bồ tát làm sao hành 6 pháp Ba-la-mật; làm sao hành 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; 37 Phẩm Trợ Đạo, 18 pháp không; làm sao hành 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác”, bố thí, 9 thứ đệ định, làm sao hành 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, làm sao hành 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp? Bồ tát làm sao an trú trong 5 thần thông mà vì chúng sanh thuyết pháp?

Bạch Thế Tôn! Chúng sanh bất khả đắc, 5 ấm bất khả đắc, 6 pháp Ba-la-mật bất khả đắc... dẫn đến 80 vẻ đẹp cũng bất khả đắc.

Trong bất khả đắc, chẳng có chúng sanh, chẳng có sắc... dẫn đến chẳng có 80 vẻ đẹp.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật làm sao có thể vì chúng sanh thuyết pháp được?

Bạch Thế Tôn! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát còn bất khả đắc, huống nữa là có Bồ tát pháp!

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Như chỗ ông nói. Vì chúng sanh bất khả đắc, nên là nội không, là ngoại không, là nội ngoại không... dẫn đến là vô pháp hữu pháp không. Vì chúng sanh bất khả đắc nên 5 ấm, 12 nhập, 18 giới, 12 nhân duyên... dẫn đến 18 bất cộng pháp đều không; 4 quả Thanh Văn... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều không.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát quán hết thấy pháp đều không; nên vì chúng sanh thuyết pháp, mà chẳng chấp tướng “không”.

Bồ tát quán các pháp vô ngại, mà chẳng phá hoại pháp tướng, chẳng có phân biệt, chỉ vì chúng sanh như thật thuyết pháp vậy.

Ví như Phật hóa ra vô lượng người, rồi dạy cho họ tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục tinh tấn, thiền định, trí huệ; dạy họ tu 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định v.v... Ý ông nghĩ sao? Có phân biệt biết các người hóa đó phá hoại các pháp chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng được vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phải biết Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, vì chúng sanh thuyết pháp, khiến họ xa rời được các điên đảo, an trú nơi pháp vô phược, vô giải (chẳng trói, chẳng mở).

Vì sao? Vì sắc chẳng trói, chẳng mở... dẫn đến thức chẳng trói, chẳng mở. Sắc chẳng trói, chẳng mở là chẳng phải sắc... dẫn đến thức chẳng trói, chẳng mở là chẳng phải thức.

Vì sao? Vì sắc, thọ, tưởng, hành và thức đều rốt ráo thanh tịnh... dẫn đến vì hết thấy pháp hữu vi và vô vi đều là rốt ráo thanh tịnh.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát vì chúng sanh thuyết pháp, mà chẳng đắc chúng sanh, chẳng đắc hết thấy pháp, vì tất cả đều là bất khả đắc.

Bồ tát chẳng trú pháp, chẳng trú pháp tướng. Vì sao? Vì sắc... dẫn đến pháp hữu vi, pháp vô vi đều là không; vì tự tánh các pháp là bất khả đắc, nên chẳng có chỗ trú vậy.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dùng pháp “không” như vậy mà nói pháp tức là hành Bát nhã Ba-la-mật. Do vậy nên, dù nói Phật pháp, dù nói Thanh Văn pháp, dù nói Bích Chi Phật pháp cũng đều chẳng có lỗi lầm.

Vì sao? Vì khi đã đắc các pháp rồi, mới y pháp nói ra, mà chẳng chuyển các pháp tướng. Ví như pháp tánh thật tế là không, là chẳng chuyển được, nên chẳng hành (vô hành) là hành pháp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu như pháp tánh thật tế chẳng chuyển, thì sắc cùng với pháp tánh, pháp như và thật tế có gì khác nhau chẳng? Thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu... cùng với pháp tánh, pháp như, thật tế có gì khác nhau chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Sắc... dẫn đến pháp hữu lậu,

pháp vô lậu cùng với pháp tánh, pháp như, thật tế chẳng có gì sai khác nhau cả.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng có gì khác, thì làm sao phân biệt pháp ác có quả báo ác đưa đến các cõi địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh; pháp lành có quả báo lành đưa đến các cõi trời và người? Làm sao phân biệt phàm và thánh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Do ở nơi thế đế mà phân biệt có quả báo ác, quả báo thiện. Chẳng phải ở nơi đệ nhất nghĩa vậy.

Vì sao? Vì ở nơi đệ nhất nghĩa chẳng có tướng, chẳng có phân biệt, cũng chẳng có ngôn thuyết. Hết thảy các pháp, từ sắc... dẫn đến pháp hữu lậu, pháp vô lậu đều là chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, đều là rốt ráo không, là vô thí không.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu do nơi thế đế mà phân biệt có các quả báo, chẳng phải do nơi đệ nhất nghĩa đế, thì phàm phu cũng có được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến được quả Vô Thượng Bồ Đề chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phàm phu có biết đệ nhất nghĩa đế chẳng? Nếu biết, thì cũng có được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến được quả Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Vì phàm phu chẳng biết được thế đế, cũng chẳng biết được đệ nhất nghĩa đế, chẳng biết đạo, chẳng phân biệt được các đạo quả, thì chẳng sao có được đạo quả.

Này Tu Bồ Đề! Các bậc Thánh biết rõ thế đế, cũng biết rõ đệ nhất nghĩa đế, có đạo, có tu đạo, nên phân biệt biết rõ các quả sai khác.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tu đạo có được quả chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy. Tu đạo chẳng được quả; không tu đạo cũng chẳng được quả; mà cũng chẳng ly đạo quả, lại cũng chẳng trú trong đạo mà được quả.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chỉ vì chúng sanh phân biệt có các quả, mà chẳng phân biệt là tánh hữu vi hay tánh vô vi.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng có phân biệt là tánh hữu vi hay tánh vô vi của các quả, thì vì sao Phật lại nói rằng, “3 hạ phần kiết sử tận, thì được quả Tu-đà-hoàn. Tham sân si mỏng thì được quả Tu-đà-hàm. 5 kiết sử tận, thì được quả A-na-hàm. 10 kiết sử tận, thì được quả A-la-hán. Hết thấy tập khí tận, thì được quả Bích Chi Phật. Các phiền não và tập khí tận, thì được quả Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Làm sao có thể phân biệt các quả là tánh hữu vi hay là tánh vô vi?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ông cho các quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật... dẫn đến quả Vô Thượng Bồ Đề là hữu vi hay là vô vi?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tất cả các quả đó đều là vô vi.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Trong pháp vô vi có phân biệt chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào

thông đạt hết pháp hữu vi và vô vi đều là nhất tướng, là vô tướng, thì người ấy có còn phân biệt hữu vi và vô vi chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát vì chúng sanh thuyết pháp mà chẳng phân biệt các pháp, vì biết tất cả đều là nội không... dẫn đến đều là vô pháp hữu pháp không vậy.

Bồ tát tự mình chẳng chấp trước các pháp, và cũng dạy người khác chẳng chấp trước các pháp. Khi tu 6 pháp Ba-la-mật, tu 37 Phẩm Trợ Đạo, tu 4 thiền, tu 4 vô lượng tâm... dẫn đến tu Nhất thiết chủng trí, Bồ tát tự mình chẳng chấp trước, và cũng dạy người khác chẳng chấp trước. Vì chẳng có chỗ chấp trước, nên cũng chẳng có chỗ chướng ngại.

Ví như người hóa, do Phật biến hóa ra, chỉ vì độ chúng sanh, mà hành bố thí, nhưng chẳng thọ quả báo bố thí... dẫn đến chỉ vì độ chúng sanh mà hành Nhất thiết chủng trí, nhưng chẳng thọ quả báo Nhất thiết chủng trí.

Cũng như vậy, Bồ tát chỉ vì độ chúng sanh mà hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến hành hết thấy các pháp hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi mà chẳng trú cũng chẳng thọ các quả báo. Vì sao? Vì Bồ tát thông đạt các pháp tướng đều là vô sở hữu vậy.

LUẬN:

Hỏi: *An lập trú xứ của người thế gian và của người xuất gia tu hành khác nhau như thế nào?*

Đáp: Người thế gian dùng sức mạnh, quyền uy để an lập trú xứ của mình, khiến chẳng ai có thể xâm phạm được. Ví như người dũng sĩ cầm khí giới giữ gìn trú xứ của mình, khiến chẳng có ai dám đến xâm lăng. Trái lại, người xuất gia

do công đức tu hành mà có oai lực an lập trú xứ của mình, khiến các ma quỷ chẳng dám quấy phá vậy.

Hỏi: Thế nào là khéo biết 42 tự môn?

Đáp: Trong kinh Đại thừa có nói rằng, “Tất cả các ngữ ngôn đều nhập vào trong 42 chữ; 1 chữ nhập vào trong 42 chữ; 42 chữ nhập vào trong 1 chữ. Phải khéo học 42 chữ. Khéo học 42 chữ rồi lại phải khéo thuyết tự pháp. Khéo thuyết tự pháp rồi lại khéo thuyết vô tự pháp”.

Ví như 2 chữ, 3 chữ... hợp lại thành chữ đôi, chữ ba... Như vậy, 1 chữ thành ra 2, 3... dẫn đến có hàng ngàn, vạn chữ.

Cũng ví như A biến thành BA, thành LA... Như vậy, có thể nhập 42 chữ vào 1 chữ A; trong 42 chữ đều có phần chữ A.

Biết như vậy gọi là khéo biết pháp danh tự. Khéo biết pháp danh tự dẫn đến khéo biết pháp nghĩa, tức là khéo biết thật tướng nghĩa của các pháp. Vì sao? Vì ở nơi pháp nghĩa thì các pháp đều chẳng có danh tự.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp là rốt ráo không, là chẳng có danh tự, thì Bồ tát làm sao trú trong các thần thông, để vì chúng sanh nói pháp? Nếu là rốt ráo không, thì chúng sanh cũng không, mà các pháp cũng không.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Do 18 pháp không, mà biết rõ hết thủy pháp đều là bất khả đắc, biết rõ Phật, Bồ tát đều là không. Biết rõ như vậy rồi mới có thể vì chúng sanh nói pháp. Vì sao? Vì nếu chúng sanh có mà nói không, thì chẳng có thể nghe được. Nhưng vì chúng sanh là không, chỉ do tâm chấp điên đảo mà cho là có, nên Bồ tát chẳng mất không, mà vẫn vì chúng sanh nói pháp vậy.

Nói chẳng mất không, vì các pháp đều là không vậy. Nếu nói chẳng không (bất không) mới là có lỗi. Nếu miệng nói không, mà tâm chấp có, thì cũng có lỗi.

Phật tự nói nhân duyên pháp chẳng phải hai (bất nhị) là chẳng hoại các pháp tướng. Muốn cho rõ ràng hơn, Phật nêu lên thí dụ về người hóa vì chúng sanh nói pháp. Đây là phương tiện nói pháp, nên chẳng có lỗi lầm, mà trái lại có thể dẫn dắt chúng sanh ra khỏi các chấp điên đảo.

Trong thế đế thì có trói (phược), có mở (giải); trong đệ nhất nghĩa thì chẳng có trói, chẳng có mở. Vì sao? Vì sắc... dẫn đến thức đều là nhất tướng, là vô tướng.

Bồ tát dùng pháp như vậy, mà chẳng trú pháp; dùng “không” để vì chúng sanh nói pháp, mà vẫn biết rõ là chúng sanh cùng hết thấy các pháp đều là bất khả đắc.

Phật dạy: “Vô sở hữu chẳng trú vô sở hữu. Ví như hư không chẳng trú trong hư không vậy. Pháp tự tánh chẳng trú trong pháp tự tánh; ví như trong tánh nước chẳng có tánh lửa vậy”.

Nếu biết được như vậy, mà thanh tịnh thuyết pháp, thì dù thuyết Phật pháp, Bồ tát pháp, Thanh Văn pháp... cũng đều chẳng có lỗi lầm. Vì sao? Vì chư Phật, chư Bồ tát, chư Thánh hiền chẳng chấp hết thấy các pháp. Người bố thí pháp cũng chẳng chấp mình có bố thí pháp. Vì sao? Vì các ngài đều y nơi tướng tịch diệt mà thuyết pháp vậy.

Chư Phật, chư Bồ tát, chư Thánh hiền đã thâm nhập vào 3 giải thoát môn, nên vào được nơi thật tánh của các pháp, là Vô Dư Niết Bàn.

Phật dạy: “Người được pháp ấy rồi mà vì chúng sanh thuyết pháp thì chẳng chuyên pháp tánh. Vì sao? Vì pháp tánh là không, là vô tướng vậy”.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu chẳng chuyển pháp tánh, thì sắc cùng pháp tánh có sai khác gì chẳng?

Phật dạy: Chẳng khác. Vì thật tướng của hết thảy các pháp tức là pháp tánh vậy.

Ý Phật muốn dạy Bồ tát rằng, “Khi thuyết pháp chẳng nên hoại pháp tánh”.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu sắc chẳng khác pháp tánh, thì làm sao có thể phân biệt pháp thiện với pháp ác, nghiệp thiện với nghiệp ác?

Phật dạy: Tuy rằng hết thảy pháp chẳng ly pháp tánh, nhưng ở nơi thế đế vẫn có phân biệt; còn ở nơi đệ nhất nghĩa đế thì chẳng có phân biệt.

Các bậc Thánh đã được đệ nhất nghĩa đế rồi, nên chẳng còn có phân biệt. Nghe có đắc cũng chẳng vui, nghe chẳng có đắc cũng chẳng buồn. Vì sao? Vì khi đã thâm nhập vào không, vào vô tướng rồi, thì đến các pháp vi tế cũng chẳng còn chấp nữa, huống nữa là chấp có thiện có ác, có được có mất.

Ở đây, Phật tự nói nhân duyên các pháp đều chẳng có ngôn thuyết, đều là chẳng có sanh, chẳng có diệt, chẳng có cấu, chẳng có tịnh, vì đều là rốt ráo, là vô thi không vậy.

Hỏi: *Vì sao nói nhiều về chúng sanh không và pháp không?*

Đáp: Bồ tát vì chúng sanh nói pháp nhằm phá 2 chấp ngã và pháp, nên chỉ nói về 2 pháp không này nhiều hơn.

Vì sao? Vì nếu nói về vô thi không thì phá cả chúng sanh lẫn pháp, và cũng tận phá các pháp. Còn nói về rốt ráo không, thì ví như nói đốt cháy rụi gỗ rồi, chỉ còn tro và khói v.v...

Ở nơi đây, ngài Tu Bồ Đề y thế đế nên nói có phân biệt thiện ác, có phân biệt nghiệp thiện, nghiệp ác...

Phàm phu dùng thế đế mà phân biệt có các quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm v.v..., phân biệt có thánh có phàm. Nếu hiểu được đệ nhất nghĩa đế rồi, thì chẳng còn có phân biệt.

Khi còn phân biệt thì thấy phàm phu cùng chư Thánh có sai khác. Khi đã vào trong đệ nhất nghĩa đế rồi, thì sẽ thấy hết thấy pháp chỉ là nhất tướng, là vô tướng, thì phàm và Thánh chẳng còn phân biệt nữa.

Phật dạy: Nếu phàm phu mà biết được thế đế và đệ nhất nghĩa đế, thì người ấy ắt sẽ được quả Tu-đà-hoàn là Thánh quả. Nhưng vì phàm phu chẳng phân biệt được đạo, hành đạo, tu đạo, nên chẳng được đạo quả. Còn các bậc Thánh cũng có phân biệt để làm phương tiện nói pháp, nhưng vẫn thường ở trong Thánh quả.

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng, “Trong pháp tánh vô lượng, vô tướng, vô động, thì làm sao có thể chấp tướng, làm sao có thể dùng pháp phàm phu mà chứng Thánh quả được. Người biết thọ lời Phật dạy, biết hành đạo mới được đạo quả, người chẳng biết hành đạo thì chẳng được quả”.

Suy nghĩ như vậy, ngài hỏi: Tu đạo được quả chăng?

Phật dạy: Chẳng được vậy.

Hỏi: Trước đây Phật dạy tu đạo dẫn đến được quả. Nay vì sao Phật lại dạy “Tu đạo chẳng được quả, mà không tu đạo cũng chẳng được quả”?

Đáp: Trước đây Phật dùng tâm chẳng chấp mà thuyết. Nay ngài Tu Bồ Đề dùng tâm chấp mà hỏi, muốn từ trong đạo xuất sanh ra quả như lấy dầu từ trong mè. Nói từ trong đạo xuất sanh ra quả là hư dối, nên Phật trả lời là, “Chẳng được”.

Do muốn phá chấp tâm của người nghe pháp, tự niệm

rằng, “nếu tu mà chẳng được quả, thì không tu ắt sẽ được quả”, nên Phật dạy: “Người tu mà còn chẳng được đạo, huống nữa là người chẳng tu”.

Ví như 2 người muốn đến một nơi, 1 người đứng yên và 1 người đi lạc đường, thì cả 2 người đều chẳng đến được đích. Cũng như vậy, người chẳng tu đạo, chẳng nhiếp tâm, thì chẳng sao có được quả; còn người dùng chấp tâm, thủ tướng mà tu đạo, thì dù có nhiếp tâm, có thiền định lạc, mà vẫn chẳng được đạo quả.

Phải chẳng chấp tâm, chẳng thủ tướng mà tu đạo mới có được đạo quả. Bởi vậy nên Phật dạy, “Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng phân biệt các tướng hữu vi và vô vi, nên thành tựu được các đạo quả sai khác vậy. Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Như vậy, vì sao Phật lại dạy đoạn được 3 kiết sử, thì được quả Tu-đà-hoàn v.v...?”

Phật hỏi ngược lại: Ý ông nghĩ sao? Quả Tu-đà-hoàn là hữu vi hay vô vi?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Tất cả các quả đều là tánh vô vi.

Phật dạy: Nếu là vô vi, thì có sự phân biệt chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Chẳng vậy.

Phật dạy: Nếu chẳng có phân biệt, thì ông nạn hỏi làm gì nữa. Nếu có người nào thông đạt hết thảy các pháp hữu vi và vô vi đều là nhất tướng, là vô tướng, thì người ấy có còn phân biệt hữu vi và vô vi nữa chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Chẳng vậy.

Phật dạy: Hết thảy pháp đều hư dối. Ông chớ nên nạn hỏi làm gì nữa. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, trú trong nội không... dẫn đến trú trong vô pháp hữu pháp không,

nên chẳng phân biệt hết thấy pháp. Vì rằng Bồ tát trú trong không, trong rốt ráo thanh tịnh, nên khi hành bố thí... dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí, tự mình chẳng chấp, và cũng dạy người khác chẳng chấp.

Ví như người hóa, do Phật biến hóa ra, chỉ vì độ chúng sanh mà hành bố thí, nhưng chẳng thọ quả báo bố thí... dẫn đến chỉ vì chúng sanh mà hành Nhất thiết chủng trí, nhưng chẳng thọ quả báo Nhất thiết chủng trí. Cũng như vậy, Bồ tát chỉ vì độ chúng sanh mà hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến hành hết thấy các pháp hữu vi và vô vi, nhưng chẳng chấp các quả báo.

Vì sao? Vì Bồ tát thông đạt pháp tánh, nên chẳng còn chấp pháp tánh, pháp tướng, cũng chẳng trú trong pháp tánh. Lại nữa, ở nơi pháp tánh chẳng còn có nghi, có hối. Do vậy mà được biện tài vô ngại; thuyết pháp vô lượng vô biên, mà chẳng có gì ngăn ngại.

Như vậy gọi là thông đạt pháp tánh.

Phẩm Thứ Bảy Mười Chín



Thiện Đạt
(Khéo Thông Đạt)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát khéo thông đạt hết thấy các pháp tướng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ví như người hóa chẳng hành tham sân si, chẳng hành sắc... dẫn đến thức, chẳng hành các nội ngoại pháp, chẳng hành các phiền não kiết sử, chẳng hành các pháp hữu lậu và vô lậu, chẳng hành các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng hành các pháp hữu vi và vô vi... dẫn đến chẳng có các thánh quả.

Cũng như vậy, Bồ tát chẳng hành các pháp ấy, cũng chẳng phân biệt các pháp ấy. Như vậy gọi là khéo thông đạt các pháp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người hóa tu đạo như thế nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Người hóa tu đạo chẳng cầu, chẳng tịnh, và cũng chẳng ở trong 5 đạo sanh tử.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Người hóa, do Phật biến ra, thật sự có nguồn gốc, thật sự có cấu tịnh chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy. Người hóa, do Phật biến hóa ra, thật sự chẳng có nguồn gốc, chẳng có cấu tịnh, lại cũng chẳng ở trong 5 đạo sanh tử.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát khéo thông đạt các pháp tướng cũng là như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hết thấy sắc, thọ, tưởng, hành thức đều như hóa chăng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Hết thấy sắc... dẫn đến thức đều như hóa.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy 5 ấm... dẫn đến hết thấy các pháp đều như hóa, thì người hóa chẳng có 5 ấm, chẳng có cấu, chẳng có tịnh, chẳng có ở trong 5 đạo sanh tử, cũng chẳng có chỗ giải thoát. Như vậy thì Bồ tát có công dụng gì?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Khi hành Bồ tát đạo, Bồ tát có thấy các chúng sanh từ trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh... dẫn đến trong các cõi trời, cõi người được giải thoát chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thấy vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Bồ tát chẳng thấy các chúng sanh từ trong 3 cõi được giải thoát. Vì sao? Vì Bồ tát thấy hết thấy các pháp đều như huyễn, như hóa vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát thấy chúng sanh đều như huyễn, như hóa, thì do đâu mà hành 6 pháp Ba-la-mật, hành 4 thiên, hành 4 vô lượng tâm, hành 4 vô sắc định, hành 37 Phẩm Trợ Đạo... dẫn đến hành đại từ, đại bi, thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh biết được các pháp như huyễn, như hóa, thì Bồ tát chẳng trải qua vô lượng kiếp, vì chúng sanh, mà hành Bồ tát đạo.

Này Tu Bồ Đề! Bởi vì chúng sanh chẳng biết các pháp như huyễn, như hóa nên Bồ tát phải trải qua vô lượng kiếp hành Bồ tát đạo, nhằm thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy các pháp như huyễn, như hóa, thì chúng sanh trú ở chỗ nào, mà Bồ tát phải hành 6 pháp Ba-la-mật, để cứu vớt họ ra khỏi danh tướng hư vọng vậy?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chúng sanh chỉ trú trong danh tướng hư vọng rồi ức tướng phân biệt, nên Bồ tát phải hành 6 pháp Ba-la-mật, để cứu vớt họ ra khỏi danh tướng hư vọng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là danh? Thế nào là tướng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! “Danh” chỉ là giả lập. Gọi đây là sắc; đây là thọ, tướng, hành, thức; đây là người nam, đây là người nữ, đây là lớn, đây là nhỏ, đây là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; đây là người, là trời, đây là hữu vi, là vô vi, đây là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán; đây là Bích Chi Phật đạo; đây là Phật đạo. Tất cả đều là pháp hòa hợp, đều là giả danh. Dùng danh để biết pháp, nên gọi là danh pháp. Hết thấy pháp hữu vi chỉ có nơi danh tướng. Thế nhưng ở nơi đây phàm phu lại sanh chấp trước.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, ở ngay trong danh tự mà dùng lực phương tiện dạy cho chúng sanh xa rời danh tự, nói với chúng sanh rằng “danh là không, là hư vọng; chỉ do hư vọng ức tướng mà được giả lập ra. Các nơi chớ nên chấp ức tướng hư vọng. Danh pháp từ trước đến nay vẫn là tự tướng không, nên người trí chẳng có chấp trước vậy”.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật ở ngay trong danh tự mà dùng lực phương tiện vì chúng sanh thuyết pháp vậy.

* Thế nào là tướng?

Này Tu Bồ Đề! Phạm phu phân biệt có hai thứ. Đó là:

- Sắc tướng.

- Vô sắc tướng.

* Thế nào là sắc tướng?

Này Tu Bồ Đề! Nói sắc có thô, có tế, có xấu, có tốt v.v... là nói về tướng của sắc. Ở nơi các pháp tự tướng không mà phạm phu ức tướng phân biệt có ra các tướng sai khác. Rồi tâm chấp lấy các tướng đó. Như vậy gọi là chấp sắc tướng.

* Thế nào là vô sắc tướng?

Này Tu Bồ Đề! Nơi các pháp vô sắc, mà phạm phu cũng ức tướng phân biệt có ra các tướng sai khác. Rồi tâm chấp lấy các tướng đó, dẫn sanh ra các phiền não. Như vậy gọi là chấp vô sắc tướng.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật dùng lực phương tiện dạy chúng sanh xa lìa cả hai chấp về sắc tướng và vô sắc tướng. Nếu chúng sanh chấp vô tướng pháp, thì Bồ tát lại dùng lực phương tiện dạy họ xa lìa cả hai chấp về tướng pháp và vô tướng pháp.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dạy chúng sanh xa lìa tướng, khiến họ an trú trong tánh vô tướng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy các pháp đều chỉ là danh tướng, thì Bồ tát hành

Bát nhã Ba-la-mật làm sao có thể tự mình được lợi ích, và dạy người khác, khiến họ cũng được lợi ích? Bồ tát làm sao được các địa, và dạy người khác khiến họ được 3 thừa đạo?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu các pháp từ căn bản là quyết định có, thì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng có thể làm lợi ích cho mình, và cũng chẳng có thể làm lợi ích cho người.

Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp từ căn bản thật sự chẳng có, mà chỉ có nơi danh tự, nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; đầy đủ 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo; đầy đủ nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, đầy đủ 3 giải thoát môn, 8 bối xả, 9 thứ đệ định, 10 Phật lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp. Vì sao? Vì tất cả các pháp đó đều là vô tướng vậy.

Như vậy là Bồ tát hành vô tướng, nên được đầy đủ các thiện pháp vô tướng, và cũng dạy người khác được đầy đủ các thiện pháp vô tướng.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ các pháp là vô tướng, vô niệm, nên được Vô Thượng Bồ Đề; cũng dạy chúng sanh biết như vậy, khiến họ được pháp vô lậu. Vì sao? Vì hết thấy pháp vô lậu đều là vô tướng, vô niệm vậy.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng pháp vô lậu làm lợi ích cho chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp đều là vô tướng, vô niệm, thì làm sao có pháp Thanh Văn, pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ tát và pháp Phật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Pháp vô tướng cùng với pháp Thanh Văn có gì sai khác chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng khác vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Pháp vô tướng cùng với pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ tát, pháp Phật có gì sai khác chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng khác vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên vậy, nên biết hết thấy các pháp đều là vô tướng.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát học các pháp vô tướng như vậy nên các thiện pháp càng thêm tăng trưởng. Các thiện pháp nói đây là 6 pháp Ba-la-mật, 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật có học tướng của 5 âm, của 12 nhập, 18 giới, của 4 thánh đế, của 12 nhân duyên chăng?

Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật học tướng của 5 âm như thế nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật biết sắc tướng, biết sắc sanh diệt, biết sắc như. Biết về thọ, tướng, hành và thức cũng là như vậy.

* Thế nào là biết sắc tướng?

Này Tu Bồ Đề! Biết sắc là rốt ráo không, là chẳng thật có, chỉ ví như đồng bọt, chẳng có bền chắc. Như vậy là biết sắc tướng.

* Thế nào là biết sắc sanh diệt?

Này Tu Bồ Đề! Biết sắc khi sanh chẳng từ đâu đến,

và khi diệt chẳng đi về đâu. Như vậy, chẳng đến (bất lai), chẳng đi (bất khứ) là tướng sanh diệt của sắc.

*** Thế nào là biết sắc như?**

Này Tu Bồ Đề! Biết sắc chẳng sanh diệt, chẳng đến đi, chẳng tăng giảm, chẳng cấu tịnh, từ trước đến nay vẫn thường như vậy chẳng thay đổi. Như vậy là biết sắc như.

*** Thế nào là biết thọ tướng, biết thọ sanh diệt, biết thọ như?**

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát biết các thọ tướng ví như bong bóng nước, liền khởi, liền diệt, là biết thọ tướng. Biết thọ chẳng từ đâu đến cũng chẳng đi về đâu, là biết thọ sanh diệt. Biết thọ chẳng sanh diệt, chẳng đến đi, chẳng tăng giảm, chẳng cấu tịnh, từ trước đến nay vẫn thường như vậy, là biết thọ như.

*** Thế nào là biết tướng tướng, biết tướng sanh, biết tướng như?**

Này Tu Bồ Đề! Biết các tướng ví như sóng nắng (diệm), chẳng thể có được mà vọng tướng là nước là biết tướng tướng. Biết tướng chẳng từ đâu đến cũng chẳng đi về đâu là biết tướng sanh diệt. Biết tướng chẳng sanh diệt, chẳng đi đến, chẳng tăng giảm, chẳng cấu tịnh, từ trước đến nay vẫn thường như vậy, là biết tướng như.

*** Thế nào là biết hành tướng, biết hành sanh diệt, biết hành như?**

Này Tu Bồ Đề! Biết hành như lột bẹ chuối, lột hết các bẹ chuối rồi thì chẳng còn thân cây chuối nữa, như vậy là biết hành tướng. Biết hành chẳng từ đâu đến cũng chẳng đi về đâu là biết hành sanh diệt. Biết hành chẳng sanh

diệt, chẳng đến đi, chẳng tăng giảm, chẳng cấu tịnh, từ trước đến nay vẫn thường như vậy, là biết hành như.

* Thế nào là biết thức tướng, biết thức sanh diệt, biết thức như?

Này Tu Bồ Đề! Biết thức như huyễn, như hóa, ví như 4 binh chủng do nhà huyễn thuật biến hóa ra là chẳng thật có, như vậy là biết thức tướng. Biết thức khi sanh chẳng từ đâu đến, khi diệt chẳng đi về đâu là biết thức sanh diệt. Biết thức chẳng sanh diệt, chẳng đi đến, chẳng tăng giảm, chẳng cấu tịnh, từ trước đến nay vẫn thường như vậy, là biết thức như.

* Thế nào là biết 12 nhập?

Này Tu Bồ Đề! Biết nhãn... dẫn đến ý, sắc... dẫn đến pháp là tánh không là biết 12 nhập.

* Thế nào là biết 18 giới?

Này Tu Bồ Đề! Biết nhãn giới... dẫn đến ý thức giới đều là tánh không là biết 18 giới.

* Thế nào là biết 4 thánh đế?

Này Tu Bồ Đề! Biết khổ thánh đế là xa rời “2 pháp”. Biết khổ thánh đế là chẳng hai, chẳng khác, gọi tên là khổ thánh đế. Biết tập, diệt, đạo cũng là như vậy.

* Thế nào là biết 12 nhân duyên?

Này Tu Bồ Đề! Đó là biết 12 nhân duyên đều chẳng có tướng sanh.

Này Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát mỗi mỗi phân biệt các pháp. Như vậy là dùng sắc tánh... dẫn đến dùng Nhất thiết chủng trí tánh mà phá hoại tánh chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Pháp tánh là bất khả đắc (Chẳng thể đắc) nên chẳng thể hoại. Vì sao?

Này Tu Bồ Đề! Phật và các đệ tử của Phật biết rõ pháp tánh là bất khả đắc, nên chẳng thể nói ngoài pháp tánh lại có pháp khả đắc (có thể được) vậy.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, phải học pháp tánh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát học pháp tánh là vô sở học (chẳng chỗ học) chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát học pháp tánh là học hết thấy các pháp. Vì sao? Vì hết thấy pháp tức là pháp tánh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà nói hết thấy pháp tức là pháp tánh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều vào trong tánh vô tướng vô vi, nên học pháp tánh là học hết thấy các pháp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp tức là pháp tánh thì Bồ tát cần gì phải học 6 pháp Ba-la-mật, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định? Cần gì phải học 37 Phẩm Trợ Đạo, 3 giải thoát môn, 8 bối xả, 9 thứ đệ định, 10 Phật lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp? Cần gì phải học 6 thân thông, 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp? Cần gì phải học phước báo cõi trời và cõi người? Cần gì phải học 10 địa Bồ tát? Cần gì phải học Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa, Bồ tát vị? Cần gì phải học thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ? Cần gì phải học các môn đà la ni? Cần gì phải học biện tài thuyết pháp? Cần gì phải học Vô Thượng Bồ Đề?

Lại nữa, vì sao nói phải học xong các pháp ấy rồi mới được Nhất thiết chủng trí, mới biết hết thấy các pháp?

Bạch Thế Tôn! Ở trong pháp tánh chẳng có sự khác biệt. Như vậy, chẳng thể có Bồ tát đạo ở trong phi đạo được. Vì sao? Vì ở trong pháp tánh chẳng có sự sai khác vậy. Trong pháp tánh chẳng có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, mà pháp tánh cũng chẳng ly sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì sắc tức là pháp tánh, pháp tánh tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cùng hết thấy các pháp cũng đều là như vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói, sắc tức là pháp tánh, thọ, tưởng, hành, thức cũng tức là pháp tánh.

Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, nếu Bồ tát cầu pháp ngoài pháp tánh thì đó là chẳng cầu Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Bởi vậy khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát biết rõ hết thấy pháp tức là pháp tánh. Biết như vậy rồi, nên ở nơi các pháp chẳng có danh, chẳng có tướng mà Bồ tát vì chúng sanh thuyết pháp, nói đây là sắc, thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến đây là Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Ví như nhà huyền thuật hóa tác ra các hình sắc, nào là trai, gái, voi ngựa, nào là vườn rừng xanh tươi, nào là nhà cửa, ao hồ, nào là áo xiêm, hương hoa anh lạc, nào là các thức ăn uống, nào là các giàn nhạc hòa tấu v.v... để giúp vui cho khán thính giả.

Nhà huyền thuật lại hóa tác ra đủ hạng người hành bồ thí, trì giới, nhẫn nhục tinh tấn, thiền định, trí huệ; lại hóa tác ra các người thuộc các đại gia, đại tộc; lại hóa tác

ra chư Thiên ở các cõi trời; lại hóa tác ra chư vị Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật; lại hóa tác ra chư vị Bồ tát, từ sơ phát tâm hành 6 pháp Ba-la-mật, hành 10 địa Bồ tát, vào Bồ tát vị, du hý thần thông, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ; lại hóa tác ra thân Phật có đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp trang nghiêm.

Nhà huyền thuật hóa tác ra tất cả các huyền cảnh, huyền sự ấy chỉ nhằm giúp vui cho khán thính giả, thế nhưng người vô trí cho là thật có; còn người trí biết rõ các huyền cảnh, huyền sự đó đều là không, là chẳng thật có.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát chẳng thấy có pháp ở ngoài pháp tánh. Bồ tát dùng lực phương tiện hành Bát nhã Ba-la-mật, nên tuy chẳng có chúng sanh mà vẫn tự mình hành bố thí, dạy người khác hành bố thí, tán thán pháp bố thí và hoan hỷ tán thán người hành bố thí... dẫn đến tự mình tu trí huệ, dạy người khác tu trí huệ, tán thán pháp tu trí huệ và hoan hỷ tán thán người tu trí huệ.

Bồ tát tự mình hành 10 thiện đạo, 5 giới, 8 giới, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 37 Phẩm Trợ Đạo... dẫn đến 18 bất cộng pháp; cũng dạy người khác hành các pháp ấy, tán thán các pháp ấy và hoan hỷ tán thán người hành các pháp ấy.

Này Tu Bồ Đề! Nếu pháp tánh trước sau có sai khác thì Bồ tát chẳng có thể dùng lực phương tiện để khai thị pháp tánh, nhằm thành tựu chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Vì pháp tánh trước sau chẳng có sai khác, nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chỉ vì lợi ích chúng sanh mà hành Bồ tát đạo vậy.

LUẬN:

Hỏi: Trước đây Phật đã nói Bồ tát thông đạt hết thảy các pháp tướng rồi. Nay vì sao ngài Tu Bồ Đề lại còn hỏi nữa?

Đáp: Bát nhã Ba-la-mật chẳng có định tướng, chẳng có ngôn thuyết, nên dù có hỏi nhiều phen cũng vẫn chưa đủ. Ví như con bò con được bú sữa ngon ngọt của bò mẹ, nên cứ muốn uống mãi, chẳng muốn thôi. Bò mẹ dụ cho đực Phật đại từ, đại bi, sữa ngon ngọt dụ cho Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề tuy đã nghe Phật dạy nhiều lần về pháp tướng nhưng vẫn chẳng nhàm chán. Lại nữa, chỉ có Phật là đáng Nhất thiết chủng trí mới thông đạt thật tướng của hết thảy các pháp; còn những người khác tuy có thông đạt nhưng chưa thông suốt đến chỗ thâm diệu. Bởi vậy nên ngài Tu Bồ Đề hỏi: Khi chưa thành Phật Bồ tát làm sao có thể khéo thông đạt hết thảy các pháp?

Phật dạy: Ví như người hóa chẳng có 3 độc, chẳng có các phiền não kiết sử khác, chẳng có các tâm và tâm sở, chẳng được các thánh quả, cũng chẳng sanh tâm thiện hay ác. Vì sao? Vì người hóa do biến hóa mà được thành tựu, nhưng thật sự các sự việc được biến hóa ra như vậy đều là chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng có nhiếp vào 5 đạo chúng sanh. Thân Bồ tát cũng là như vậy, chẳng có các phiền não kiết sử, chẳng có trong 3 cõi. Bồ tát biết rõ các tâm và tâm sở đều là hư dối, chỉ do nhân duyên điên đảo sanh, nên chẳng rong ruổi theo.

Như vậy là Bồ tát khéo phân biệt các pháp tướng.

Ngài Tu Bồ Đề vì quý trọng Phật pháp, nên mới hỏi Phật: Hết thảy các pháp đều là không, là như huyễn, như hóa chẳng?

Phật dạy: Hết thảy các pháp đều là như huyễn, như hóa.

Vì ông quá quý trọng Phật pháp, nên chẳng dám nói Phật pháp cùng hết thầy các pháp đều là rốt ráo không.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp đều là rốt ráo không, đều là như huyễn, như hóa thì vì sao Phật lại tán thán công đức của chư vị Bồ tát cứu thoát chúng sanh ra khỏi sanh tử và dẫn dắt họ vào Niết Bàn?

Phật hỏi lại: Ý ông nghĩ sao? Khi hành Bồ tát đạo, Bồ tát có thật thấy chúng sanh trong 5 đạo sanh tử để giải thoát họ ra khỏi sanh tử chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Chẳng thấy vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Vì sao? Vì khi đã được vô sanh pháp nhãn rồi, thì Bồ tát thấy hết thầy chúng sanh đều là như huyễn như hóa.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Như vậy thì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật để làm gì?

Phật dạy: Nếu chúng sanh biết được các pháp đều là như huyễn như hóa, thì Bồ tát chẳng phải dụng công hành Bát nhã Ba-la-mật; nếu chúng sanh biết rõ hết thầy pháp đều là vô tướng, thì Bồ tát chẳng phải dụng công hành Bát nhã Ba-la-mật. Thế nhưng các pháp chẳng phải thật (phi thật), chẳng phải không (phi vô), vượt ra khỏi các ngôn thuyết, ra khỏi các đạo, là rốt ráo tịch diệt mà chúng sanh chẳng biết, nên mới sanh tâm chấp ngã, khởi ra các ác nghiệp... dẫn đến phải thọ vô lượng khổ đau. Bồ tát biết rõ thật tướng của hết thầy các pháp, nên khởi tâm đại bi, cứu thoát chúng sanh ra khỏi các đạo sanh tử.

Như trong kinh *Pháp Hoa* nói “Ông trưởng giả có con lâm bệnh nặng, mà lại uống nhầm thuốc độc. Thấy con sắp chết, ông dùng mọi phương tiện nhằm cứu con thoát chết”.

Cũng như vậy, Bồ tát thấy chúng sanh vô minh, điên đảo, đui mù mà bị 3 độc cướp mất huệ mạng, nên khởi tâm đại bi, ở trong vô lượng kiếp hành Bát nhã Ba-la-mật nhằm cứu độ chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thấy các pháp đều là không, chẳng có căn bản, đều là như huyễn, như hóa, thì chúng sanh trú chỗ nào mà Bồ tát phải dẫn dắt họ ra khỏi?

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói “Ví như người sa vào bùn mới cần được cứu ra khỏi. Chúng sanh phải trú ở chỗ nào, thì Bồ tát mới phải cứu thoát họ ra khỏi vậy”.

Phật dạy: Chúng sanh chỉ trú trong danh tướng hư vọng mà ức tướng phân biệt, nên Bồ tát phải hành 6 pháp Ba-la-mật, để cứu vớt họ ra khỏi danh tướng hư vọng.

Ý Phật muốn dạy rằng: “Hết thấy các pháp quyết định chẳng thật có, chỉ có nơi danh tướng hư vọng. Chúng sanh thấy các danh tướng hư vọng rồi sanh tâm chấp. Ví như người đi một mình trong đêm tối, chợt thấy bóng cây trước mắt mà lầm tưởng có người đang rình mình nên sanh tâm sợ hãi; cũng như con chó thấy bóng mình in dưới giếng mà lầm tưởng đó là một con chó khác nên cứ sủa mãi.

Vốn dưới giếng chẳng có tướng chó khác, mà con chó lại khởi ác tâm, tự gieo mình xuống giếng để tìm địch thù, khiến phải bị chết oan.

Cũng như vậy, chúng sanh do nghiệp lực dẫn sanh, do 4 đại hòa hợp mà có sắc thân, rồi do nhân duyên các thức hòa hợp mà có các động tác như đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng v.v... Thế nhưng ở nơi đó, phạm phu lại khởi chấp có tướng nhân, tướng ngã, khởi sanh thương ghét, rồi vì vậy mà gây ra bao nhiêu nghiệp tội khiến phải bị đọa vào 3 đường ác.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thương xót chúng sanh, nên dùng các lực phương tiện giáo hóa chúng sanh biết pháp “không”, dẫn dắt họ thoát khỏi các khổ.

Chúng sanh điên đảo vọng tưởng, chấp có ngã, có pháp, mà chẳng biết rằng tất cả đều là như huyễn, như hóa, đều chẳng thật có, chỉ làm mất người mà thôi. Các pháp do duyên hòa hợp mà thành, chỉ có nơi danh tự. Ví như đầu, mắt, tay, chân, thân, bụng, lưng v.v... hợp lại mà giả danh có thân. Ví như đầu do tóc, mắt, mũi, tai, miệng, lưỡi, da thịt v.v... hòa hợp mà thành, giả danh gọi là đầu. Ví như do rất nhiều vi trần hòa hợp lại thành lông, tóc, mà các vi trần lại cũng do những thành phần vi tế hơn hòa hợp lại mà thành vậy. Tất cả đều là chẳng thật có, đều là như huyễn, như hóa.

Hỏi: *Vi trần là phần tử sắc pháp nhỏ nhất, chẳng thể phân chia ra được. Như vậy, vì sao nói các sắc pháp phân chia ra đến cùng sẽ trở thành hư không, mà hư không lại chẳng có định tánh?*

Đáp: Nếu vi trần là sắc pháp, thì phải có thể chia chẻ ra được. Vì sao? Vì hết thấy sắc pháp đều ở tại trong hư không. Dù sắc pháp được chia sẽ thành vi trần, rồi vi trần được chia chẻ thành cực vi trần, thì tất cả các vi trần và cực vi trần đó cũng đều là sắc pháp ở tại trong hư không vậy. Nếu nói vi trần cũng như cực vi trần đều chẳng thể chia chẻ ra được, thì đó chẳng phải là sắc pháp. Vì sao? Vì ra ngoài sắc tướng vậy.

Lại nữa, nếu vi trần là sắc, thì 5 thức phải biết vi trần. Còn nếu vi trần chẳng phải là chỗ mà 5 thức có thể biết được, thì vi trần cũng chẳng thể gọi là sắc được vậy.

Bởi vậy nên biết vi trần chỉ là hư danh, chẳng thật có. Dùng mắt có thể thấy được thô sắc, mà còn có thể phá thô sắc thành

“không”. Huống nữa là vi trần chẳng có thể thấy được, chẳng có thể sờ mó được, mà chẳng thể phá thành “không” hay sao?

Hỏi: *Vi trần quá nhỏ bé, quá vi tế, nên 5 thức chẳng thể biết được. Như vậy các bậc Thánh dùng thiên nhãn có thấy được chăng?*

Đáp: Nếu thiên nhãn thấy được vi tế sắc tướng, thì vi tế sắc đó phải có thể chia chẻ. Nếu vi tế sắc đó chẳng thể chia chẻ được thì chẳng phải là sắc (phi sắc). Nếu dùng thiên nhãn mà thấy được phi sắc, thì thấy đó cũng là vọng, là hư dối vậy.

Bởi vậy nên chư Thánh dùng huệ nhãn quán thể gian như huyễn, như hóa, mà được đạo.

Như trước đây đã nói vi trần chỉ có danh, mà chẳng thật có. Hết thấy pháp do duyên hòa hợp chỉ có giả danh, chẳng thật có, mà chúng sanh lại vọng chấp, rồi tham đắm, khởi sanh bao nhiêu nghiệp tội, khiến phải thọ vô lượng khổ đau.

Nếu biết được các pháp chỉ là hư vọng, chẳng thật có, và nếu xả được các danh tướng hư vọng đó, thâm nhập vào pháp “không” mà cũng chẳng chấp “không”, thì sẽ được Niết Bàn thường lạc vậy.

Hỏi: *Danh và tướng có gì sai khác chăng?*

Đáp: Danh là tên gọi; tướng là dáng vẻ hiển lộ ra bên ngoài. Ví như lửa nóng, thì nóng là tướng của lửa; thấy khói biết có lửa, thì khói là tướng của lửa. Ví như do 5 âm hòa hợp mà tạo ra thân có dáng vẻ khác nhau, mà phân biệt gọi đây là tướng nam, đây là tướng nữ. Như vậy là do thấy tướng, mà lập ra danh vậy.

Hỏi: *Danh và tướng chẳng có khác nhau, vì đều chẳng thật có. Như vậy vì sao nói thấy tướng mới lập danh, nghe danh thì biết tướng?*

Đáp: Phạm phu do chẳng rõ được lời Phật dạy, nên thấy đáng vẻ bên ngoài mà đặt cho mỗi pháp một danh riêng.

Như vậy tướng là gốc, danh là ngọn, tướng là do tâm chấp trước mà có, rồi do thấy tướng mà giả lập ra danh.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp chỉ là danh tướng, thì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật làm sao có thể tự lợi và lợi tha?

Phật dạy: Nếu các pháp từ căn bản là quyết định có, thì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng có thể tự lợi và lợi tha. Nhưng vì các pháp từ căn bản thật sự là chẳng có, nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mới có đầy đủ các thiện pháp, làm lợi ích cho chính mình và làm lợi ích cho chúng sanh.

Vì sao? Vì nếu các pháp quyết định có thì chẳng phải do nhân duyên hòa hợp sanh, là chẳng sanh, chẳng diệt, nên là chẳng có tội, chẳng có phước. Lại nữa, nếu các pháp quyết định thật có thì Bồ tát chẳng thể quán hết thấy pháp là không, là vô sở hữu, chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề... dẫn đến chẳng thể thuyết pháp làm lợi ích cho chúng sanh. Thế nhưng vì Bồ tát ở nơi đệ nhất chân thật nghĩa mà quán các pháp, nên chẳng có lầm lạc, được Vô Thượng Bồ Đề; rồi vì chúng sanh thuyết “không”, thuyết “vô tướng” vậy.

Hỏi: Trong 4 thành đế, chỉ khổ đế, tập đế và đạo đế là có tướng, còn diệt đế là chẳng có tướng. Như vậy là có ức niệm về “vô tướng Niết Bàn”. Vì sao nói hết thấy pháp vô lậu đều là vô tướng, vô ức niệm?

Đáp: Đại thừa pháp và Thanh Văn pháp sai khác nhau.

Đại thừa nói hết thấy pháp vô lậu đều là vô tướng, vô ức niệm; lại nói có tướng, có ức niệm đều là hư dối, chẳng thật có, đều là phiền não hữu lậu vậy.

Hỏi: Thế nào gọi là vô lậu?

Đáp: Ví như nói trong 4 thánh đế, thì khổ đế, tập đế và đạo đế đều tùy diệt đế. Khi thấy khổ liền xả, thấy tập liền diệt, và thấy đạo liền chứng, thì được đầy đủ diệt đế, cho nên là chẳng trú trong đạo, tận diệt chỗ trú, tận diệt pháp vô tướng, vô duyên. Như vậy làm sao có ức niệm? Vì nếu còn có ức niệm là còn có duyên tướng, còn có chấp pháp, mà vô lậu là đệ nhất thật nghĩa, là vô tướng, vô ức niệm vậy.

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng, “Vô lậu là đệ nhất nghĩa nên là vô tướng, vô niệm. Hết thấy pháp tánh đều là vô tướng, vô niệm, mà phạm phu điên đảo chấp có tướng, có ức niệm vậy”.

Suy nghĩ như vậy rồi, ngài hỏi Phật: Nếu các pháp đều vô tướng, vô niệm, thì làm sao phân biệt có pháp Thanh Văn, pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ tát và pháp Phật?

Phật hỏi lại: Vô tướng pháp cùng với “3 thừa pháp” có gì khác nhau chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Chẳng khác vậy.

Phật dạy: Khi đã tận diệt phiền não rồi, thì vào được nơi vô lậu, vô vi, vô tướng pháp. Bởi vậy nên nói “3 thừa pháp”... dẫn đến hết thấy các pháp đều là vô tướng pháp.

Vì vô tướng nên mới có “3 thừa pháp”. Bồ tát học các pháp vô tướng như vậy, nên các thiện pháp càng thêm tăng trưởng. Các thiện pháp nói đây là 6 pháp Ba-la-mật, 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp vậy.

Ở đây Phật nói nhân duyên Bồ tát trú trong 3 giải thoát môn nên nhiếp hết thấy các pháp. Bồ tát phải nên học như vậy.

Hỏi: Ba giải thoát môn là vô tướng, vô phân biệt, còn 5 âm, 12 nhập, 18 giới v.v... đều là những pháp có tướng, có phân biệt. Như vậy vì sao nói học 3 giải thoát môn tức là học hết thầy các pháp ấy?

Đáp: Do học 3 giải thoát môn mà Bồ tát đoạn tận các lậu, vượt ra khỏi 3 cõi, ở nơi hết thầy pháp được thật trí huệ nên thông suốt hết thầy pháp.

Trước ở nơi 5 âm hư vọng còn khởi sanh các tà hạnh, nhưng nay đã được 3 giải thoát môn rồi, nên biết thật tướng hết thầy pháp, thông đạt hết thầy pháp. Bởi vậy nên nói học 3 giải thoát môn là học 5 âm, 12 nhập, 18 giới... dẫn đến học hết thầy pháp vậy.

-o0o-

Phật dạy: Bồ tát hành 3 giải thoát môn là hành vô tướng pháp, nên biết rõ sắc sanh, sắc diệt, sắc như... dẫn đến biết rõ thức sanh, thức diệt, thức như.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát biết sắc sanh, sắc diệt, sắc như nhưng lại mỗi mỗi phân biệt các pháp. Như vậy có phải là dùng sắc tánh để phá hoại pháp tánh chăng?

Phật dạy: Thật tướng của hết thầy pháp tức là pháp tánh. Bởi vậy nên hết thầy pháp đều vào trong pháp tánh. Thật tướng của sắc cũng tức là pháp tánh. Đã đồng là pháp tánh thì làm sao có thể dùng sắc tánh để phá hoại pháp tánh được?

Chư Phật, chư đại Bồ tát cùng chư Thánh chẳng thấy có pháp nào ra ngoài pháp tánh cả. Bồ tát phải nên như vậy mà học pháp tánh.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Học pháp tánh là vô sở học (chẳng chỗ học) chăng?

Phật dạy: Pháp tánh là vô tánh, nên học pháp tánh là học hết thấy các pháp. Vì pháp tánh tức là thật tướng của hết thấy pháp, nên học pháp tánh là khắp học hết thấy pháp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thấy pháp tức là pháp tánh thì Bồ tát cần gì phải học 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến cần gì phải học các đà la ni? Nếu pháp tánh tức là thật tướng pháp, và nếu hết thấy pháp đều ở trong pháp tánh thì Bồ tát còn phải cầu gì nữa? Nếu pháp tánh là vô phân biệt, thì vì sao Bồ tát lại phân biệt có 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến có các đà la ni môn? Lại nữa, nếu Bồ tát hành các pháp như vậy, thì có đọa vào điên đảo chăng?

Phật dựa theo chỗ hỏi của ngài Tu Bồ Đề mà đáp lại rằng: Nếu ngoài pháp tánh mà có pháp thì chẳng nên cầu Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Ví nếu chấp ngoài pháp tánh mà có pháp, thì như vậy là điên đảo. Nếu thường điên đảo thì chẳng có thể chuyển, chẳng có thể đoạn hết thấy vô minh. Phật và chư đại Bồ tát biết rõ hết thấy pháp là rốt ráo không, là tướng thường tịch diệt, chẳng có hý luận, chẳng có danh tướng. Nhưng vì thương xót chúng sanh mê lầm, mà các ngài đã dùng các lực phương tiện nói các danh tướng, như nói sắc, thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến nói Vô Thượng Bồ Đề.

Trong kinh có nêu thí dụ về nhà huyền thuật, hóa tác ra các huyền cảnh, huyền vật. Nhà huyền thuật dụ cho Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, các huyền cảnh, huyền vật dụ cho các pháp hữu vi. Nhà huyền thuật tuy hóa tác ra các huyền pháp mà vẫn biết các pháp đó đều chẳng thật có, nên chẳng có chấp. Cũng như vậy, Bồ tát tuy có hành các pháp mà vẫn biết các pháp đó là như huyền, nên chẳng có chấp. Lại nữa, người trí dụ cho Phật và chư đại Bồ tát; người vô trí dụ cho hàng phàm phu.

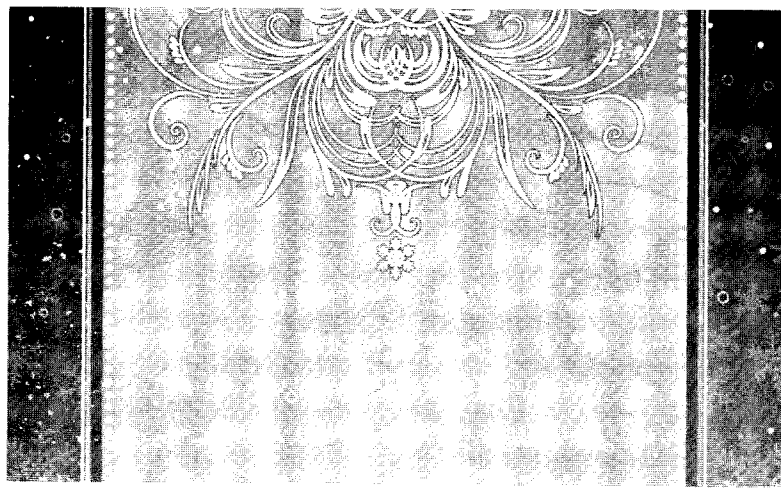
Các Bồ tát sơ phát tâm rất vui mừng thấy chư đại Bồ tát, tuy biết rõ ngoài pháp tánh chẳng có pháp, chẳng có chúng sanh, mà vẫn làm các việc lợi ích cho chính mình và cho chúng sanh.

Như trong kinh nói về Bồ tát tự hành bồ thí, dạy người khác hành bồ thí... dẫn đến tự hành 18 bất cộng pháp, dạy người khác hành 18 bất cộng pháp.

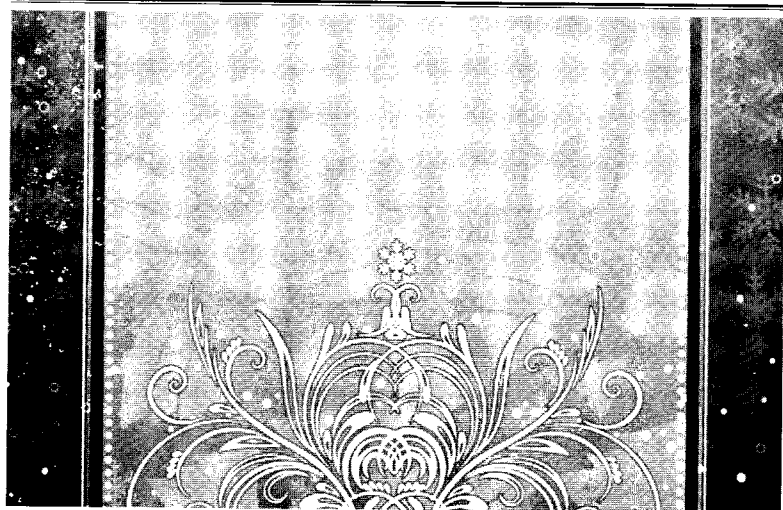
Nơi đây ý Phật muốn nói rằng, “Nếu pháp tánh trước không, sau có, thì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng có được Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng có thể dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để vì chúng sanh nói pháp được. Vì sao? Vì nếu pháp tánh trước không, sau có, thì là do nhân duyên sanh; nếu như vậy thì chẳng có gì khác biệt với phàm phu cả. Còn nếu pháp tánh trước có, sau không thì các pháp cùng các chúng sanh đều đọa vào đoạn diệt cả. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật biết rõ pháp tánh từ trước đến nay vẫn thường không; chẳng phải do lực trí huệ khiến pháp tánh trở thành không, cũng như chẳng phải vì các pháp và chúng sanh vào Vô Dư Niết Bàn mà trở thành không. Tánh không đó vẫn thường như vậy, chẳng có tăng giảm, chẳng có được mất, chẳng có cấu tịnh.

Vì chúng sanh chẳng quán được các pháp từ trước đến nay vẫn là rốt ráo không, nên mới đọa vào các chấp điên đảo.

Bồ tát biết rõ pháp tánh từ trước đến nay vẫn thường không, chẳng có sai khác, nên vì chúng sanh hành Bát nhã Ba-la-mật, để làm lợi ích cho chúng sanh vậy.



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 90



Phẩm Thứ Tám Mười



Thật Tế

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu chúng sanh rốt ráo bất khả đắc, thì Bồ tát vì ai mà hành Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát vì thật tế mà hành Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Nếu thật tế và chúng sanh tế sai khác nhau, thì Bồ tát chẳng hành Bát nhã Ba-la-mật. Nhưng vì thật tế và chúng sanh tế chẳng sai khác nhau, nên Bồ tát vì lợi ích chúng sanh mà hành Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng phá hoại thật tế, mà còn kiến lập chúng sanh nơi thật tế.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu thật tế tức là chúng sanh tế, thì Bồ tát kiến lập thật tế nơi thật tế chẳng?

Bạch Thế Tôn! Nếu kiến lập thật tế nơi thật tế thì như vậy là kiến lập tự tánh nơi tự tánh. Đúng lý ra thì chẳng có thể kiến lập tự tánh nơi tự tánh vậy.

Bạch Thế Tôn! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát làm sao kiến lập chúng sanh nơi thật tế?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Thật tế chẳng thể kiến lập nơi thật tế; tự tánh chẳng thể kiến lập nơi tự tánh.

Này Tu Bồ Đề! Nay Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng lực phương tiện mà kiến lập chúng sanh nơi thật tế.

Vì sao? Vì thật tế chẳng khác chúng sanh tế; thật tế và chúng sanh tế là chẳng phải hai chẳng phải khác.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát dùng lực phương tiện như thế nào để kiến lập chúng sanh nơi thật tế, mà chẳng hoại thật tế?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát kiến lập chúng sanh nơi bố thí, nói rằng, “Bố thí là rốt ráo không, trước sau và chặng giữa đều không; có nghĩa là người thí cũng không, người thọ cũng không, tài vật đem ra bố thí cũng không, quả báo bố thí cũng không”.

Bồ tát lại dạy chúng sanh rằng, “Hỡi các người! Ở nơi thật tế, hết thấy pháp đều bất khả đắc. Các người chớ nên nghĩ rằng người thí, người thọ, tài vật thí, quả báo bố thí sai khác nhau. Nếu các người chẳng thấy có sự khác biệt như vậy, thì bố thí mới có được vị Cam Lộ. Được quả vị Cam Lộ là do bố thí mà chẳng có chấp sắc; chẳng có chấp thọ, tướng, hành, thức vậy. Vì sao? Vì bố thí là tự tướng không, người thí cũng không, người thọ cũng không, tài vật đem ra bố thí cũng không, quả báo bố thí cũng không. Ở trong không mà bố thí, thì bố thí là bất khả đắc, người thí bất khả đắc, người thọ bất khả đắc, tài vật thí bất khả đắc, quả báo bố thí bất khả đắc. Vì sao? Vì các pháp rốt ráo là tự tánh không vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát dạy chúng sanh tu trì giới, xả bỏ sát sanh... dẫn đến xả bỏ tà kiến. Vì sao? Vì tất cả các pháp đó đều là tự tánh không.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát dùng lực phương tiện thành tựu chúng sanh, nói với họ về các quả báo bố thí và trì giới, rồi lại nói với họ các quả báo bố thí và trì giới đều là tự tánh không. Nếu nghe được tánh không như vậy, mà chẳng chấp, thì tâm chẳng tán loạn... dẫn đến sẽ sanh trí huệ. Có trí huệ sẽ đoạn được hết thấy phiền não tập khí... dẫn đến sẽ nhập Vô Dur Niết Bàn. Nói như trên đây là nói pháp thế tục, chẳng phải là đệ nhất nghĩa. Vì sao? Vì trong tánh không, thì chẳng có diệt, cũng chẳng có pháp bị diệt. Vào được các pháp rốt ráo không cũng tức là vào được Niết Bàn rồi vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát thấy chúng sanh phiền não, sân hận, liền nói với họ rằng, “Người hành nhẫn nhục thường được an vui, vì sân hận là tự tánh không”. Bồ tát lại nói với họ nên suy nghĩ rằng, “Tánh sân từ đâu mà có? Người sân là ai? Do đâu mà sân? v.v...” Bồ tát lại dạy cho chúng sanh biết hết thấy pháp đều là tánh không; ở trong tánh không, thì chẳng có tánh không thì chẳng có tánh sân, chẳng có pháp sân, chẳng có người sân”.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát dùng lực phương tiện kiến lập chúng sanh nơi tánh không, thứ lớp khai thị cho chúng sanh, khiến họ được lợi ích, được an vui... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Nói như trên đây là nói pháp thế tục, chẳng pháp là đệ nhất nghĩa. Vì sao? Vì trong tánh không, thì chẳng có người đắc, chẳng có pháp đắc, chẳng có chỗ đắc.

Này Tu Bồ Đề! Đây là “pháp tánh thật tế không”. Bồ tát vì chúng sanh hành pháp ấy mà vẫn biết rõ chúng sanh là bất khả đắc. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều ly chúng sanh tướng vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát dùng lực phương tiện thấy chúng sanh giải đãi, liền dạy họ thân tâm tinh tấn, nói với họ rằng, “Hỡi các người! Trong tánh không chẳng có pháp giải đãi, chẳng có người giải đãi, chẳng có sự việc giải đãi. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tánh không. Các người phải giữ thân tâm tinh tấn, chớ nên giải đãi. Có như vậy mới sanh được các thiện pháp, như là: bố thí, trì giới, nhẫn nhục tinh tấn, thiền định, trí huệ, thiền giải thoát tam muội, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 3 giải thoát môn... dẫn đến 18 bất cộng pháp. Các người chớ nên giải đãi. Vì sao? Vì trong tánh không chẳng có tướng chướng ngại; trong pháp chẳng chướng ngại (vô ngại pháp) đó cũng chẳng có pháp giải đãi, chẳng có người giải đãi.

Như vậy này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát dạy chúng sanh, khiến họ an trú trong tánh không, chẳng rơi về “hai pháp”. Vì sao? Vì tánh không là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Chẳng có “hai pháp” là chẳng có chỗ chấp vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi hành vô tánh Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát dạy chúng sanh tinh tấn, nói với họ rằng, “Các người phải siêng năng, tinh tấn hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục tinh tấn, thiền định, trí huệ, thiền giải thoát tam muội, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 3 giải thoát môn, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi... dẫn đến 18 bất cộng pháp. Các người chớ nên niệm “hai tướng” (nhị tướng), và cũng chẳng nên niệm “không hai tướng” (bất nhị tướng). Vì sao? Vì pháp tánh là thường không; ở trong tánh không, thì chẳng nên dùng “hai tướng” để niệm, cũng chẳng nên dùng “không hai tướng” để niệm vậy.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật dùng lực phương tiện để thành tựu chúng sanh, dạy cho họ lần lượt được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật, nhập vào Bồ tát vị... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật Bồ tát thấy chúng sanh tâm loạn, liền dùng lực phương tiện làm lợi ích cho họ, nói với họ rằng, “Các ngươi phải nên tu thiền định, chớ nên sanh loạn tưởng, phải nên tu cho được nhất tâm. Vì sao? Vì pháp tánh là thường không, ở trong tánh không, thì chẳng có pháp để được (khả đắc), dù loạn hay tịnh. Các ngươi phải nên an trú trong tam muội khi tác nghiệp ở thân khẩu ý; khi hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục tinh tấn, thiền định, trí huệ; khi hành 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo; khi hành 3 giải thoát môn, 10 Phật lực, đại từ, đại bi... dẫn đến 18 bất cộng pháp. Các ngươi chớ nên dùng “hai tướng” để tưởng niệm, vì pháp tánh là thường không vậy.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật Bồ tát dùng lực phương tiện giáo hóa chúng sanh, khiến họ lần lượt được các quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật... dẫn đến được quả Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát dùng lực phương tiện làm lợi ích chúng sanh, nên từ sơ phát tâm trọn chẳng hề giải đãi, thường cầu các thiện pháp lợi ích cho chúng sanh; đi từ cõi Phật này đến cõi ngoài khác để cúng dường chư Phật, theo chư Phật nghe pháp. Trải qua vô lượng kiếp, Bồ tát xả bỏ thân này. Lại thọ thân khác, mãi cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề mà trọn chẳng hề quên bỏ hạnh nguyện vì lợi ích chúng sanh.

Bồ tát cầu Nhất thiết chủng trí, nên tu học hết thấy các đạo, từ Thanh Văn đạo. Bích Chi Phật đạo... dẫn đến Phật đạo. Bồ tát trú trong thiên định, dùng lực thần thông vào trong 5 đạo sanh tử để làm lợi ích cho chúng sanh.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật an trú trong tánh không, dùng lực phương tiện làm lợi ích chúng sanh, nói với họ rằng, “Hỡi các người! Phải quán hết thấy pháp đều là tánh không. Khi làm các nghiệp thân khẩu ý, các người phải hướng về tánh không. Có như vậy mới thọ được vị Cam Lộ, mới được quả vị Cam lộ. Các người chớ nên thoái chuyển. Vì sao? Vì trong tánh không chẳng có pháp thoái chuyển, cũng chẳng có người thoái chuyển. Tánh không chẳng phải là pháp cũng chẳng phải là phi pháp, vì là vô sở hữu vậy”.

Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát tự hành 10 thiện đạo, 5 giới, 8 quan trai giới, cũng dạy người khác hành các pháp đó; tự hành 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 37 Phẩm Trợ Đạo, 10 Phật lực, 18 bất cộng pháp... dẫn đến tự hành 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, cũng dạy người khác hành các pháp đó. Bồ tát tự mình tu được các quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật sanh trí huệ, mà chẳng trú trong các quả đó, cũng dạy người khác như vậy. Bồ tát tự mình tu được Vô Thượng Bồ Đề, cũng dạy người khác tu được như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu pháp tánh là thường không, thì trong đó chúng sanh là bất khả đắc, pháp và phi pháp cũng là bất khả đắc. Như vậy Bồ tát làm sao cầu được Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói, pháp tánh là thường không.

Trong tánh không đó chúng sanh là bất khả đắc, pháp và phi pháp cũng bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Nếu pháp tánh chẳng phải là không, thì Bồ tát chẳng thể y nơi pháp tánh không mà được Vô Thượng Bồ Đề, và vì chúng sanh nói pháp tánh không.

Này Tu Bồ Đề! Sắc là tánh không; thọ, tưởng, hành, thức cũng là tánh không. Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát vì chúng sanh thuyết pháp; nói 5 âm, 12 nhập, 18 giới đều là tánh không; nói 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định đều là tánh không; nói 37 Phẩm Trợ Đạo, 3 giải thoát môn, 8 bối xả, 9 thứ đệ định, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi... dẫn đến 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp cũng đều là tánh không cả. Nói rộng ra, tất cả các pháp ở nơi thế tục đế cũng như ở nơi chân đế đều là tánh không.

Này Tu Bồ Đề! Tánh không đó, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, chẳng có chỗ trú, chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu.

Này Tu Bồ Đề! Nói pháp có tướng trú, nhưng thật ra ở trong đó chẳng có pháp, chẳng có trú, chẳng có tập tán, chẳng có tăng giảm, chẳng có sanh diệt, chẳng có cấu tịnh. Đây là pháp tướng.

Bồ tát an trú trong các pháp tướng ấy, phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng thấy có chỗ phát tâm, chẳng thấy có phát tâm, chẳng thấy có trú tâm. Đây gọi là pháp trú.

Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát thấy hết thấy đều là tánh không, nên chẳng thôi chuyển tâm Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng thấy có pháp chướng ngại tánh không.

Trong tánh không đó chẳng có chúng sanh, chẳng có ngã, chẳng có nhân, chẳng có thọ giả... dẫn đến chẳng có tri giả, chẳng có kiến giả.

Trong tánh không đó, thì sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều bất khả đắc... dẫn đến 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp cũng đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Ví như Phật hóa ra các chúng Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di, rồi vì 4 chúng đó thuyết pháp trong ngàn vạn ức kiếp mà chẳng dứt. Ý ông nghĩ sao, các hóa chúng đó có được đắc quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến có được đắc quả Vô Thượng Bồ Đề chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng đắc vậy. Vì sao? Vì 4 hóa chúng chẳng có căn bản thật sự; hết thấy các pháp đều là tánh không, cũng chẳng có căn bản thật sự, cũng chẳng thật có. Như vậy, các hóa chúng đó làm sao có thể đắc quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến có thể đắc quả Vô Thượng Bồ Đề được!

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy, các pháp đều là không, mà chúng sanh điên đảo chấp là có. Nay Bồ tát muốn đưa chúng sanh ra khỏi điên đảo, nên vì họ nói pháp “không điên đảo”. Hết thấy các pháp đều là nhất tướng, nhưng do chấp mà khởi ra có nhiều điên đảo vậy, ít có ai chẳng điên đảo.

Ở nơi chỗ “không điên đảo” chẳng có ngã, chẳng có chúng sanh... dẫn đến chẳng có tri giả, chẳng có kiến giả. Ở nơi đây cũng chẳng có sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chẳng có 12 nhập, 18 giới... dẫn đến chẳng có Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì hết thấy pháp vốn là tự tánh không. Bồ tát trú trong tánh không ở ngay nơi tướng chúng sanh điên đảo, mà độ thoát chúng sanh ra khỏi tướng điên đảo,

ra khỏi các pháp hữu lậu, an trú chúng sanh trong pháp vô lậu.

Này Tu Bồ Đề! Pháp tướng vô lậu cũng chẳng sao bằng được đệ nhất nghĩa tướng. Vì sao? Vì đệ nhất nghĩa tướng là vô tác, vô vi, vô sanh, vô tướng, vô thuyết vậy. Đây cũng gọi là tánh không, cũng gọi là Phật đạo vậy.

Ở nơi đây, chúng sanh bất khả đắc; sắc, thọ, tưởng, hành, thức bất khả đắc... dẫn đến 80 vẻ đẹp cũng bất khả đắc.

Vì sao? Vì thật tướng pháp tức là tánh không. Bồ tát vì tánh không mà cầu Vô Thượng Bồ Đề! Tánh không đó, trước sau và chặng giữa đều là thường không. Bồ tát hành “vô tánh Bát nhã Ba-la-mật”, vì chúng sanh chấp tướng, mà cầu đạo chủng trí, nhằm độ thoát họ ra khỏi các chấp vậy.

Khi cầu đạo chủng trí, Bồ tát khắp học các đạo, từ đạo Thanh Văn, đạo Bích Chi Phật... dẫn đến đạo Bồ tát. Bồ tát học đầy đủ các đạo để độ thoát chúng sanh ra khỏi các tà kiến chấp; rồi tùy theo thọ mạng, mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Ở quá khứ, ở hiện tại cũng như ở vị lai, đạo của chư Phật trong khắp 10 phương là tánh không. Rời tánh không, thì ở thế gian chẳng có đạo, chẳng có quả. Bởi vậy nên phải gần gũi chư Phật, nghe chư Phật thuyết về pháp tánh không, và hành pháp ấy, mới chẳng mất Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chư đại Bồ tát hành pháp tánh không như vậy mà chẳng phá hoại tướng của tánh không. Đó là vì sắc chẳng khác tánh

không; thọ, tướng, hành, thức chẳng khác tánh không;... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề chẳng khác tánh không.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Sắc tức là tánh không, tánh không tức là sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề tức là tánh không, tánh không tức là Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Nếu sắc khác với tánh không... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề khác với tánh không, thì Bồ tát chẳng có thể được Nhất thiết chủng trí.

Vì sắc chẳng khác tánh không... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề chẳng khác tánh không, nên Bồ tát biết hết thầy pháp mà phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì ở trong đó chẳng có pháp gì là thật, là thường cả. Chỉ vì phàm phu chấp 5 ấm, chấp có tướng 5 ấm, chấp có nội vật, có ngoại vật, mà phải thọ lại thân 5 ấm ở đời sau, khiến chẳng thể thoát ra khỏi “sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não”, và phải qua lại trong 5 đạo chúng sanh.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát hành “vô tánh Bát nhã Ba-la-mật” chẳng hoại sắc tướng cùng hết thầy pháp tướng, dù là không, dù là chẳng phải không (bất không).

Vì sao? Vì tướng sắc tánh không chẳng hoại sắc... dẫn đến tướng Vô Thượng Bồ Đề tánh không chẳng hoại Vô Thượng Bồ Đề.

Ví như hư không chẳng hoại hư không. Cũng như vậy, nội hư không và ngoại hư không chẳng phá hoại lẫn nhau.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Sắc chẳng hoại tướng sắc không, tướng sắc không chẳng hoại sắc. Vì sao? Vì 2 pháp chẳng có tánh, vì không là chẳng phải không (phi không).

Dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng là như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp đều là không, là vô phân biệt, thì vì sao Bồ tát, từ sơ phát tâm đã phát nguyện “Tôi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề”?

Bạch Thế Tôn! Nếu có phân biệt các pháp thì chẳng thể có được Vô Thượng Bồ Đề chăng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành “2 tướng” chẳng thể có được Vô Thượng Bồ Đề. Nếu chẳng dùng “2 tướng” để phân biệt các pháp, thì mới có thể có được Vô Thượng Bồ Đề. Bồ đề chẳng có 2 tướng, chẳng có hoại tướng.

Này Tu Bồ Đề! Hành Bồ đề là chẳng phải ở nơi sắc mà hành; chẳng phải ở nơi thọ, tưởng, hành, thức mà hành... dẫn đến chẳng phải ở nơi Bồ đề mà hành vậy.

Vì sao? Vì sắc tức là Bồ đề, Bồ đề tức là sắc; sắc và Bồ đề là chẳng hai, chẳng phân biệt. Dẫn đến đến 18 bất cộng pháp cũng là như vậy. Hành Bồ đề là chẳng phải vì thủ mà hành cũng chẳng phải vì xả mà hành.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng phải vì thủ cũng chẳng phải vì xả mà hành Bồ đề, thì Bồ tát hành ở chỗ nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như người hóa, do Phật biến hóa ra, hành Bồ đề ở chỗ nào? Hành trong thủ, hay hành trong xả?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải hành trong thủ, cũng chẳng phải hành trong xả.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy, Bồ tát hành Bồ đề chẳng phải ở trong thủ, cũng chẳng phải hành trong xả mà hành vậy.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Ở trong mộng, A-la-hán hành Bồ đề ở chỗ nào, hành trong thủ, hay hành trong xả?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy. Chẳng phải ở trong thủ, cũng chẳng phải ở trong xả. Vì sao? Vì A-la-hán rốt ráo chẳng có ngủ, thì làm sao có hành Bồ đề ở trong mộng, có hành ở trong thủ hay trong xả được?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát hành Vô Thượng Bồ Đề cũng là như vậy. Chẳng phải ở trong thủ mà hành, cũng chẳng phải ở trong xả mà hành. Đây là chỗ gọi là hành trong sắc... dẫn đến hành trong Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy Bồ tát chẳng hành 10 địa, chẳng hành 6 pháp Ba-la-mật, chẳng hành 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, chẳng hành nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, chẳng hành các thiền định giải thoát tam muội, chẳng hành 10 Phật lực... dẫn đến 80 vẻ đẹp, chẳng trú 5 thần thông, chẳng thanh tịnh Phật độ, chẳng thành tựu chúng sanh mà có được Vô Thượng Bồ Đề chẳng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói. Bồ tát hành Bồ đề là chẳng chỗ hành (vô hành xứ). Thế nhưng, nếu chẳng đầy đủ 10 địa, 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến 80 vẻ đẹp; nếu chẳng thường xả pháp, chẳng làm pháp, chẳng đầy đủ các pháp, thì trọn chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Bởi vậy nên, Bồ tát trú trong tướng của sắc, trong các tướng của thọ, tướng, hành và thức... dẫn đến trong tướng của Vô Thượng Bồ Đề mới được đầy đủ 10 địa, ... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Tướng ấy thường tịch, diệt. Vì chẳng có pháp, nên chẳng có tăng giảm, chẳng có cấu tịnh, mà có thể được đạo, được quả.

Đây là vì thế tục đế mà nói Bồ tát được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế vậy. Vì sao? Vì trong đệ nhất nghĩa chẳng có sắc... dẫn đến chẳng có Vô Thượng Bồ Đề; cũng chẳng có người hành Vô Thượng Bồ Đề. Tất cả các pháp nói ra đều vì thế tục đế, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế vậy.

Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm đến nay, Bồ tát hành Vô Thượng Bồ Đề, mà Bồ đề chẳng có tăng, chúng sanh chẳng có giảm, Bồ tát cũng chẳng có tăng giảm.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu người lúc ban đầu được đạo, trú trong vô gián tam muội, thành tựu được các căn vô lậu, được các quả Thanh Văn, thì người ấy có chỗ sở đắc là mộng, là tâm, là đạo, là đạo quả chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng có chỗ đắc vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Làm thế nào biết được người đắc đạo A-la-hán?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì thế tục đế nên phân biệt gọi là đạo A-la-hán.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Vì thế tục đế nên phân biệt gọi là Bồ tát, gọi là sắc, là thọ, là tướng, là hành, là thức... dẫn đến là Nhất thiết chủng trí.

Trong Bồ đề chẳng có pháp khả đắc, chẳng có pháp tăng hay giảm, vì pháp tánh là không vậy.

Các pháp tánh là không, là bất khả đắc, nên chẳng có tâm sơ địa... dẫn đến chẳng có tâm thập địa, chẳng có 6 pháp Ba-la-mật, chẳng có 37 Phẩm Trợ Đạo, chẳng có 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác”, dẫn đến chẳng có hết thấy Phật pháp, vì đều là vô sở hữu.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát hành Vô Thượng Bồ Đề, được Vô Thượng Bồ Đề cũng chỉ vì lợi ích chúng sanh vậy.

LUẬN:

Ở phẩm trước ngài Tu Bồ Đề hỏi, “Nếu các pháp đều là không, thì làm sao lại có 5 đạo chúng sanh, có thiện ác được?”

Ở phẩm này ngài lại hỏi, “Nếu chúng sanh bất khả đắc, thì Bồ tát vì ai mà hành Bát nhã Ba-la-mật?”.

Theo trên đây, thì ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng Bồ tát vì muốn độ chúng sanh, nên hành Bát nhã Ba-la-mật. Ý Phật muốn nói rằng chúng sanh là bất khả đắc, là hư vọng, chẳng thật có, nên Bồ tát vì hết thấy Phật pháp mà hành Bát nhã Ba-la-mật. Vì thật pháp tức là thật tế, và chúng sanh tế cũng tức là thật tế vậy.

Hỏi: *Chư Phật thấy chúng sanh khổ não, muốn độ thoát chúng sanh mà phát đại bi tâm. Nay sao lại nói vì thật tế mà phát đại bi tâm?*

Đáp: Từ khi sơ phát tâm, Bồ tát thấy chúng sanh chìm đắm trong khổ đau, muốn diệt các khổ của chúng sanh, mà phát đại bi tâm.

Bồ tát biết rõ các khổ “sanh, già, bệnh, chết” làm cho thân tâm chúng sanh bị suy não. Muốn tận diệt các khổ thì phải tận diệt các nguyên nhân sanh ra khổ, như Phật đã dạy

trong “12 nhân duyên”. Trong “12 nhân duyên”, 2 chi cuối cùng là “sanh” và “già, chết”.

Hỏi: *Hết thầy chúng sanh đều biết rõ “sanh” là nhân duyên khổ. Như vậy Bồ tát có thấy gì khác hơn chăng?*

Đáp: Chúng sanh thật sự chẳng biết được rằng do có “sanh” mới có “khổ”. Nếu gặp khổ, phàm phu chỉ oán hận người đem khổ đến cho mình, mà chẳng biết rằng do mình có sanh tâm mới có sanh thân, và do có thân nên mới có khổ. Chúng sanh cứ mãi tăng trưởng các kiết sử, lớp lớp sanh pháp, mà chẳng biết rằng “sanh tâm” như vậy mới là chánh nhân của khổ. Nếu chẳng bị nắng n嘿, đánh, đập, đâm chém, ... chẳng bị các nạn đói rét binh đao... thì cũng vẫn phải bị các khổ “già, bệnh, chết”.

Bởi vậy nên phải tự xét mình từ đâu sanh về đây; do nhân duyên gì mà phải thọ thân này; phải biết rằng đã có thân là có khổ. Đã có sanh pháp thì phải có diệt pháp. Có sanh, thì phải có già, có bệnh... dẫn đến có chết. Sanh, già, bệnh, chết đều là nguyên nhân khổ. Ví như cây cỏ nay còn xanh tươi, nhưng rồi đây cũng sẽ bị tàn úa, sẽ bị chết khô vậy.

Bồ tát biết rõ các nhân duyên sanh khổ, dạy chúng sanh truy tìm các nguyên nhân sanh khổ. Đó là “3 hữu” gồm: Dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu.

Do nhân duyên có “3 hữu” mà khởi ra có “4 thủ”. Đó là: Ái thủ, dục thủ, kiến thủ và giới thủ. Tất cả đều do ái chấp và ngã chấp sanh ra. Do ái chấp mà phiền não càng lâu càng tăng trưởng, khởi ra các nghiệp.

Do nhân duyên “4 thủ” mà khởi sanh “3 thọ”. Đó là: Khổ thọ, lạc thọ và xả thọ.

Như vậy, trong 12 chi nhân duyên thì các chi “ái, thủ và hữu” là nguồn gốc dẫn sanh ra các khổ.

Lại nữa, do nhân duyên 6 căn “xúc” 6 trần, mà khởi sanh ra các thọ cùng các tâm sở khác. Cũng có thể nói do căn, trần và thức hòa hợp, dẫn sanh ra các thọ, cùng các tâm sở khác, mà căn bản của sự hòa hợp là “xúc” vậy.

Ngay khi “xúc” khởi, thì liền có 6 trần y chi, 6 căn y chi, và từ đó liền có “6 nhập”

6 “nhập” cũng tức là “danh sắc”. Khi chưa thành tựu thì được gọi là “danh sắc”. Khi đã thành tựu rồi thì được gọi là “6 nhập”. Khi đã được thành tựu thì trong 6 nhập có 5 nhập thuộc về sắc, còn 1 nhập thuộc về danh. Sắc là thân, danh là tâm của bào thai.

Lại do nhân duyên có “thức” gá vào thai mẹ, mà bào thai lúc ban đầu chẳng bị hư nát. Thức này rất vi tế, được gọi là thức trung âm.

Nếu chẳng có “thức” gá vào thai mẹ, thì bào thai chẳng có thể được hình thành. Phải hội đầy đủ tất cả các nhân duyên hòa hợp mới hình thành bào thai vậy.

Hỏi: *Vì sao thức lại vào thai mẹ?*

Đáp: Do nhân duyên có 3 nghiệp quá khứ, nên khi cha mẹ giao hợp thì các nghiệp ấy liền dẫn thức vào thai mẹ.

Ví như gió thổi làm lửa tắt, nhưng ở trong hư không lửa vẫn y chỉ nơi gió, nhen nhúm thêm nhiều đám lửa khác. Cũng như vậy, vì ở đời trước mỗi người đã từng đốt lên 6 thức, nên khi chết, gió nghiệp lại dẫn thức vào thai mẹ, để thọ thân ở đời sau.

Hỏi: *Vì sao nghiệp ở đời trước thì gọi là “hữu”, còn nghiệp ở đời này thì gọi là “hành”?*

Đáp: Trên đây đã nói rằng do nghiệp nhân duyên đời trước mà nay có thân. Bởi vậy nên nghiệp đời trước gọi là “hữu”.

Đời quá khứ đã diệt, nên nghiệp quá khứ chỉ còn là danh suông. Nhưng cái ý chí roi rớt lại từ các nghiệp quá khứ trở thành nhân duyên cho các hành động tạo nghiệp ở đời hiện tại. Bởi vậy nên nghiệp đời này gọi là “hành”.

Nhân duyên của “hành” là “vô minh”. Hết thấy các phiền não, tuy đều do các nghiệp tạo ra, nhưng nhân duyên căn bản vẫn là “vô minh”.

Hỏi: *Từ vô thi đến nay, chúng sanh đã qua lại trong sanh tử trải qua nhiều đời, nhiều kiếp. Như vậy vì sao chỉ nói đến nguyên nhân chính của sanh tử là “vô minh”.*

Đáp: Bồ tát tư duy về các nỗi khổ của chúng sanh, hòng giải thoát chúng sanh khỏi các khổ.

Bồ tát biết rõ chúng sanh sở dĩ ở đời nay phải chịu các cảnh khổ “sanh, già, bệnh, chết”, vì ở đời quá khứ họ đã tương tục sanh tâm. Bởi vậy nên muốn đoạn trừ các khổ “sanh, già, bệnh, chết” ở đời vị lai, thì ở đời hiện tại phải đoạn tâm tương tục, khiến chẳng có sanh nữa.

Ví như khi trị bệnh ở hiện tại, vị thầy thuốc giỏi đã truy tầm căn nguyên của bệnh trong quá khứ, nhằm chữa trị bệnh tận gốc; lại còn ngăn chặn các khả năng phát triển của bệnh, khiến bệnh chẳng còn tái phát lại trong tương lai. Lại ví như làm rớt lửa gây ra sự cháy nhà; muốn cho cảnh cháy nhà đừng tái diễn nữa, thì phải thận trọng đừng cho lửa rơi rớt nữa.

Bồ tát dạy chúng sanh diệt khổ cũng là như vậy: Các khổ quá khứ đã diệt, đừng để cho sanh lại; các khổ do các nghiệp nhân duyên từ đời trước mà nay đã thành tựu, phải đoạn trừ;

ngay ở đời hiện tại phải tận phá các nhân duyên dẫn sanh các khổ “sanh, già, bệnh, chết” ở đời vị lai.

Khi đã phá được pháp “sanh”, thì các pháp “già, bệnh, chết” tự nhiên hằng dứt vậy. Bởi vậy nên muốn diệt các khổ “sanh, già, bệnh, chết” ở đời vị lai, phải ý nơi các nhân duyên sanh khổ ở đời hiện tại.

-o0o-

Hết thảy các nghiệp hữu lậu đều do 4 chấp.

Đó là: Ái, phiền não, thọ và xúc.

Từ 4 chấp này dẫn danh ra hết thảy các tâm sở pháp.

Do các nghiệp duyên từ trước, nên có “xúc” là liền sanh “thọ”.

Do nhân duyên có “thọ” mà sanh ra có 3 độc cùng các phiền não khác. Hết thảy các phiền não đều biểu hiện sự chấp “ái” vậy.

Nhân duyên “xúc” là ở nơi 6 nội nhập. Như trước đây đã nói, tuy bên ngoài có 6 ngoại nhập, nhưng nếu chẳng có 6 nội nhập, chẳng có xúc, thì các tâm sở chẳng sanh.

Lúc ban đầu, khi thức nhập vào thai mẹ, thì thức đã cùng với danh sắc làm nhân duyên dẫn sanh 6 nội nhập. Lúc bấy giờ 6 nội nhập chỉ có danh mà chưa có dụng, vì chưa được thành tựu đầy đủ.

Đưa trẻ mới sanh ra đời tuy đã có đầy đủ 6 nội nhập nhưng chưa có xúc, nên chưa biết được khổ và lạc. Rồi dần dần lớn lên, nó đã có xúc, đã biết khổ, biết lạc, nhưng chưa có chấp ái sâu đậm. Đưa trẻ khi còn nhỏ tuy có sân mà chưa có khởi các ác nghiệp, tuy có vui mà chưa khởi các thiện nghiệp. Khi thành người lớn rồi mới thật sự có thọ khổ, thọ

lạc. Khổ thì sanh sân, lạc thì sanh ái, thường cầu các sự vui, thường khởi 4 thủ gồm ái thủ, dục thủ, kiến thủ và giới thủ. Khi đã có “thủ” mới có khởi các nghiệp thiện, nghiệp ác.

-o0o-

Nếu ở một đời mà quán biết rõ được nghiệp nhân duyên là vô tánh, thì sẽ biết rõ ở trong vạn ức kiếp cũng đều là như vậy. Ví như ở hiện tại lửa nóng, thì ở quá khứ, ở vị lai lửa cũng nóng như vậy.

Nếu muốn tìm cầu gốc của “vô minh nhân duyên” thì đương nhiên sẽ bị đọa về biên kiến, xa rời đạo Niết Bàn. Vì sao? Vì nếu đọa về hý luận, thì chẳng phải là Phật pháp vậy.

Muốn đoạn vô minh, Bồ tát cầu thể tướng của vô minh. Khi cầu như vậy sẽ biết rõ vô minh cũng là rốt ráo không.

Kinh dạy: Chẳng thấy nội pháp, chẳng thấy ngoại pháp là thấy được tướng của vô minh.

Bồ tát dùng nội không quán nội pháp, thấy nội pháp rốt ráo không, dùng ngoại không quán ngoại pháp, thấy ngoại pháp rốt ráo không; dùng nội ngoại không quán nội ngoại pháp, thấy nội ngoại pháp cũng rốt ráo không. Như vậy là thấy được tướng của vô minh, như đã nói trên đây.

Kinh *Đức Nữ* dạy: Khi đã phá được vô minh rồi, Bồ tát cầu thể tướng của vô minh, tức thời thấy rõ thể tướng của vô minh cũng chính là thật tướng của các pháp.

Đây là pháp quán thật tế. Với pháp quán này, Bồ tát thấy rõ các pháp đều là như huyễn, như hóa.

Chúng sanh, do tâm điên đảo, nên khởi ra các phiền não, tạo ra bao nhiêu nghiệp tội, khiến phải chịu luân hồi trong 5 đạo chúng sanh tương tục chịu các khổ sanh tử.

Ví như con tầm tự nhả tơ để tự trói buộc lấy mình. Cũng như vậy, khi mới sanh ra đời, phàm phu chưa có các phiền não, nhưng dần dần tự tạo ra các phiền não, khiến chân tâm bị che lấp, để rồi tự trói buộc mình vào trong sanh tử luân hồi.

Bồ tát quán biết rõ các pháp từ nguồn gốc vốn là không, biết rõ chúng sanh chỉ vì lầm chấp điên đảo mà phải thọ các khổ, nên đã phát đại bi tâm, vì chúng sanh cầu thật pháp, hành Bát nhã Ba-la-mật. Khi đã thông đạt thật tế rồi, Bồ tát giáo hóa chúng sanh, khiến họ được an trú trong thật tế; vì an trú trong thật tế mới chẳng có lầm lỗi.

Lại nữa, kinh dạy: Nếu thật tế và chúng sanh sai khác nhau, thì Bồ tát chẳng hành Bát nhã Ba-la-mật. Nhưng vì thật tế và chúng sanh đều là rốt ráo không, nên Bồ tát mới vì lợi ích chúng sanh mà hành Bát nhã Ba-la-mật.

Nếu chúng sanh là thật có, thì Bồ tát chẳng có thể vì chúng sanh tu thật tế được. Vì chúng sanh là rốt ráo không và thật tế cũng là rốt ráo không, chúng sanh và thật tế chẳng có sai khác, nên Bồ tát mới có thể vì chúng sanh mà hành thật tế vậy.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mới có thể đưa chúng sanh ra khỏi điên đảo, kiến lập họ nơi thật tế, mà chẳng phá hoại thật tế vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu chúng sanh tế và thật tế chẳng có sai khác nhau, thì kiến lập chúng sanh nơi thật tế là kiến lập thật tế nơi thật tế vậy. Thật chẳng thể làm như vậy được. Ví như ngón tay chẳng có thể tự chỉ ngón tay được vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy. Chẳng có thể kiến lập thật tế nơi thật tế. Thế nhưng Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng các phương tiện mà kiến lập chúng sanh nơi thật tế. Ở nơi thật tế, thì chúng sanh tế cùng thật tế chẳng sai khác nhau, vì đều là bất khả đắc cả.

Chúng sanh và thật tế chỉ là một tánh, nên chúng sanh tế chẳng phá hoại thật tế vậy.

Bồ tát biết rõ 2 pháp đó chẳng phải là một, chẳng phải là hai, là rốt ráo thanh tịnh, chẳng có hý luận.

Bởi vậy nên Bồ tát vì thương xót chúng sanh mà muốn giáo hóa họ, nhằm đưa họ ra khỏi các chấp điên đảo.

Hỏi: *Bồ tát dùng lực phương tiện như thế nào để kiến lập chúng sanh nơi thật tế?*

Đáp: Bồ tát dùng lực phương tiện kiến lập chúng sanh nơi bố thí, dạy chúng sanh rằng, “Bố thí là rốt ráo không, trước, sau và chặng giữa đều không”.

Bồ tát dạy chúng sanh bố thí nhằm dẫn dắt họ ra khỏi xan tham. Thế nhưng nếu chúng sanh chấp quả báo bố thí, chấp các phước lạc ở cõi trời và cõi người, thì Bồ tát lại dạy chúng sanh rằng, “Nếu hưởng hết các phước lạc rồi, thì sẽ phải chịu các khổ não. Các phước đức phú quý, giàu sang... là nhân duyên khởi sanh các tội lỗi. Do vậy mà khi đã hưởng hết các phước lạc lại chuyển thân thọ các khổ ở địa ngục. Bồ tát thương xót chúng sanh chỉ vì ham vui trong chốc lát mà phải thọ khổ lâu dài. Bởi vậy nên Bồ tát vì chúng sanh nói, “Ở nơi thật tướng thì bố thí là rốt ráo không, chẳng có người thí, chẳng có người thọ, chẳng có vật thí. Ở quá khứ, ở hiện tại, cũng như ở vị lai, bố thí đều là vô sở hữu, là bất khả đắc. Như vậy là bố thí trước sau và chặng giữa cũng đều là rốt ráo không”.

Bồ tát lại nói rằng, “Bố thí là cửa ban đầu dẫn vào Phật pháp. Ở nơi thật tế, thì thật tướng của các pháp đều là không. Vậy chớ nên niệm bố thí, chớ nên chấp bố thí. Chẳng niệm, chẳng chấp bố thí như vậy là vào được nơi như như thể tướng

của bố thí. Bố thí như vậy mới có được vị Cam Lô, vào được thánh đạo, được quả vị Cam Lô là Niết Bàn vậy”.

Bởi vậy nên, dù an trú trong thật tế, mà Bồ tát vẫn dùng các lực phương tiện hành bố thí để độ thoát chúng sanh.

Hành các Ba-la-mật khác cũng là như vậy.

-oOo-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thấy pháp đều là tánh không, mà trong tánh không thì chẳng có pháp, chẳng có phi pháp, cũng chẳng có chúng sanh; như vậy Bồ tát làm sao có thể trú trong tánh không mà cầu Nhất thiết chủng trí được?

Phật dạy: Do Bồ tát thường an trú trong tánh không nên mới thường hành bố thí.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Ở trong tánh không thì hết thấy các pháp đều bị phá, chẳng còn gì nữa cả. Như vậy làm sao Bồ tát có thể an trú trong tánh không để thường hành bố thí?

Phật dạy: Do nhân duyên Bồ tát biết rõ thật tướng của các pháp và an trú trong đó, tức là an trú trong tánh không, mà được Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát vì chúng sanh thuyết pháp, nói hết thấy các pháp đều là tánh không, nói sắc, thọ, tưởng, hành thức là tánh không... dẫn đến nói Nhất thiết chủng trí là tánh không.

Tánh không chẳng có trú xứ, nên được gọi là pháp tánh thường trú, chẳng có sanh diệt, chẳng có cấu tịnh, chẳng có tăng giảm. Tánh không cũng được gọi là thật tướng pháp. Bồ tát trú nơi tánh không chẳng thấy có chướng ngại, chẳng thấy có pháp chướng ngại, nên dù biết rõ chúng sanh là rốt ráo không mà vẫn có thể dùng các lực phương tiện độ thoát chúng sanh.

Hỏi: *Nếu pháp và chúng sanh bản lai đều là không, thì ai dùng lực phương tiện? Ai được độ thoát?*

Đáp: “Tánh không” chẳng có tánh tướng. Nếu chấp “tánh không” có tánh tướng, mới nên nạn hỏi.

Lại nữa, khi đã vào được thật tướng pháp rồi, thì vào được tánh không; biết rõ trong tánh không là chẳng có pháp, chẳng có chúng sanh.

Chỉ vì phạm phu chưa vào được thật tướng, nên mới ức tướng phân biệt, chấp thật có các pháp hữu vi. Bồ tát vì chúng sanh mà nói có các pháp, có phân biệt, rồi dần dần đưa chúng sanh vào nơi thật tướng pháp, tức là nơi tánh không vậy. Bồ tát an trú trong tánh không, nên mới dùng lực phương tiện độ thoát chúng sanh.

Trong kinh, Phật dạy: Trong tánh không đó, thì chúng sanh là bất khả đắc, sắc... dẫn đến 80 vẻ đẹp đều là bất khả đắc cả.

Thế nhưng vì muốn kiến lập chúng sanh nơi thật tế, nên Bồ tát phải vì chúng sanh nói thế đế, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế vậy.

-o0o-

Phật hỏi: Các người hóa có được đạo chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng được vậy. Vì các người hóa chẳng có căn bản thật sự. Hết thầy các pháp đều là tánh không, nên cũng chẳng có căn bản thật sự.

Phật dạy: Bồ tát hóa độ chúng sanh cũng là như vậy. Chúng sanh và các pháp đều chẳng có căn bản thật sự, mà chúng sanh điên đảo chấp là có. Nay Bồ tát muốn đưa chúng

sanh ra khỏi các chấp điên đảo, nên vì họ nói pháp “không điên đảo”. Ở nơi chỗ “không điên đảo” chẳng có ngã, chẳng có chúng sanh... dẫn đến chẳng có tri giả, chẳng có kiến giả. Các pháp tuy chỉ một tướng (nhất tướng) mà chúng sanh điên đảo chấp có rất nhiều tướng.

Bồ tát trú trong tánh không, phá các vọng chấp của chúng sanh mà chẳng phá chúng sanh; ở ngay nơi tướng chúng sanh điên đảo mà độ chúng sanh ra khỏi tướng điên đảo, ra khỏi các pháp hữu lậu, và an trú họ trong pháp vô lậu.

Các pháp vô lậu mà Bồ tát dùng để giáo hóa chúng sanh, như 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo v.v... đều y theo thể để sanh diệt mà nói ra, nên chẳng bằng được đệ nhất nghĩa để vậy.

Hỏi: Thế nào gọi là “tánh không”, thế nào gọi là “Bồ tát đạo”?

Đáp: Ở nơi thể tục đế thì có phân biệt giữa tánh không và Bồ tát đạo. Ở nơi đệ nhất nghĩa đế thì chẳng có phân biệt.

Thật tướng các pháp tức là tánh không. Bồ tát hành các Pháp chỉ để cầu tánh không, nên nói chẳng vì Bồ tát đạo mà chỉ vì tánh không vậy. Trước sau chỉ vì tánh không mà tu, nên là thường không, là chẳng có chỗ sở tác (vô sở tác) chẳng phải do lực trí huệ, mà là tự không. Tánh không tự là như vậy.

Phật và Bồ tát dùng lực trí huệ dạy cho chúng sanh biết như vậy, để tự phá chấp điên đảo. Ví như tánh của hư không là thường thanh tịnh. Bồ tát thuyết pháp chỉ cho chúng sanh biết tự tánh của các pháp là rốt ráo không, cũng ví như gió thổi phá đám mây mù khiến hư không trở lại thanh tịnh như trước.

Bồ tát biết rõ tánh không, nên được đầy đủ các đạo, độ thoát chúng sanh, thanh tịnh Phật độ. Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn, vào “như huyễn đạo” mà hành Bồ tát đạo. Do vậy mà thọ đủ các hình tướng trang nghiêm.

-o0o-

Phật dạy: Hết thấy pháp đều là tánh không; và tánh không là chân thật pháp. Người được pháp ấy gọi là Phật. Lìa tánh không ra thì chẳng có được đạo quả. Vì sao? Vì lìa tánh không tức là có chấp tướng; có chấp tướng tức là chẳng có đạo quả vậy. Nếu lìa tánh không mà bố thí, trì giới v.v... thì tuy chẳng bị đọa về các đường ác, tuy được hưởng phước sanh lên cõi trời, nhưng khi hết phước rồi thì cũng vẫn phải bị đọa trở lại. Trái lại, nếu hành tánh không mà chẳng chấp tánh không, thì đó tức là Niết Bàn vậy. Nếu hành pháp không mà còn có chấp, thì rất dễ bị thối tâm; nếu hành pháp không mà còn có chấp, thì chẳng có bị lỗi lầm, nên chẳng có thối tâm.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Thật là hy hữu, Bồ tát hành tánh không như vậy mà chẳng hoại tướng tánh không. Vì sắc chẳng khác tánh không... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề chẳng khác tánh không.

Phật dạy: Nếu sắc khác với tánh không... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề khác với tánh không, thì Bồ tát chẳng có thể được Nhất thiết chủng trí. Vì sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề chẳng khác tánh không, nên Bồ tát biết rõ hết thấy pháp tánh không mà phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì ở trong đó chẳng có pháp gì là thật, là thường cả. Vì phạm phu chấp ngã, chấp các nội ngoại pháp, nên chẳng có thể được giải thoát khỏi “sanh, già, bệnh, chết” vậy.

Trái lại, Bồ tát hành tánh không, hòa hợp với 6 pháp Ba-la-mật nên chẳng hoại hết thấy các pháp tướng. Vì sao? Vì thật tướng các pháp tức là tánh không. Tánh không chẳng hoại tánh không; sắc chẳng hoại tướng sắc không... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề chẳng hoại tướng tướng Vô Thượng Bồ Đề không. Nơi đây, Phật dùng thí dụ “nội hư không chẳng hoại ngoại hư không” vì đồng một thể vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp đều là không, là vô phân biệt, thì Bồ tát y chỗ nào mà cầu Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Nếu hành “2 tướng” thì chẳng có được Vô Thượng Bồ Đề. Nếu chẳng dùng “2 tướng” mới có được Vô Thượng Bồ Đề. Chẳng phải ở nơi sắc... dẫn đến chẳng phải ở nơi trí huệ mà hành trí huệ. Hành trí huệ là chẳng phải vì thủ mà hành, cũng chẳng phải vì xả mà hành.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu chẳng phải vì thủ cũng chẳng phải vì xả mà hành Bồ đề, thì Bồ tát hành Bồ đề ở chỗ nào?

Nên biết “thủ” là chấp, “xả” là chẳng chấp. “Hành thủ” là hành 2 tướng, “hành xả” là chẳng hành 2 tướng. Ở đây nêu lên sự phân biệt giữa “2 tướng” và “không 2 tướng” (bất nhị tướng).

Phật dạy: Người hóa hành Bồ đề ở chỗ nào? Hành trong thủ hay hành trong xả?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Người hóa chẳng có chỗ hành, vì chẳng có các tâm và tâm sở.

Phật dạy: Ở trong mộng, A-la-hán hành Bồ đề ở chỗ nào? Hành trong thủ hay hành trong xả?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: A-la-hán chẳng ngủ. Như vậy làm sao có thể hành Bồ đề ở trong mộng! Làm sao có thể hành trong thủ hay hành trong xả được!

Hỏi: *Vì sao Phật hỏi, “Ở trong mộng, A-la-hán hành Bồ đề ở chỗ nào?”*

Đáp: A-la-hán đã được lậu tận. Thế nhưng ở đây Phật muốn nói rõ hành mà chẳng chỗ hành (vô sở hành) mới thật là hành vậy.

Hỏi: *Đến Phật cũng còn có ngủ. A-la-hán làm sao mà chẳng có ngủ được? Do đâu biết được như vậy?*

Đáp: Phật thường bảo ngài A Nan rằng, “Hãy xếp chiếc y uất đa la tãng, vì ta cần nằm ngủ chút ít. Ông hãy vì các Tỷ-kheo nói pháp”.

Lại nữa, trong kinh có nêu mẫu chuyện sau đây:

Ông Tát Già Ni Càn đến hỏi Phật: Suốt đêm Phật có ngủ chẳng?

Phật đáp: Vào cuối mùa xuân và đầu mùa hạ tiết trời nóng bức, nên ta có ngủ chút ít để trừ các bệnh do ăn uống gây ra.

Ông Tát Già Ni Càn lại hỏi: Đêm ngày ngủ mãi có phải là si tướng chẳng?

Phật đáp: Các lậu tương tục sanh thân mà chẳng đoạn mới gọi là si tướng. Nếu chẳng đoạn các lậu thì dù thường chẳng ngủ cũng gọi là si.

Hỏi: *Theo trên đây thì Phật, A-la-hán đều có ngủ. Như vậy thì sao ngài Tu Bồ Đề lại nói A-la-hán còn chẳng có ngủ?*

Đáp: Có 2 trường hợp: Ngủ có mộng và ngủ chẳng có mộng. Các bậc A-la-hán chẳng phải vì muốn chấp sự an ổn mà ngủ; trái lại chỉ vì muốn giữ gìn thân mà có ăn, có ngủ. Đây là trường hợp ngủ chẳng có mộng.

Sở dĩ ngài Tu Bồ Đề nói A-la-hán chẳng có ngủ, là vì ngài muốn nói A-la-hán đã ly dục, đã được tâm hoan lạc, nên chẳng cần ngủ nghỉ. Thế nhưng Phật cũng như chư đại A-la-hán vẫn thọ “nhân pháp”, thị hiện có ngủ nghỉ để dùng làm phương tiện độ chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu Bồ tát chẳng tu hành thì làm sao thành tựu được 10 địa... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Đúng như vậy. Bồ tát hành Bồ đề là chẳng có chỗ hành (vô hành xứ). Thế nhưng nếu chưa đầy đủ 10 địa, 6 pháp Ba-la-mật... thì trọn chẳng được Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát trú trong tướng sắc... dẫn đến trú trong tướng Vô Thượng Bồ Đề mà được Vô Thượng Bồ Đề, nhưng chẳng xả pháp sắc, cũng chẳng chấp tướng Vô Thượng Bồ Đề, vì tướng ấy thường tịch diệt, chẳng tăng giảm, chẳng cấu tịnh.

Chỉ vì thế tục đế mà nói ra có đắc đạo hay chẳng đắc đạo, có đắc quả hay chẳng đắc quả vậy thôi. Bồ tát được Vô Thượng Bồ Đề, ở trong đệ nhất nghĩa đế chẳng thấy có sắc... dẫn đến chẳng thấy có Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Phật muốn nói rõ sự việc trên đây nên hỏi lại ngài Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao? Khi ông đoạn sạch phiền não, ông có thấy có chỗ đắc đạo chăng? Có pháp nào quyết định có chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Chẳng có chỗ đắc. Vì sao? Vì con là người trú trong pháp môn vô tướng để vào đạo, thì làm sao có chấp tướng được?

Phật lại hỏi: Ông chẳng chấp pháp, dẫn đến vi tế pháp cũng chẳng chấp. Như vậy do đâu mà nói ông là A-la-hán?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Do thế tục pháp mà nói con là A-la-hán, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế.

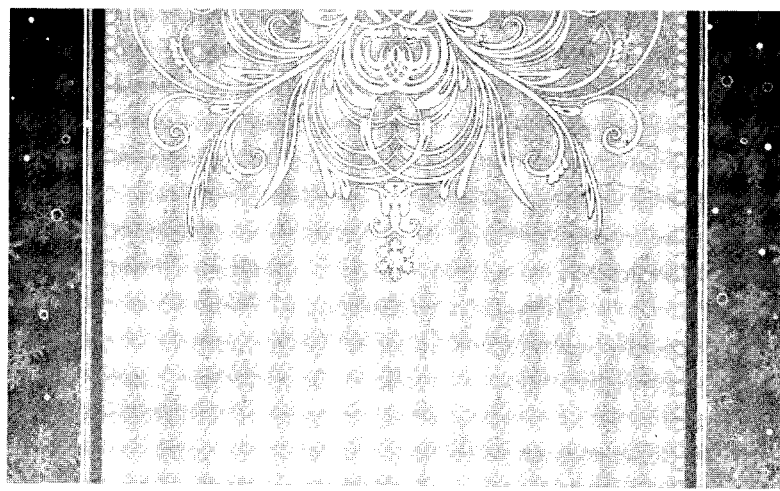
Chỉ có phàm phu mới chấp có được (đắc), có mất (thất), có chúng sanh, có Phật, có Bồ đề.

Do thế tục pháp nên nói có Bồ tát, có hết thấy các sắc pháp. Trái lại, ở nơi Bồ đề thì chẳng có một định pháp nào cả, chẳng có Phật, chẳng có Bồ tát, chẳng có chúng sanh, cũng chẳng có Bồ đề vậy.

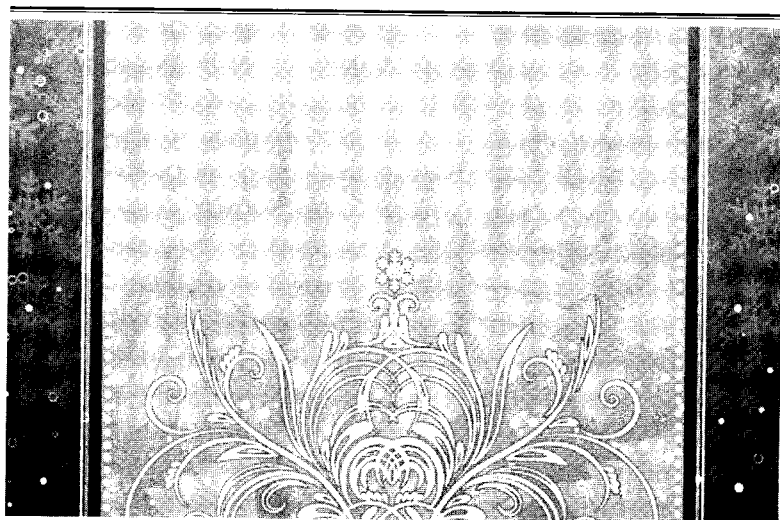
Bồ tát quán pháp Bồ đề chẳng có tăng giảm. Vì sao? Vì các pháp tánh là thường như vậy. Bồ tát chẳng đắc pháp tánh, huống nữa là đắc sơ địa... dẫn đến thập địa, đắc 6 pháp Ba-la-mật, đắc 37 Phẩm Trợ Đạo... dẫn đến đắc 18 bất cộng pháp.

Nếu nói có chỗ sở đắc, thì đó là hý luận. Vì sao? Vì ngay từ căn bản, pháp tánh là bất khả đắc vậy. Bởi vậy nên Bồ tát hành các pháp tánh, được thật trí huệ, thường làm lợi ích cho chúng sanh.

(Hết quyển 90)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 91



Phẩm Thứ Tám Mười Mốt



Cụ Túc
(Đầy Đủ)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí... dẫn đến 18 bất cộng pháp, mà chẳng được đầy đủ Bồ tát đạo, thì chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy phải như thế nào mới đầy đủ Bồ tát đạo, để có thể được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát dùng các lực phương tiện hành bố thí, mà chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có người thọ, chẳng thấy có tài vật thí, nhưng lại cũng chẳng xa rời các pháp ấy. Như vậy là thấy rõ Bồ tát đạo.

Này Tu Bồ Đề! Do dùng phương tiện lực như vậy nên Bồ tát được đầy đủ Bồ tát đạo... dẫn đến có thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Hành trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ... dẫn đến hành 18 bất cộng pháp cũng là như vậy.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật như thế nào?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Khi hành Bát nhã Ba-la-

mật, Bồ tát dùng các lực phương tiện, nên chẳng hoại sắc, mà cũng chẳng tùy sắc.

Vì sao? Ví sắc là tánh không, nên chẳng hoại, chẳng tùy. Dẫn đến thọ, tướng, hành, thức cũng đều là như vậy.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp chẳng có tự tánh để hoại, để tùy, thì Bồ tát thường tu tập Bát nhã Ba-la-mật như thế nào, và y cứ vào chỗ nào để học Bát nhã Ba-la-mật? Nếu Bồ tát chẳng học Bát nhã Ba-la-mật, thì vì sao lại chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Như chỗ ông nói, nếu Bồ tát chẳng học Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Phải chẳng rời các lực phương tiện mới có thể được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Này Xá Lợi Phất! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, nếu Bồ tát thấy có một pháp khả đắc, thì mới nên thủ. Nếu chẳng thấy có pháp khả đắc, thì có chỗ đâu để mà thủ? Bất khả đắc (chẳng thể đắc), vô sở thủ (chẳng chỗ thủ) là tướng của Bát nhã Ba-la-mật. 5 Ba-la-mật kia, 5 ấm... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng đều là tướng bất khả đắc, vô sở thủ.

Này Xá Lợi Phất! Bất khả thủ (chẳng thể thủ), là tướng của Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát Ma ha tát phải như vậy mà học. Ở nơi chỗ học, ở nơi tướng học còn bất khả đắc (chẳng thể đắc), huống nữa là ở nơi Bát nhã Ba-la-mật và ở nơi các pháp. Vì sao?

Này Xá Lợi Phất! Ở nơi hết thấy pháp chẳng có pháp nào có tánh cả. Nếu các pháp đều là vô tánh (chẳng có tánh) thì làm sao có phàm phu, có pháp Thanh Văn, có pháp Bích Chi Phật, có pháp Bồ tát, có pháp Phật được?

Nếu chẳng có các Hiền Thánh, thì làm sao phân biệt có pháp phàm phu, pháp Thanh Văn, pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ tát và pháp Phật?

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp là vô tánh (chẳng có tánh), là chẳng thật có, là chẳng có căn bản, thì làm sao biết là phàm phu... dẫn đến là Phật?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Phàm phu chấp sắc v.v... là có tánh. Chỗ chấp thủ của phàm phu có thật chẳng?

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thật vậy. Chỉ do tâm chấp điên đảo vậy thôi.

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bồ tát dùng lực phương tiện khi hành Bát nhã Ba-la-mật, thấy các pháp đều là vô tánh (chẳng có tánh), vô căn bản (chẳng có căn bản) mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao thấy các pháp vô tánh, vô căn bản mà Bồ tát phát tâm Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy các pháp căn bản. Nếu trú trong đó sẽ thoái chuyển, sẽ sanh tâm giải đãi.

Này Xá Lợi Phất! Vì từ căn bản, các pháp thật sự là vô ngã (chẳng có ngã), là vô sở hữu tánh (chẳng có tánh sở hữu), là thường không. Chỉ do ngu si, điên đảo mà chúng sanh chấp có ấm, giới, nhập vậy thôi. Bồ tát thấy rõ các pháp chẳng có tánh sở hữu, là thường không nên vào được nơi tự tánh không. Bồ tát tự ví mình như nhà huyền thuật, vì chúng sanh thuyết pháp. Bồ tát gặp người xan tham thì dạy họ tu bố thí; gặp người phá giới thì dạy

họ tu trì giới; gặp người sân thì dạy họ tu nhẫn nhục; gặp người giải đãi thì dạy họ tu tinh tấn; gặp người loạn động thì dạy họ tu thiền định; gặp người ngu si thì dạy họ tu trí huệ. Bồ tát khiến họ an trú thọ các pháp ấy, rồi sau đó mới vì họ thuyết các thánh pháp, dẫn dắt họ thoát khỏi các khổ; dạy họ tu các quả Thanh Văn, tu đạo Bích Chi Phật... dẫn đến tu Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát biết rõ chúng sanh là vô sở hữu, mà vẫn dạy họ tu 6 pháp Ba-la-mật, rồi lại vì họ thuyết các thánh pháp, nhằm dẫn dắt họ thoát khỏi khổ; dạy họ tu các pháp đó để được quả Thanh Văn... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Phật dạy: Này Xá Lợi Phát! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng có lỗi “hữu sở đắc”. Vì sao? Vì khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng đắc (bất đắc) chúng sanh. Bồ tát chỉ tương tục thấy pháp “không” mà gọi đó là chúng sanh.

Này Xá Lợi Phát! Bồ tát trú trong 2 đế, vì chúng sanh thuyết pháp. Đó là thế tục đế và đệ nhất nghĩa đế.

Này Xá Lợi Phát! Ở trong 2 đế, mặc dù chúng sanh bất khả đắc, mà Bồ tát vẫn dùng các lực phương tiện, vì chúng sanh thuyết pháp. Chúng sanh do nghe pháp mà đời nay được tâm chấp ngã bất khả đắc.

Như vậy, này Xá Lợi Phát! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng các lực phương tiện, vì chúng sanh thuyết pháp.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đại Bồ tát dùng tâm quảng đại, chẳng thấy có pháp bất khả đắc, hoặc nhất tướng, hoặc dị tướng, hoặc biệt tướng mà tự đại trang nghiêm.

Do tự đại trang nghiêm như vậy, nên chẳng sanh cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc.

Bồ tát chẳng thấy có pháp hữu vi hay vô vi, nên ở trong 3 cõi độ thoát chúng sanh mà vẫn bất khả đắc chúng sanh. Vì sao? Vì biết chúng sanh chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng trói (vô phược) chẳng mở (vô giải), nên chẳng phân biệt có 5 đạo chúng sanh. Vì chẳng phân biệt có 5 loài chúng sanh nên chẳng thấy có nghiệp, chẳng thấy có phiền não, chẳng thấy có quả báo. Vì chẳng có quả báo, nên chẳng sanh trong 3 cõi.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Xá Lợi Phất! Như chỗ ông nói. Nếu chúng sanh trước có, sau không, thì chư Phật và chư Bồ tát mới có lỗi lầm. Đối với các pháp cũng là như vậy.

Nay Xá Lợi Phất! Dù có Phật hay dù chẳng có Phật, thì các pháp tướng vẫn thường trú, chẳng thay đổi. Trong pháp tướng thì ngã, chúng sanh, thọ giả... dẫn đến tri giả, kiến giả còn chẳng có, huống nữa là có sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nếu chẳng có các pháp ấy, thì làm sao thấy chúng sanh qua lại trong 5 đường sanh tử để độ thoát họ?

Nay Xá Lợi Phất! Pháp tánh là thường không. Bồ tát theo chư Phật quá khứ nghe thuyết về pháp tướng mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Trong pháp tánh chẳng có ngã, chẳng có pháp, chẳng có chúng sanh, nhưng mỗi khi chúng sanh đã có tâm chấp, thì rất khó thoát khỏi các chấp. Do tâm chấp điên đảo, nên chúng sanh mới thấy có các pháp vậy.

Bởi vậy nên Bồ tát phát đại trang nghiêm, thường chẳng thôi tâm Vô Thượng Bồ Đề; chẳng nghĩ rằng mình sẽ chẳng được Vô Thượng Bồ Đề; tin chắc mình sẽ được

Vô Thượng Bồ Đề, và khi đã được Vô Thượng Bồ Đề rồi sẽ dùng thật pháp làm lợi ích chúng sanh, khiến họ thoát khỏi điên đảo.

Này Xá Lợi Phất! Ví như nhà huyền thuật huyền hóa ra trăm ngàn vạn ức người, và cho họ ăn uống đầy đủ. Những người hóa này đều hoan hỷ nói rằng, “Chúng ta được phước lớn; chúng ta được phước lớn!”.

Ý ông nghĩ sao? Trong huyền cảnh đó có người được ăn uống đầy đủ chăng?

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng có được như vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Xá Lợi Phất! Bồ tát từ sơ phát tâm cho đến nay hành 6 pháp Ba-la-mật, 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định... dẫn đến 18 bất cộng pháp, nên được đầy đủ Bồ tát đạo, thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, mà chẳng có chúng sanh được độ.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hành Bồ tát đạo như thế nào mà có thể thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, từ sơ phát tâm cho đến nay hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến 18 bất cộng pháp là thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát hành bố thí mà thành tựu chúng sanh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát hành bố thí, tự mình hành bố thí, dạy người khác hành bố thí, nói với họ rằng, “Các người chớ nên chấp bố thí. Nếu chấp bố thí thì sẽ phải thọ thân trong nhiều đời, phải thọ nhận nhiều sự khổ. Trong pháp tướng chẳng có chỗ thí, chẳng

có người thí, chẳng có người thọ, vì cả 3 pháp ấy đều là tánh không. Pháp tánh đã là không thì chẳng thể chấp tướng. Tướng chẳng thể chấp đó cũng là tánh không vậy.

Này Tu Bồ Đề! Khi hành bố thí Ba-la-mật, Bồ tát bố thí cho chúng sanh mà chẳng đắc người thí, chẳng đắc người thọ, chẳng đắc tài vật thí. Vì sao? Vì “vô sở đắc bố thí” mới là bố thí Ba-la-mật. Vì Bồ tát chẳng đắc 3 pháp ấy, nên thường dạy chúng sanh được các quả Thanh Văn, được đạo Bích Chi Phật... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy là Bồ tát hành bố thí Ba-la-mật, nhằm thành tựu chúng sanh. Bồ tát tự mình hành bố thí, dạy người khác hành bố thí, tán thán pháp bố thí, và hoan hỷ tán thán người hành bố thí. Bồ tát nào bố thí được như vậy sẽ được sanh vào các đại gia, đại tộc, hoặc sẽ làm được tiểu vương. Kế đó, Bồ tát lại dùng bốn nhiếp pháp gồm bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự để nhiếp thủ chúng sanh; lần lần đưa họ trú vào trong 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 3 giải thoát môn “không, vô tướng, vô tác”, khiến họ được vào chánh vị, được các quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát lại nói với chúng sanh rằng, “Chẳng có một định pháp nào gọi là chúng sanh. Chỉ do điên đảo mà chấp có chúng sanh vậy thôi. Nếu các người muốn tự mình ly sanh tử, thì phải phát tâm làm lợi ích cho mình và làm lợi ích cho người”.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải như vậy mà hành bố thí Ba-la-mật. Do hành bố thí như vậy, nên từ sơ phát tâm cho đến nay Bồ tát trọn chẳng bị đọa vào 3 đường ác, thường sanh vào các đại gia, đại tộc, thường làm chuyển luân thánh vương. Vì sao? Vì theo chỗ đã gieo trồng nhân lành mà nay được quả báo lớn như vậy”.

Ở ngôi vị chuyển luân thánh vương, nếu thấy người đến ăn xin, Bồ tát liền tự nghĩ rằng, “Chỉ vì lợi ích chúng sanh mà ta thọ thân chuyển luân thánh vương”. Nghĩ như vậy rồi, Bồ tát nói với người đến ăn xin rằng, “Người cần vật dụng gì hãy cứ nói với ta; ta chẳng tiếc gì đối với người đâu. Ta vì lợi ích chúng sanh mà thọ tử, vì thương xót chúng sanh mà đầy đủ lòng đại bi. Người đừng có sợ làm phiền ta”.

Như vậy là Bồ tát có đầy đủ lòng đại bi, làm đầy đủ các việc lợi ích cho chúng sanh, mà chẳng thấy có tướng chúng sanh.

Chúng sanh là tự tướng không, chỉ giả danh gọi là chúng sanh, quyết định chẳng thật có, nên tướng của chúng sanh là chẳng có thể nói ra được (bất khả thuyết) vậy.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành bố thí Ba-la-mật như vậy, nên đối với chúng sanh Bồ tát chẳng có luyến tiếc bất cứ vật sở hữu gì cả; thân mạng còn chẳng tiếc, huống nữa là các ngoại vật sở hữu.

Pháp như vậy là pháp giải thoát, nên Bồ tát vượt ra khỏi sanh tử, được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến được đầy đủ 18 bất cộng pháp; lại cũng dạy đầy đủ như vậy cho chúng sanh; khiến họ cũng vượt ra khỏi sanh tử, được giải thoát.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật rồi, lại dạy chúng sanh tu trì giới, nói với họ rằng, “Các người chớ nên phá giới. Ta sẽ cung cấp cho các người tất cả các vật dụng cần thiết cho đời sống hàng ngày của các người, từ thức ăn uống, áo quần v.v..., chẳng để cho các người thiếu hụt. Các người hãy an trú trong giới luật nghi, lần lần sẽ được hết khổ vào được trong 3 thứ đạo là Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo và Phật đạo, rồi sẽ được giải thoát”.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật, thấy chúng sanh sân nhuế, liền nói với họ rằng, “Các người chớ nên sân nhuế. Ta sẽ cung cấp cho các người đầy đủ, thiếu gì ta sẽ cho, chẳng để cho các người thiếu hụt nhưng các người phải nên nhẫn nhục. Chẳng có pháp nào là bền chắc cả; nhân duyên sân hận của các người vốn là không, chẳng có bền chắc, chỉ do hư vọng, ức tưởng sanh ra, nhưng thật chẳng có căn bản. Do sân nhuế mà các người khởi ác tâm, miệng mắng nhiếc, tay cầm côn, cầm đao đâm chém người... dẫn đến làm hại mạng người. Các người chớ nên vì các pháp hư vọng mà khởi sân hận dẫn đến phải bị đọa vào chốn địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, quanh quẩn trong 3 đường ác chịu vô lượng khổ đau. Các người chớ nên vì các việc chẳng thật mà tạo nên bao nhiêu nghiệp tội. Với các nghiệp tội như vậy, thì chuyển thân làm người còn chẳng được, huống nữa là sẽ được biết Phật, được nghe pháp. Hỡi các người! Thân người khó được, pháp Phật khó gặp. Các người chớ nên bỏ mất dịp tốt hiện nay; về sau thật khó có thể cứu được.

Bồ tát giáo hóa chúng sanh như vậy, tự mình hành nhẫn nhục, dạy người khác hành nhẫn nhục, tán thán pháp nhẫn nhục, và hoan hỷ tán thán người hành nhẫn nhục. Bồ tát đưa chúng sanh an trú trong nhẫn nhục, lần lần vào được 3 thừa đạo mà được hết các khổ.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật, dạy chúng sanh an trú trong nhẫn nhục.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật, mà khiến chúng sanh tinh tấn?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát hành bố thí, thấy

chúng sanh giải đãi liền nói với họ rằng. “Vì sao các người lại giải đãi. Các người nên tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục. Do nhân duyên ấy mà được thân tâm tinh tấn, tu đầy đủ các thánh pháp vô lậu, sẽ được các quả Thanh Văn và Bích Chi Phật... dẫn đến sẽ vào được Phật đạo.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật, dạy chúng sanh an trú trong tinh tấn; dùng tinh tấn để nhiếp thủ chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật, giáo hóa chúng sanh, khiến họ tu thiền định?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát hành bố thí, thấy chúng sanh loạn tâm liền dạy họ tu thiền định, khiến tâm họ chẳng tùy theo các loạn tướng. Do nhân duyên ấy mà chúng sanh đoạn được các giác quán, vào sơ thiền... dẫn đến vào đệ tứ thiền, hành 4 vô lượng tâm. Do được 4 thiền, 4 vô lượng tâm, mà chúng sanh có thể tu 4 niệm xứ... dẫn đến thánh đạo, lần lần vào được 3 thừa giáo... dẫn đến vào được Niết Bàn.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật, dùng Thiền Ba-la-mật để nhiếp thủ chúng sanh, khiến họ tu các thiền định.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật, dùng Bát nhã Ba-la-mật Ba-la-mật để nhiếp thủ chúng sanh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát hành bố thí Ba-la-mật, thấy chúng sanh ngu si, chẳng có trí huệ, liền nói với họ rằng, “Vì sao các người chẳng có trí huệ? Các người hãy tu đầy đủ bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền

định, ắt các người sẽ được trí huệ. Nếu các người cần gì ta sẽ sẵn sàng bố thí cho. Các người hãy tư duy xem trong Bát nhã Ba-la-mật có pháp gì khả đắc chẳng? Ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả... dẫn đến tri giả, kiến giả có khả đắc chẳng? Âm, giới, nhập, cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc, 6 pháp Ba-la-mật, 37 Phẩm Trợ Đạo, quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề có khả đắc chẳng? Sau khi đã tư duy như vậy, các người sẽ thấy trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có pháp nào khả đắc (có thể được), khả chấp (có thể chấp) cả, vì hết thấy các pháp đều chẳng có sanh diệt, chẳng có cấu tịnh vậy. Bởi vậy nên chẳng có phân biệt các cõi, các loài; chẳng có phân biệt trì giới và phá giới, chẳng có phân biệt quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật hay quả Phật vậy. Các người nên biết tánh không là tánh của Bát nhã Ba-la-mật”.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật, dùng Bát nhã Ba-la-mật để nhiếp thủ chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật, dùng bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, Bát Nhã... dẫn đến dùng 37 Phẩm Trợ Đạo để nhiếp thủ chúng sanh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật, đem các vật dụng cấp dưỡng làm lợi ích cho chúng sanh. Rồi lại dạy họ hành các thiện pháp, lần lần dẫn họ ra khỏi sanh tử, được giải thoát.

Bồ tát lại đem các thánh pháp vô lậu dạy cho chúng sanh, bố thí cho chúng sanh đầy đủ các vật dụng cần thiết để nhiếp thủ chúng sanh, và nói với họ rằng, “Các vật

sở hữu của các người cũng như của ta đều là vô thường, chẳng đáng quý. Các người chỉ nên quý các thánh pháp vô lậu mà thôi”.

Bồ tát dạy chúng sanh tu 6 pháp Ba-la-mật, 37 Phẩm Trợ Đạo... dẫn đến 18 bất cộng pháp; cũng khiến chúng sanh được các quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong bố thí Ba-la-mật, giáo hóa chúng sanh khiến họ xa rời 3 đường ác và các khổ sanh tử.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát an trú trong trì giới Ba-la-mật, dạy chúng sanh tu 10 thiện đạo, khuyên họ trì các giới đã thọ, chẳng để khuyết giới, chẳng để tạp nhiễm, mà cũng chẳng chấp giới, khiến họ lần lần vào được 3 thừa đạo, thoát ra khỏi các khổ.

Như vậy là Bồ tát an trú trong trì giới Ba-la-mật, lấy trì giới làm đầu để dạy chúng sanh tu trì giới.

4 pháp Ba-la-mật kia cũng là như vậy.

LUẬN:

Hỏi: Trước đây đã nói Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật và các pháp trợ đạo v.v... mà chưa đầy đủ Bồ tát đạo, thì chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy ngài Tu Bồ Đề phải tự biết rằng Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật phải đầy đủ Bồ tát đạo mới được Vô Thượng Bồ Đề. Nay vì sao ngài còn hỏi nữa?

Đáp: Ngài Tu Bồ Đề tự mình chẳng còn nghi, nhưng vì lợi ích chúng hội mà ngài hỏi Phật: Phải như thế nào mới gọi là đầy đủ Bồ tát đạo, để có thể được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Khi hành 6 pháp Ba-la-mật, Bồ tát phải dùng

lực phương tiện hòa hợp cùng các pháp mà hành trì, thì mới được đầy đủ Bồ tát đạo. Ví như khi hành bố thí quyết định chẳng thấy có người thí, người thọ và tài vật thí, mà cũng chẳng ly 3 pháp ấy. Như vậy là dùng trí huệ chiếu minh, nên được đầy đủ Bồ tát đạo.

Nếu khi bố thí mà Bồ tát quyết định thấy có 3 pháp ấy, thì sẽ bị đọa về chấp thường điên đảo, vì có chấp pháp tướng là có lầm lỗi.

Nếu khi bố thí mà Bồ tát chẳng chấp 3 pháp ấy, thì sẽ đọa về chấp đoạn diệt, về chấp “không”. Ở cả 2 trường hợp này đều có khởi tà kiến, phiền não, nên đều ly Bồ tát đạo.

Nếu biết rõ hết thấy pháp đều là hư dối, là giả danh, là chẳng thật có, thì vào được nơi thật tướng của các pháp, ly được cả 2 chấp CÓ và KHÔNG. Bồ tát ở nơi thật tướng pháp, chẳng thấy có người thí, người thọ và tài vật thí, mà cũng chẳng ly 3 pháp ấy. Bồ thí được như vậy là được đầy đủ Bồ tát đạo.

Hành 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến hành 18 bất cộng pháp cũng phải như vậy mới đầy đủ Bồ tát đạo.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phất ngồi trong chúng hội, nghe Phật và ngài Tu Bồ Đề hỏi đáp như trên, bèn hỏi Phật rằng: Lợi ích của Bát nhã Ba-la-mật rất lớn, quả báo của Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm. Thế nhưng, nếu Bát nhã Ba-la-mật quyết định chẳng có định tánh, thì làm sao có thể tu tập Bát nhã Ba-la-mật được?

Phật dạy: Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng hoại sắc, cũng chẳng tùy sắc, thì như vậy là tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Từ sơ phát tâm, Bồ tát biết rõ thật tướng pháp, nên thường hành Bát nhã Ba-la-mật, thứ lớp hành bồ thí cùng các Ba-la-mật khác; biết rõ sắc chẳng hoại không; biết rõ sắc là không, là vô sở hữu. Như vậy gọi là chẳng hoại sắc.

Còn chẳng tùy sắc là chẳng thủ sắc tướng. Khi mắt thấy sắc, chẳng chấp đắm sắc, cũng chẳng nói sắc là thường hay vô thường, sắc là khổ hay là lạc v.v... Như vậy là chẳng tùy sắc. Vì sao? Vì thấy sắc là thường hay là phi thường (chẳng phải thường) đều chẳng thấy được thật tướng của sắc vậy.

Lại chẳng nói sắc là có căn bản, chẳng nói sắc từ vi trần mà thành, chẳng nói sắc từ Đại Tự Tại Thiên sanh, cũng chẳng nói sắc chẳng có nhân (vô nhân), chẳng có duyên (vô duyên) sanh. Như vậy gọi là chẳng hoại sắc, chẳng tùy sắc.

Ở đây, Phật nói lên nhân duyên sắc là tánh không, nên chẳng hoại chẳng tùy vậy.

Sắc theo 4 đại hòa hợp mà giả danh có, nhưng thật ra chẳng có một pháp nào nhất định gọi là “sắc” cả.

Như trước đây đã nói sắc do các nhân duyên hòa hợp sanh, nên là vô tánh (chẳng có tánh); mà vô tánh tức là tánh không vậy. Cho nên nếu biết được sắc tướng là tánh không, thì như vậy là tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng là như vậy.

Ngài Xá Lợi Phát hỏi: Nếu hết thấy pháp đều chẳng có tự tánh có thể hoại thì Bồ tát làm sao tu tập Bát nhã Ba-la-mật? Nếu chẳng tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì làm sao được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Bồ tát dùng các lực phương tiện hành 6 pháp Ba-la-mật, là biết rõ các pháp “không” mà thường khởi Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát cầu hết thấy pháp. Nếu các pháp thật

sự có định tánh, thì mới có thể thủ, có thể chấp. Nay Bồ tát cầu hết thấy pháp, mà biết rõ hết thấy pháp, từ 6 Ba-la-mật... dẫn đến 18 bất cộng pháp đều bất khả đắc. Do các pháp đều bất khả đắc, nên chẳng có gì thủ, chẳng có gì chấp nữa vậy.

Bồ tát chẳng thủ Bát nhã Ba-la-mật, nhưng còn phải biết “vô thủ Bát nhã Ba-la-mật” cũng là bất khả đắc, chẳng nên chấp.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Nếu các pháp đều là vô tánh, thì làm sao phân biệt có Phật, có phàm phu?

Phật dạy: Từ căn bản, hết thấy pháp đều chẳng có định tướng. Chỉ vì phàm phu ngu muội chấp, nên mới phân biệt có các tướng sai khác. Bồ tát dùng lực phương tiện hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy các pháp có căn bản, mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát thật hành các pháp tánh không, nên chẳng thấy các pháp có căn bản. Do chẳng thấy các pháp có căn bản, nên chẳng giải đãi, chẳng thối tâm.

Bồ tát thấy rõ các pháp đều là vô ngã, đều là tánh vô sở hữu, là tánh thường không; còn chúng sanh thì điên đảo chấp có 5 ấm, giới, nhập v.v... Bồ tát thâm niệm về thật tướng tịch diệt của các pháp, mà chúng sanh ngu muội lại khởi các chấp điên đảo, hư dối. Bởi vậy nên Bồ tát tự ví mình như nhà huyền thuật, dùng thần thông biến hóa, để rồi vì chúng sanh thuyết pháp. Bồ tát xem tất cả các sự việc đều là như huyễn, nên chẳng sanh tâm thương ghét, dùng tâm bình đẳng đối với hết thấy chúng sanh, mà thuyết pháp vậy. Thấy người xan tham, Bồ tát dạy họ tu bố thí; thấy người sân nhuế, dạy họ tu trì giới v.v... Bồ tát vì chúng sanh mà chuyển pháp luân, dẫn dắt chúng sanh ra khỏi các nẻo đường sanh tử, dạy họ tu tập để được các quả Thanh Văn, Bích Chi Phật... dẫn đến được quả Vô Thượng Bồ Đề.

Hỏi: Ngoài 6 pháp Ba-la-mật ra, Bồ tát còn dùng những pháp gì để giáo hóa chúng sanh?

Đáp: Ngoài 6 pháp Ba-la-mật, Bồ tát còn dùng 4 thánh đế, dùng 37 Phẩm Trợ Đạo... dẫn đến dùng 18 bất cộng pháp để giáo hóa chúng sanh.

Đối với người thượng căn, thượng trí, Bồ tát thường dạy họ tu 6 pháp Ba-la-mật. Đối với người trung căn hay hạ căn, Bồ tát thường chỉ dạy họ tu bồ thí, tu trì giới để được quả báo sanh lên cõi trời hưởng phước lạc. Nhưng rồi lại dạy cho họ biết rằng 5 dục dẫn đến vui ít, khổ nhiều; rằng thọ thân ở thế gian là phải thọ các khổ già và chết. Bồ tát lại tán thán 4 thánh đế, nói với họ rằng do tu các pháp mà đoạn được các ái chấp thế gian... dẫn đến vượt ra khỏi ngục tù 3 cõi. Bồ tát tùy theo căn cơ chúng sanh nói 4 thánh đế như vậy, khiến họ được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí. Ở nơi đây tuy chẳng nói đến 6 pháp Ba-la-mật, mà đã có nhiếp các pháp Ba-la-mật bên trong rồi vậy.

Nói tóm lại, vì người cầu Phật đạo, Bồ tát mới nói 6 pháp Ba-la-mật, còn đối với hạng người căn cơ còn thấp kém, ưa thủ pháp Tiểu thừa, thì chẳng nên nói 6 pháp Ba-la-mật, mà chỉ nên nói bồ thí, trì giới sẽ được thọ báo sanh lên cõi trời.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Trước nói Bồ tát rất ráo chẳng đắc các pháp. Nay vì sao nói vì “vô sở hữu chúng sanh” mà Bồ tát dạy cho chúng sanh được “vô sở hữu pháp”, được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí? Như vậy sự việc Bồ tát được vô sở hữu pháp khiến chúng sanh được vô sở hữu pháp là “hữu sở đắc” hay là “vô sở đắc”?

Phật dạy: Vì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có pháp và chúng sanh, biết rõ các nhân duyên hòa hợp mà có pháp, có chúng sanh nên chẳng có lỗi “hữu sở đắc”. Bồ tát

trú trong 2 đế, vì chúng sanh nói pháp. Đối với người chấp “hữu” thì nói “vô” để phá chấp “hữu”; đối với người chấp “vô” thì nói “hữu” để phá “vô”; nhưng sau đó lại dạy họ chẳng nên nhiễm chấp cả 2 bên “hữu và vô” đó.

Vì chúng sanh mê muội chấp có “ngã thân” hiện tại, nên Bồ tát dùng phương tiện lược vì họ thuyết pháp. Chúng sanh do nghe pháp mà biết rõ “ngã thân” là bất khả đắc. Bồ tát lại dạy chúng sanh biết rõ chẳng có pháp nào khả đắc, dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng như vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hoan hỷ thưa: Bồ tát dùng tâm quảng đại, tự nói lên các pháp nhân duyên chẳng có pháp nào khả đắc cả. Người buôn bán ở giữa chợ ắt phải có giao dịch. Thế nhưng, người có đại tâm chẳng phải như vậy; chẳng có chỗ y chỉ mà thường phát đại trang nghiêm. Vì thường phát đại trang nghiêm, nên Bồ tát chẳng sanh vào 3 cõi, mà còn dẫn dắt chúng sanh ra khỏi 3 cõi. Bồ tát biết rõ chúng sanh và pháp đều bất khả đắc, nên ở nơi hết thảy pháp đều chẳng phục (chẳng trói), chẳng giải (chẳng mở). Bồ tát biết rõ các pháp vốn là không, mà chẳng sanh do đã lâu đời bị phiền não che tâm chẳng có hay biết như vậy. Nếu biết rõ các phiền não là hư vọng, chẳng thật có, thì chẳng còn thấy trói buộc, có giải thoát nữa.

Theo thế tục thì nói khi cấu tâm được giải thì tâm trở lại thanh tịnh, nhưng thật ra tâm vốn chẳng có cấu tịnh. Vì tâm vốn là vô cấu, vô tịnh, nên chẳng có phân biệt các đạo chúng sanh, chẳng có phân biệt tội phước nghiệp báo. Do có thường khởi nghiệp tội, và nghiệp phước mới thành các nghiệp quả báo. Bồ tát biết các nghiệp tội, nghiệp phước đều không, nên chẳng còn có điên đảo. Như vậy, Bồ tát trú trong các pháp “không” mà đại trang nghiêm. Thật là rất hy hữu, ví như trồng cây giữa hư không, mà thân, cành, lá, hoa, quả đều làm lợi ích cho chúng sanh.

Phật dạy: Đúng như vậy.

Theo trên đây, ngài Xá Lợi Phất đã dùng “không” để nạn hỏi Phật, nên Phật cũng dùng “không” để đáp lại.

Phật dạy tiếp: Nếu chúng sanh trước có, sau không, thì chư Phật, chư đại Bồ tát mới có lầm lỗi. Nếu nói đưa chúng sanh vào Vô Dư Niết Bàn, vào nơi không, nơi vô sở hữu là đoạn diệt chúng sanh cùng hết thảy pháp, thì như vậy mới là lầm lỗi. Chúng sanh cùng hết thảy pháp từ trước đến nay vẫn là “không”, dù có Phật hay dù chẳng có Phật cũng vẫn thường trú, chẳng thay đổi. Như vậy ở nơi thật tướng pháp, thì chẳng phân biệt có các đạo chúng sanh, cũng chẳng có chúng sanh thoát ra khỏi sanh tử. Vì sao? Vì các pháp vốn là không, mà do nghiệp của chúng sanh mà thành có vậy.

Bồ tát nghe chư Phật thuyết về pháp tướng mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề tự nghĩ rằng, “Chẳng có pháp nào là có định tướng, là thật có. Dẫn đến Bồ đề cũng chẳng phải là pháp khả đắc. Chỉ vì ngu muội điên đảo mà chúng sanh hư vọng chấp có các pháp vậy thôi”.

Bồ tát phát đại trang nghiêm, thệ nguyện rằng, “Ta quyết định sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng phải chẳng được vậy. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề rồi, ta sẽ dùng thật pháp khai thị rõ ràng cho chúng sanh, đưa họ ra khỏi các chấp điên đảo, khiến họ được lợi ích.

-o0o-

Trong kinh có nêu thí dụ về nhà huyễn thuật hóa tác ra các vườn, rừng, lầu, quán v.v..., lại hóa tác ra các voi, ngựa, các người nam, nữ v.v...

Trên đây, nhà huyền thuật hóa tác ra các vườn, rừng, lầu, quán v.v... dụ cho Bồ tát dùng 6 pháp Ba-la-mật để độ thoát chúng sanh; lại hóa tác ra các voi, ngựa, các người nam, nữ v.v... dụ cho Bồ tát độ chúng sanh, mà chúng sanh là như huyền.

Nhà huyền thuật hóa tác ra các cảnh vật như trên chỉ nhằm làm vui lòng khán thính giả. Thế nhưng, nếu chấp các huyền sự, huyền cảnh đó là thật, rồi mong tâm cầu ơn huệ nơi nhà huyền thuật, thì đó là cuồng si vậy.

Cũng như vậy, Bồ tát theo chư Phật nghe pháp, biết rõ các pháp đều là tánh không, là như huyền nên mới dùng pháp bố thí như huyền để làm lợi ích cho chúng sanh như huyền. Nếu ở nơi như huyền mà còn cầu ơn huệ, cầu phước đức, thì cũng tức là điên đảo vậy.

Hỏi: *Huyền pháp là do chú thuật mà được thành tựu. Các cảnh vật, các sự việc do nhà huyền thuật hóa tác ra là hư dối, chẳng thật có. Còn Bồ tát chẳng hóa tác ra được chúng sanh. Như vậy vì sao lại ví Bồ tát với nhà huyền thuật?*

Đáp: Ở nơi thật tướng thì chúng sanh cùng hết thảy pháp đều là không. Chúng sanh do các nghiệp như huyền tạo thành, nên cũng là như huyền. Chúng sanh đã là như huyền, thì Bồ tát cũng như nhà huyền thuật cũng là như huyền vậy. Bởi vậy nên mới dùng nhà huyền thuật để dụ cho Bồ tát.

Hỏi: *Trên đây Phật nêu thí dụ về nhà huyền thuật hóa tác ra các huyền cảnh, huyền vật nhằm phá chấp “hữu” của chúng sanh. Như vậy vì sao ngài Tu Bồ Đề còn hỏi nữa?*

Đáp: Mặc dù ngài Tu Bồ Đề biết rõ Bồ tát đạo là tánh không, nhưng vì trong chúng hội còn có nhiều người nghi, nên ngài mới hỏi Phật để được giải rõ hơn.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát hành đạo như thế nào mà thành tựu được chúng sanh, thanh tịnh được Phật độ?

Phật dạy: Bồ tát, từ sơ phát tâm đến nay, hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến hành 18 bất cộng pháp. Hành như vậy là thành tựu được chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Hành các pháp ấy như thế nào mà có thể thành tựu được chúng sanh?

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói, “Các pháp đều là tánh không, chúng sanh cũng là tánh không. Như vậy làm sao có thể thành tựu được chúng sanh?”.

Phật dạy: Bồ tát dùng lực phương tiện dạy chúng sanh hành bố thí, mà chẳng nên chấp bố thí là chân thật pháp.

Bồ tát dạy chúng sanh rằng, “Các người hành bố thí mà chẳng nên chấp bố thí. Như trong kinh có nói, chúng sanh hành bố thí với ước mong được giàu sang, phú quý, được hưởng phước lạc, mà chẳng biết sự hưởng phước lạc là gốc dẫn sanh kiêu mạn, phá các thiện pháp. Khi phước lạc hết rồi, lại cũng sẽ phải đọa vào 3 đường ác. Bởi vậy nên các người chớ nên chấp quả báo bố thí, mà nên hồi hướng công đức bố thí về Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì các pháp là tánh không, nên hết thấy pháp tướng đều bất khả đắc”.

Bồ tát dùng lực phương tiện giáo hóa chúng sanh, dẫn chúng sanh đến với Phật đạo. Bồ tát tự mình hành bố thí, dạy chúng sanh hành bố thí, tán thán pháp bố thí và hoan hỷ tán thán người hành bố thí. Bồ tát thâm ái các thiện pháp, nên lấy bố thí làm cửa ban đầu (sơ môn), lấy từ bi làm dẫn đạo nên thường được tâm nhu nhuyễn, mềm mại. Bồ tát lại dùng 4 nhiếp pháp để nhiếp thủ chúng sanh, lần lần đưa họ vào trong 3 thừa đạo, được Niết Bàn an lạc.

Nếu thấy có chúng sanh tu phước, Bồ tát rất hoan hỷ như người cha hoan hỷ thấy con mình khởi tâm lành vậy. Bởi vậy nên Bồ tát lại dạy họ tu trì giới, tu thiền định, dẫn họ tu đạo Thanh Văn, đạo Bích Chi Phật.

Nếu thấy có chúng sanh có tâm quảng đại, tâm từ bi, thì Bồ tát lại dùng lực phương tiện dạy họ phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, nói với họ rằng, “Ngươi nên phát tâm Bồ đề, để tự độ mình và độ người khác. Ngươi nên dùng 3 thừa giáo, tùy theo căn tánh của chúng sanh mà độ họ; khiến tự mình có lợi ích, và làm được lợi ích cho người”. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật thường được sanh vào dòng họ lớn, được làm Chuyển luân thánh vương. Bồ tát thường sanh vào cõi Dục, vì ở cõi Sắc chúng sanh tham đắm thiên vị rất khó hóa độ. Bồ tát thường sanh làm người, chẳng sanh lên các cõi trời, vì ở nơi đây chúng sanh chấp đắm dục lạc, rất khó hóa độ. Ở trong loài người, trải qua nhiều kiếp, Bồ tát dùng 4 nhiếp pháp để hóa độ chúng sanh.

Nếu thấy có chúng sanh phá giới, thì Bồ tát nói với họ rằng, “Do bị thiếu thốn mà ngươi phá giới. Có thể đời trước, do trì giới chẳng được đầy đủ mà đời nay ngươi chịu cảnh bần cùng. Có thể đời trước ngươi có trì giới đầy đủ, nhưng lại thường làm các việc ác, nên nay bị lâm vào cảnh bần cùng, dẫn đến phá giới vậy”. Bồ tát lại nói với họ rằng, “Ngươi hãy trì giới, ta sẽ cung cấp đầy đủ các vật dụng cần thiết. Do trì giới, ngươi sẽ được tự giải thoát”.

Nếu thấy chúng sanh sân giận, Bồ tát nói với họ rằng, “Ngươi chớ nên sân nhuế. Ta sẽ cung cấp cho ngươi đầy đủ, nhưng ngươi phải nên nhẫn nhục. Chẳng có pháp nào bền chắc; chớ nên ví các pháp hư vọng mà khởi sân nhuế, tạo các nghiệp tội, khiến phải bị đọa vào chốn địa ngục, ngạ quỷ, chịu vô lượng khổ đau”.

Hỏi: *Đối với người nghèo khổ mà cung cấp cho họ đầy đủ, thì họ sẽ thỏa mãn, chẳng còn sân hận. Thế nhưng, đối với hạng người chẳng có thiếu thốn, nhưng chỉ vì chẳng được xứng ý mà sanh phiền não, thì làm sao có thể dùng bố thí để nhiếp thủ họ được?*

Đáp: Đối với hạng người này, Bồ tát dùng “từ bi tam muội” để giáo hóa họ, khiến họ hết sân hận, hết phiền não. Bồ tát nói với họ rằng, “Hết thấy pháp đều là tánh không. Người chớ nên sân hận, chớ vì một niệm sân hận mà khởi trọng tội, khiến phải chịu quả báo đọa vào 3 đường ác, thọ vô lượng khổ đau. Người chớ nên vì các sự việc vô ích trong phút chốc, mà phải chịu đại khổ lâu dài”.

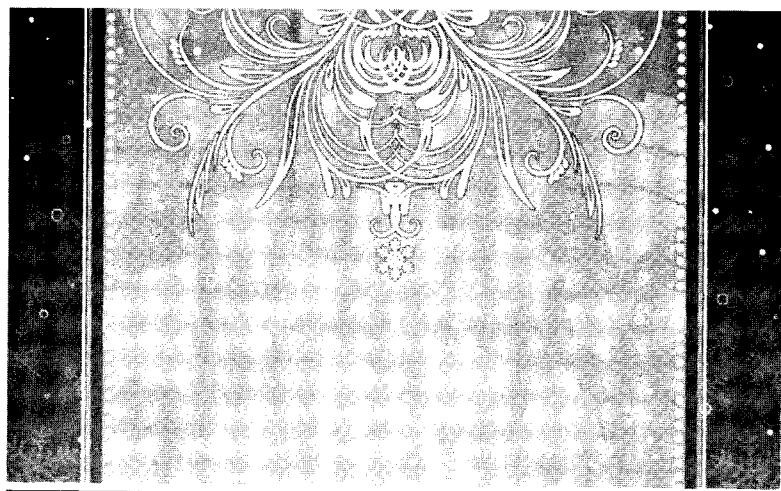
Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Ở một núi nọ có một Phật tự. Trong Phật tự có một căn phòng thường bị quỷ lui tới quấy phá, khiến chẳng ai dám ở. Một hôm có một vị khách tăng đến xin ở. Vị Duy na nói, “Phòng ấy thường bị quỷ quấy phá, ngài chẳng ở được đâu”. Vị khách tăng tự tin mình có tri giới đầy đủ, khiến quỷ chẳng dám quấy phá, nên quyết định xin vào phòng ấy ở. Lại có một vị khách tăng khác đến xin vị Duy na vào phòng ấy ở. Vị khách trước vào phòng đóng chặt cửa, ngồi im lặng, chờ đợi quỷ đến. Vị khách sau đập cửa đòi vào. Vị khách ở trong chẳng chịu mở cửa; vị khách ở ngoài dùng sức mạnh xô cửa, khiến cửa mở tung ra. Thế rồi hai bên đều tưởng mình đã gặp quỷ đến quấy phá, nên trong đánh ra, ngoài đánh vào, quyết hạ cho được quỷ. Cuộc ẩu đả quá dữ dội khiến cả hai bên đều té xuống đất, nằm bất tỉnh. Đến khi trời sáng, 2 vị tăng đều hồ thẹn. Mỗi vị tự nhận thấy mình đã sai lầm, vì đối thủ của mình đem qua chẳng phải là quỷ, mà chính là người bạn học của mình thuở trước. Cả hai vị đều cùng nhau xin tạ tội.

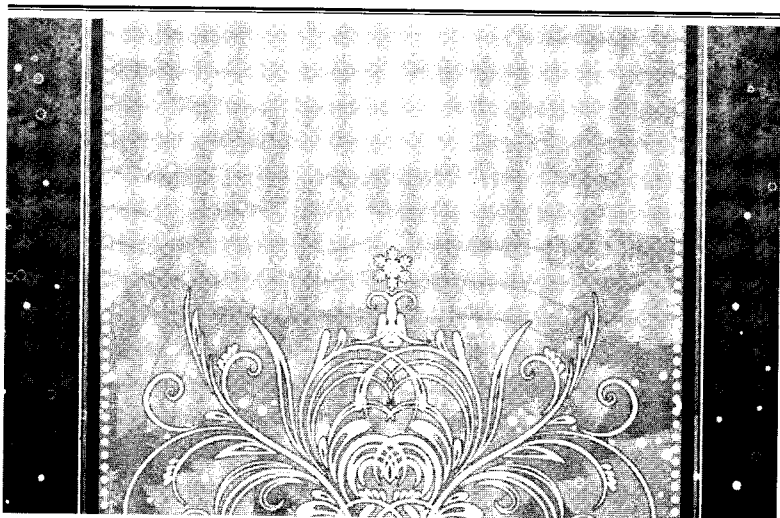
Cũng như vậy, 5 âm là không, là vô ngã, mà chúng sanh lại chấp thân 5 âm làm “ngã thân”, chấp có ngã, có ngã sở dẫn đến đấu tranh lẫn nhau. Bồ tát nói với chúng sanh rằng, “Các người ở nơi chỗ chẳng có căn bản, mà khởi đấu tranh lẫn nhau, khởi sanh ra bao nhiêu tội lỗi. Thân người khó được, pháp Phật khó gặp; chớ bỏ qua dịp may hiện nay; sau này thật khó có thể được cứu vey. Nếu phải bị đọa vào địa ngục thiêu đốt, thì làm sao có thể nghe được pháp để được giáo hóa. Nếu đọa vào hàng ngạ quỷ, súc sanh thì cũng là như vậy. Nếu sanh lên cõi trời Thọ thiên, thì do đắm chấp thiên vị nên cũng chẳng hay biết gì. Lại nữa, người sanh ở biên địa thường ngu si, nên chẳng có thể giáo hóa được; người sanh ra mà chẳng có được các căn đầy đủ, hoặc có đầy đủ các căn mà lại thâm chấp tà kiến cũng chẳng có thể giáo hóa được. Nếu các người rơi vào trong các nạn ấy, thì chẳng có thể được độ vey”.

Bồ tát nói với chúng sanh rằng, “Các người hãy lấy bố thí Ba-la-mật làm đầu; tu Ba-la-mật này sẽ dẫn sanh 5 Ba-la-mật kia. Các người chớ nên chấp quả bố thí. Khi đã vào được tánh không rồi, thì lần lần sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, vào được Vô Dư Niết Bàn.

(Hết quyền 91)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 92



Phẩm Thứ Tám Mười Hai



Tịnh Phậ Quốc Đệ
(Thanh tịnh cõi Phậ)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng: Bồ tát hành Bồ tát đạo, an trú trong đạo ấy, thường phát đại trang nghiêm.

Phậ biết rõ tâm niệm của ngài Tu Bồ Đề, nên dạy rằng: Này Tu Bồ Đề! 6 pháp Ba-la-mật là Bồ tát đạo; 37 Phẩm Trợ Đạo là Bồ tát đạo; 8 bói xá, 9 thứ đệ định là Bồ tát đạo; 10 Phậ lực... dẫn đến 18 bát cộng pháp là Bồ tát đạo; tất cả các pháp là Bồ tát đạo.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Có pháp gì mà Bồ tát chẳng học mà được Vô Thượng Bồ Đề chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phậ: Bạch Thế Tôn! Chẳng có pháp gì mà Bồ tát chẳng học. Vì sao? Vì nếu chẳng học hết thấy pháp thì chẳng có thể được Nhất thiết chủng trí.

Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp đều là không, thì vì sao nói Bồ tát học hết thấy pháp. Như vậy là ở nơi chẳng có hý luận, mà Thế Tôn làm ra có hý luận chẳng? Mà phân biệt nói đây là pháp thế gian, đây là pháp xuất thế gian, đây là pháp hữu lậu, đây là pháp vô lậu, đây là pháp hữu vi, đây là pháp vô vi, đây là pháp phàm phu, đây là pháp A-la-hán, đây là pháp Bích Chi Phậ... dẫn đến đây là pháp Phậ chẳng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp thật là không. Nếu hết thấy pháp chẳng phải là không, thì Bồ tát chẳng có thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Nay Tu Bồ Đề! Như chỗ ông nói. Nếu hết thấy pháp đều là không, thì vì sao Phật ở nơi chẳng có hý luận lại làm ra có hý luận, phân biệt đây là pháp thế gian, đây là pháp xuất thế gian... dẫn đến đây là pháp Phật?

Nay Tu Bồ Đề! Nếu ở thế gian chúng sanh biết hết thấy pháp là không, thì Bồ tát chẳng phải học hết thấy pháp để được Nhất thiết chủng trí. Nay vì chúng sanh thật chẳng biết hết thấy pháp là không, nên Bồ tát được Vô Thượng Bồ Đề rồi lại phải phân biệt các pháp để giảng nói cho chúng sanh.

Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát đạo là như vậy. Từ trước đến nay, Bồ tát phải tư duy rằng hết thấy pháp đều là bất khả đắc, đều chẳng có định tánh, chỉ do các duyên hòa hợp mà có, nên chỉ là danh tự.

Bồ tát tự nghĩ rằng, “Ta phải tư duy các pháp đều chẳng có thật tánh, đều chẳng có chỗ chấp trước (vô sở trước), dù đó là 6 pháp Ba-la-mật, là 37 Phẩm Trợ Đạo, là quả Thanh Văn, là đạo Bích Chi Phật... dẫn đến là Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tánh không, mà không thì chẳng có chấp không, trong không thì không cũng là bất khả đắc, huống nữa là trong không mà có chỗ chấp trước”.

Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát tư duy như vậy, nên chẳng còn chấp trước hết thấy pháp, mà học hết thấy pháp. Bồ tát an trú trong chỗ học đó, quán tâm hành của chúng sanh, biết rõ chỗ hành của tâm chúng sanh, biết rõ chỗ hành

của tâm chúng sanh là hư dối, chẳng thật, Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, dùng lực phương tiện giáo hóa chúng sanh, nói với họ rằng, “Các người hành bố thí sẽ được giàu có, được nhiều của cải; nhưng các người chớ nên chấp quả bố thí. Vì sao? Vì các pháp đã là không, thì quả bố thí cũng chẳng thật, chẳng có kiên cố. Hành trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ cũng là như vậy. Chúng sanh hành các pháp như vậy sẽ được các quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề, nhưng chớ nên chấp trước các pháp ấy”.

Giáo hóa chúng sanh như vậy là hành Bồ tát đạo. Vì sao? Vì các pháp chẳng có chỗ chấp trước, là tánh không vậy.

Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bồ tát đạo như vậy, Bồ tát chẳng có chỗ an trú. Bồ tát dùng “vô trú pháp” hành bố thí Ba-la-mật, mà chẳng an trú trong pháp ấy; hành trì giới Ba-la-mật... dẫn đến hành Bát nhã Ba-la-mật; hành 4 thiền, hành 4 vô lượng tâm, hành 4 vô sắc định, hành 8 bối xả, hành 9 thứ đệ định v.v... cũng chẳng an trú trong các pháp ấy. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tánh không.

Dẫn đến được các quả Thanh Văn, được Bích Chi Phật đạo, được Phật đạo, Bồ tát cũng chẳng an trú trong đó.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Bồ tát chẳng an trú trong các pháp?

Phật dạy: Có 2 nhân duyên khiến chẳng an trú trong các pháp. Đó là:

- Các đạo quả là tánh không, chẳng có chỗ trú, chẳng có chỗ dụng pháp, cũng chẳng có người trú.

- Chẳng lấy sự việc nhỏ làm đủ.

Bồ tát tự nghĩ rằng, “Ta chớ nên an trú trong 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo... dẫn đến chẳng nên an trú trong Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì từ sơ phát tâm cho đến nay, ta chỉ nhất tâm hướng về Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có xen các tâm khác vào vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp đều bất sanh, thì làm sao Bồ tát lại hay sanh Bồ đề đạo?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều chẳng sanh (vô sanh). Vì chẳng sanh (vô sanh) nên chẳng tác (vô tác). Vì chẳng tác (vô tác) nên chẳng khởi (vô khởi). Bởi vậy nên nói hết thấy pháp bất sanh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Có Phật hay chẳng có Phật thì các pháp vẫn thường trú chẳng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Dù có Phật hay dù chẳng có Phật thì các pháp vẫn thường trú.

Bởi vì chúng sanh chẳng biết gì về pháp trú, pháp tướng, nên vì chúng sanh mà Bồ tát phải sanh Bồ đề đạo, nhằm cứu thoát chúng sanh ra khỏi sanh tử.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Dùng “sanh đạo” mà được Bồ đề chẳng?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Dùng “bất sanh đạo” mà được Bồ đề chẳng?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Dùng “bất sanh phi bất sanh đạo” mà được Bồ đề chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy, phải thế nào mới được Bồ đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải dùng “đạo” mà được Bồ đề, cũng chẳng phải dùng “phi đạo” mà được Bồ đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ đề tức là đạo, đạo tức là Bồ đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ đề tức là đạo, đạo tức là Bồ đề, thì Bồ tát khi chưa thành Phật, cũng được Vô Thượng Bồ Đề chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao. Phật được Vô Thượng Bồ Đề chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đức Phật chẳng được Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì Phật tức là Bồ đề, Bồ đề tức là Phật.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Theo như chỗ ông hỏi, thì lẽ ra Bồ tát cũng được Bồ đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát nào tu đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, đầy đủ 37 Phẩm Trợ Đạo, đầy đủ 10 Phật lục, đầy đủ 4 vô sở úy, đầy đủ 4 vô ngại trí, đầy đủ 18 bất cộng pháp... dẫn đến đầy đủ an trú kim cương tam muội, dùng nhất niệm tương ưng huệ là được Vô Thượng Bồ Đề. Lúc bấy giờ được gọi là Phật, được tự tại ở nơi hết thảy pháp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là tịnh Phật quốc độ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát từ sơ phát tâm đến nay tự trừ các thô nghiệp ở nơi thân khẩu và ý, cũng giúp người khác thanh tịnh được các thô nghiệp nơi thân khẩu và ý của họ.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những gì là thô nghiệp nơi thân, nơi khẩu và nơi ý của Bồ tát?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Những nghiệp bất thiện, như sát sanh, như tà kiến v.v... là thô nghiệp ở nơi thân khẩu và ý của Bồ tát.

Lại nữa này Tu Bồ Đề! Xan tham, phá giới, sân nhuế, giải đãi, tán loạn, ngu si v.v... đều là thô nghiệp ở nơi thân khẩu và ý của Bồ tát. Giới bất tịnh cũng là thô nghiệp ở nơi thân khẩu và ý của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Xa lìa 4 niệm xứ là thô nghiệp của Bồ tát. Xa lìa 4 chánh cần... dẫn đến xa lìa 8 thánh đạo cũng là thô nghiệp của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Tham chấp quả A-la-hán, tham chấp Bích Chi Phật đạo... dẫn đến tham chấp Phật đạo cũng là thô nghiệp của Bồ tát.

LUẬN:

Các câu hỏi mà ngài Tu Bồ Đề nêu lên về pháp “không” đã được Phật giải đáp đầy đủ. Ngài Tu Bồ Đề đã biết rõ thể tịch diệt là chẳng có hý luận, nên ngài chẳng còn hỏi thêm gì nữa, mà chỉ niệm rằng “Chư đại Bồ tát và chư Thiên, do đã thâm nhập vào thâm thiền định nên chẳng ưa nói nhiều, chỉ mong cầu được pháp lợi mà thôi”.

Hỏi: Vì sao ngài Tu Bồ Đề chỉ tâm niệm, chẳng có dùng ngôn thuyết, mà Phật lại dùng ngôn thuyết để đáp lại?

Đáp: Trước đây đã nói rằng người nhìn thân Phật mãi cũng chẳng có nhàm chán; nay người nghe Phật nói cũng chẳng nhàm chán vậy.

Dù Phật dùng ngôn thuyết nói ra, nhưng vẫn chẳng làm

gì ngăn ngại chư Bồ tát và chư Thiên thâm nhập vào các vi tế thiên định cả. Bởi vậy nên Phật đã dùng ngôn thuyết để đáp lại ngài Tu Bồ Đề.

Phật đã an lập nơi Bồ đề tịch diệt, chẳng còn phân biệt các pháp là thiện hay là ác, nhưng vẫn tùy theo chỗ niệm của chúng sanh mà phương tiện dùng ngôn thuyết để đáp lại nhằm giải nghi cho họ.

Ngài Tu Bồ Đề tự niệm rằng, “6 pháp Ba-la-mật nghĩa lý quá thâm sâu, chẳng bờ mé; khi mà 6 pháp Ba-la-mật là thật pháp trang nghiêm, thanh tịnh, thì Bồ tát làm sao có thể hành Bồ tát đạo?”

Phật biết rõ tâm niệm của ngài Tu Bồ Đề, vì tự lợi ít mà vì lợi ích cho chư Bồ tát nhiều hơn, nên đã đáp lại rằng, “6 pháp Ba-la-mật là Bồ tát đạo; 37 Phẩm Trợ Đạo, 8 bối xả, 9 thứ đệ định là Bồ tát đạo; 10 Phật lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp là Bồ tát đạo; tất cả các pháp đều là Bồ tát đạo cả”.

Bồ tát vì thương xót chúng sanh mà học 6 pháp Ba-la-mật để làm lợi ích cho chúng sanh; học 37 Phẩm Trợ Đạo để cầu Niết Bàn; rồi lại học 18 pháp không, khiến ở ngay nơi Niết Bàn mà có thể vượt qua khỏi Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa, vào thẳng Bồ tát vị.

Các vị “pháp tánh sanh thân Bồ tát” hành đầy đủ cả 3 thừa đạo. Vì sao? Vì các ngài phải phân biệt các pháp để phương tiện giáo hóa chúng sanh. Đối với các ngài thì tất cả các pháp đều là Bồ tát đạo. Khi thật hành các pháp, các ngài chẳng phân biệt tốt xấu, hơn thua vì các ngài đã an lập các pháp ở trong tướng bình đẳng rồi vậy.

Nơi đây, Phật tự nói nhân duyên Bồ tát phải học hết thấy pháp. Nếu chẳng học như vậy thì chẳng được Nhất thiết

chủng trí. Bồ tát phải học tất cả các pháp, phải dùng tất cả các môn, lại phải tư duy, trừ lượng, tu quán mới thông đạt được tất cả các pháp vô ngại vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thầy pháp đều là nhất tướng, vô tướng, thì vì sao Bồ tát phải học hết thầy pháp? Như vậy là ở nơi chẳng có hý luận lại làm ra có hý luận. Do hý luận mới có phân biệt là pháp thế gian, là pháp xuất thế gian, là pháp hữu lậu, là pháp vô lậu v.v... Do hý luận mới có 3 thừa giáo vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Hết thầy pháp đều là nhất tướng, vô tướng. Vì chẳng có tướng nên là chẳng có sanh diệt, là chẳng có cấu tịnh, chẳng tăng giảm. Bởi vậy nên là chẳng có 4 thánh đế... dẫn đến chẳng có Phật, Pháp, Tăng. Như vậy là 3 ngôi Tam bảo cùng với hết thầy pháp đều bình đẳng. Các pháp thật sự là không... dẫn đến tướng “không” đó cũng là không. Do ngu si điên đảo, chúng sanh chấp “có” các pháp vậy thôi.

Bồ tát khởi tâm đại bi, muốn dẫn dắt chúng sanh ra khỏi các chấp điên đảo. Bồ tát dùng phương tiện giáo hóa chúng sanh, khiến họ sanh tâm tín thọ mà bỏ tâm chấp điên đảo, vào nơi thật tướng của các pháp. Tuy biết rõ các pháp đều là không, nhưng vì lợi ích chúng sanh mà Bồ tát vẫn phải phân biệt nói ra các pháp, để chúng sanh tự tu tập, lần lần vào được pháp không. Bồ tát trú trong pháp tướng không, chẳng cần phải phân biệt các pháp làm gì nữa, nhưng khi hành Bồ tát đạo vẫn phải tư duy rằng, “Hết thầy pháp do nhân duyên hòa hợp sanh, mà các nhân duyên đó cũng lại do nhân duyên khác hòa hợp khởi ra, nên tất cả đều là rốt ráo không. Nơi rốt ráo không, thì chỉ là nhất tướng, là thật tướng vậy. Từ vô thủy cho đến nay, chúng sanh do chấp ngã mà phải đọa vào trong các nẻo đường sanh tử, thọ nhận bao nhiêu khổ đau”.

Bồ tát lại tự nghĩ rằng, “Chư Phật 10 phương 3 đời là cha ta; Bát nhã Ba-la-mật là mẹ ta. Từ nay ta chẳng nên rong ruổi theo các pháp hư vọng”.

Bồ tát nghĩ như vậy rồi, nên “rốt ráo không” còn chẳng chấp, huống nữa là chấp các pháp. Bồ tát dùng trí huệ chiếu minh Bồ tát đạo nên được tâm an ổn, tự biết rằng một khi đã đoạn được tâm chấp rồi thì đạo tự nhiên đến. Được như vậy rồi, Bồ tát lại nghĩ đến chúng sanh chỉ vì chấp đắm thế gian mà chẳng tin thọ các pháp là rốt ráo không, là chẳng có tự tánh, là chẳng có trú xứ vậy. Bồ tát muốn chúng sanh tin thọ, nên tự mình thọ hết thầy pháp và tu hành hết thầy pháp, để phương tiện độ chúng sanh, Bồ tát niệm chúng sanh tâm, biết chúng sanh đang niệm pháp gì, đang muốn làm việc gì, và biết rõ chỗ chấp đắm của chúng sanh đều là chẳng có căn bản thật sự. Vì sao? Vì chỗ chấp đắm của chúng sanh đều là hư dối, chẳng thật có vậy.

Ví như có đứa nhỏ vui chơi ở chỗ bất tịnh, lấy cỏ rác dơ bẩn làm đồ chơi, như làm nhà cửa, làm các thú vật v.v... Đang lúc say mê chấp đắm, nếu có ai đến quấy phá thì nó liền tức giận, khóc lóc. Nếu có cha mẹ hay người lớn tuổi cho biết rõ về sự bất tịnh đó thì nó sẽ dễ dàng xa lìa chỗ đó, tìm chỗ khác để chơi. Trẻ nhỏ chấp đắm còn dễ xả; còn người già chấp đắm thì rất khó xả. Cũng như vậy, 5 dục là bất tịnh, là vô thường. Chúng sanh chẳng biết như vậy nên mãi rong ruổi theo 5 dục, khiến phải bị chìm đắm mãi trong biển khổ sanh tử. Bồ tát dạy chúng sanh tu 5 căn, 5 lực, khiến họ xa lìa được chỗ chấp, được ly dục. Thế nhưng đối với những người mà tâm chấp đắm dục lạc quá sâu dày, thì cũng rất khó làm cho họ xả được tâm chấp đó vậy.

Nếu tu được huệ nhãn thanh tịnh vô lậu, biết tầm quý, thì mới có thể xa lìa hẳn chỗ chấp đó. Ví như người bị bệnh

cuồng điên làm việc phi pháp mà chẳng hay biết gì; đến khi tỉnh ngộ mới biết xấu hổ về việc làm sai trái của mình vậy.

Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, dùng lực phương tiện giáo hóa chúng sanh, nói với họ rằng, “Các người nên hành bố thí sẽ được giàu có, nhiều của cải. Thế nhưng các người chớ nên chấp quả báo bố thí, mà sanh kiêu mạn, vì quả báo bố thí là không, chẳng có bền chắc, cũng bị phá hoại. Khi hành bố thí và khi chưa hành bố thí chẳng có gì sai khác. Tuy rằng bố thí thanh tịnh có lợi ích lớn, nhưng pháp thanh tịnh đó cũng do các nhân duyên hòa hợp sanh, nên cũng chẳng có tự tánh. Nếu chấp quả báo bố thí, thì các người cũng sẽ phiền não, khổ đau”.

Bồ tát dạy chúng sanh hành Bồ tát đạo, tự mình chẳng chấp đắm đạo quả, cũng dạy chúng sanh chẳng chấp đắm đạo quả. Ví như khi hành bố thí, Bồ tát chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có người thọ, chẳng thấy có tài vật thí; dẫn đến Bồ tát cũng chẳng chấp quả báo bố thí. Vì sao? Vì nếu chấp quả báo bố thí thì sẽ sanh tâm tự cao, thành ra có tội lỗi vậy. Khi quả báo đó đã hoại diệt rồi, thì cũng sẽ sanh phiền não.

Tu 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến tu Vô Thượng Bồ Đề cũng là như vậy. Nơi đây, Phật tự nói các nhân duyên chẳng nên trú trong các pháp:

- Bồ tát đã thâm nhập vào pháp không, nên biết rõ đạo quả là tánh không, chẳng có chỗ trú, chẳng có chỗ dụng pháp, cũng chẳng có người trú.

- Bồ tát chẳng cho việc làm có lợi ích nhỏ là đầy đủ. Bồ tát còn muốn tiến lên nữa, nhất tâm hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thấy pháp đều là bất sanh, thì làm sao Bồ tát lại hay sanh Bồ đề đạo?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Hết thầy Phật pháp đều chẳng sanh. Ta thật đã nhiều lần nói về các pháp vô sanh, nhưng chẳng phải vì phạm phu mà nói. Ta chỉ vì những người đã được “vô tác giải thoát” mà nói; ta nói với họ chớ nên khởi các thô nghiệp ở thân khẩu và ý.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Có Phật hay chẳng có Phật thì các pháp vẫn thường trú chẳng? Thánh pháp là tự tướng không. Vậy phạm phu pháp cũng là như vậy chẳng?

Phật dạy: Thật tướng các pháp là thường trú. Vì chúng sanh chẳng biết, chẳng giải, nên phải sanh Bồ đề đạo. Chỉ có phạm phu điên đảo mới chấp có đạo. Nếu quyết định chấp có đạo, tức là điên đảo vậy. Vì sao? Vì đạo và phi đạo bình đẳng, thì đó tức là đạo. Chớ nên nạn hỏi làm gì nữa.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Có thể dùng sanh đạo mà được Bồ đề chẳng?

Phật dạy: Chẳng được vậy.

Vì sao? Vì người sanh đạo là người quán pháp hữu vi có tướng sanh diệt mà cho là thật. Pháp bất sanh là pháp vô vi, vô tác. Bởi vậy nên chẳng thể nói đắc Bồ đề, vì sanh và bất sanh đều có lỗi cả.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Dùng “bất sanh phi bất sanh đạo” mà được Bồ đề chẳng?

Phật dạy: Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Như vậy, phải thế nào mới được Bồ đề?

Phật dạy: Nếu còn phân biệt bất sanh và phi bất sanh là còn phân biệt tốt xấu, còn chấp tướng vậy. Nghĩ tốt cũng sanh chấp tướng, nghĩ xấu cũng sanh chấp tướng, nên cả hai đều có lỗi cả. Chẳng chấp mới thật là Bồ đề

đạo. Chẳng dùng đạo, cũng chẳng dùng phi đạo mới được Bồ đề.

Vì sao? Vì Bồ đề tức đạo, đạo tức Bồ đề. Bồ đề cũng gọi là thật tướng các pháp. Các đức Phật đã vào nơi thật tướng pháp là rốt ráo, chẳng có biến đổi, vì khi hết thấy pháp đã vào trong Bồ đề rồi, thì đều là tướng tịch diệt vậy. Ví như nước từ nhiều dòng sông khác nhau, khi đã chảy vào biển cả rồi thì đều thành một vị chẳng có sai khác. Phật tánh cùng Bồ đề tánh là nhất tánh. Nếu Bồ đề và đạo có tánh khác nhau, thì chẳng gọi là Bồ đề. Bồ đề là tướng tịch diệt, chẳng có hý luận, nên nói Bồ đề tức là đạo, đạo tức là Bồ đề. Nếu 2 pháp ấy mà khác nhau, thì những người hành đạo cũng thể đến được Bồ đề. Vì sao? Vì nhân và quả là chẳng phải một, mà cũng chẳng phải khác vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Như vậy Bồ tát hành đạo phải là Phật chẳng? Vì sao? Vì Bồ đề tức là đạo, thì Phật cũng tức là Bồ tát vậy.

Giữa Phật và Bồ tát có sai khác. Phật có đầy đủ công đức, có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp; Bồ tát chẳng được như vậy. Thế nhưng, ngài Tu Bồ Đề vì hàng tân học Bồ tát cần phải phân biệt rõ, nên mới nạn hỏi Phật như vậy.

Phật lại hỏi ngài Tu Bồ Đề rằng: Phật có được Vô Thượng Bồ Đề chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng được vậy.

Vì sao? Vì Bồ đề chẳng ly Phật. Phật chẳng ly Bồ đề. Hai pháp ấy hòa hợp với nhau, nên gọi là Phật tức là Bồ đề, Bồ đề tức là Phật.

Hỏi: Phật là người, Bồ đề là pháp. Như vậy, vì sao nói Phật tức là Bồ đề?

Đáp: Trước đây đã nói rằng người đầy đủ 32 tướng tốt trang nghiêm thân, đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật trang nghiêm tâm chưa có thể gọi là Phật. Phải được Bồ đề mới gọi là Phật. Vì sao? Vì Phật và Bồ đề chẳng có sai khác.

Do 5 âm vi diệu thanh tịnh hòa hợp mà giả danh là Phật. Pháp cũng là 5 âm hòa hợp, mà 5 âm chẳng ly giả danh Bồ đề. Bồ đề tức là thật tướng của 5 âm, vì hết thảy pháp ở nơi thật tướng đều vào trong Bồ đề vậy. Bởi vậy nên nói Phật tức là Bồ đề, Bồ đề tức là Phật. Chỉ có phàm phu ngu muội mới phân biệt Phật và Bồ đề là 2 pháp khác nhau vậy thôi.

Hỏi: Trước đây nói Bồ đề cùng đạo là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Nay vì sao kinh lại nói “Đạo tức là Bồ đề, Bồ đề tức là đạo”, rồi lại nói Phật tức là Bồ đề, Bồ đề tức là Phật”?

Đáp: Dù nói “một”, dù nói “khác” cũng đều chẳng phải thật. Phần nhiều thường dùng “một”, nên nói “Đạo tức Bồ đề, nói Bồ đề tức đạo”, nói Phật tức Bồ đề, nói Bồ đề tức Phật” đều chẳng có lỗi lầm.

Ví như “thường” và “vô thường” là hai bên đối đãi nhau. “Thường” phần nhiều hay dẫn sanh phiền não, nên ít được dùng. “Vô thường” hay phá được phiền não, nên được dùng nhiều hơn. Thế nhưng chấp thường và chấp vô thường đều là lầm lỗi. Khi đã dùng “vô thường” để phá chấp “thường”, thì phải xả luôn cả “vô thường”.

Trên đây cũng là như vậy. Nếu quán các pháp khác nhau, thì phần nhiều sanh tâm chấp; trái lại, nếu quán các pháp là nhất tướng, như quán các pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã, thì ít khởi phiền não, nên ít sanh tâm chấp vậy.

Bởi vậy nên phần nhiều dùng “một”. Thế nhưng khi đã vào được nơi thật tướng nghĩa, thì “một” cũng chẳng còn

dùng nữa, vì nếu còn chấp “một”, thì cũng là lầm lỗi vậy. Nói “một”, nói “hai”, nói “khác” v.v... đều là nói lên những tướng đối đãi. Phải chẳng khởi chấp tâm, chẳng thủ tướng mới là chẳng lầm lỗi. Nói “nhất tướng” cũng chẳng thật, nên Bồ tát phải chẳng đắc hết thấy pháp tướng mới là Phật vậy.

Nơi đây, Phật nói lên nhân duyên Bồ đề tuy là tướng tịch diệt, nhưng Bồ tát phải đầy đủ các công đức, phải trú trong kim cương tam muội, ở trong nhất niệm tương ưng huệ mới được Vô Thượng Bồ Đề. Đến khi được tự tại vô ngại nơi hết thấy pháp, thì sẽ được gọi là Phật. Bồ tát tuy biết đạo và Bồ đề chẳng khác, nhưng vì chưa đầy đủ công đức, nên chưa được gọi là Phật.

Phật rốt ráo được đầy đủ các công đức các hạnh nguyện nên chẳng còn được gọi là Bồ tát, mà được gọi là Phật. Ở trong đạo Bồ đề mà còn cầu Bồ đề, thì vẫn còn gọi là Bồ tát.

-oOo-

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật nói về Bồ đề, về đạo, về thành tựu chúng sanh, nên lại hỏi Phật: Thế nào gọi là tịnh Phật quốc độ? Vì sao chư vị A-la-hán, Bích Chi Phật chẳng làm được việc tịnh Phật quốc độ?

Hỏi: *Thế nào gọi là tịnh Phật quốc độ?*

Đáp: Một Phật độ gồm trăm ức mặt trăng, mặt trời, trăm ức núi Tu Di, trăm ức cõi trời, gồm cả 3.000 đại thế giới. Cũng có thể nói 3.000 đại thế giới thành 1 Phật độ.

Ở trong Phật độ, Phật thường làm các Phật sự, thường hành bố thí, ngày đêm 6 thời thường dùng Phật nhãn quán chúng sanh khắp trong 10 phương, Phật biết rõ chúng sanh

nào đã gieo trồng thiện căn thuần thực thì dùng thần lực để hóa độ họ. Phật lại dùng thần lực đến các chỗ, tùy theo căn cơ của chúng sanh để giáo hóa họ, khiến ở nơi ngoại duyên họ được tùy ý, chẳng còn sanh phiền não nữa.

Nếu chúng sanh nào gặp các nhân duyên bất tịnh, vô thường thì họ chẳng còn sanh lòng tham dục, phiền não. Nếu chúng sanh nào gặp các nhân duyên không, vô sở hữu, thì họ chẳng còn sanh si mê, phiền não. Nếu chúng sanh nào được tâm vô ngã rồi, thì họ chẳng còn sanh lòng xan tham, sân hận v.v...

Bởi vậy nên, muốn cho chúng sanh dễ được độ. Bồ tát thường trang nghiêm quốc độ của mình, chẳng thiếu thứ gì cả. Ở nhiều quốc độ, các cây thường vang lên tiếng pháp thật tướng, thuyết về vô sanh, vô diệt, vô khởi, vô tác. Chúng sanh ở các nước ấy chỉ nghe diệu âm, chẳng nghe các tạp âm khác. Ở nơi đây, chúng sanh được căn tánh thông lợi, nên rất dễ vào được nơi thật tướng pháp.

Tịnh Phật quốc độ có nghĩa là trang nghiêm cõi Phật, như trong kinh *Di Đà* và nhiều kinh khác đã có giải rõ về cảnh giới Tịnh Độ.

Phật dạy: Từ sơ phát tâm, Bồ tát vẫn thường tự tịnh các thô nghiệp ở nơi thân, khẩu và ý, cũng dạy người khác tịnh các thô nghiệp ở nơi thân, khẩu và ý của họ.

Hỏi: Vì sao nói Bồ tát được vô sanh pháp nhãn thường an trú trong các thân thông, rồi sau đó mới tịnh Phật quốc độ?

Đáp: Thanh tịnh các nghiệp ở nơi thân khẩu và ý chưa phải là tịnh Phật quốc độ. Hết thấy các Bồ tát hành Bồ tát đạo đều phải thanh tịnh 3 nghiệp ấy. Có tịnh được 3 nghiệp thân khẩu và ý, thì sau đó mới tịnh được Phật quốc độ. Đây có nghĩa là phải tịnh tự thân mình và cũng tịnh người khác.

Vì sao? Vì chẳng phải chỉ một người thanh tịnh, sanh về cõi Tịnh Độ mà thôi, mà còn phải có nhiều người đồng làm các nhân duyên thanh tịnh, ở nội pháp cũng như ở ngoại pháp, mới diệt trừ được các nhân duyên bất thiện. Vì sao? Vì nếu có nhiều lời nói ác, thì ở cõi nước ấy sẽ sanh ra nhiều gai góc, nếu có nhiều tâm siểm nịnh, thì ở cõi nước ấy mặt đất sẽ gồ ghề, chẳng có bằng phẳng; nếu có nhiều tâm xan tham, thì sông ngòi thường khô cạn, đất thường sanh nhiều sạn sỏi. Trái lại, nếu chúng sanh chẳng hề làm việc ác, thì ở cõi nước ấy mặt đất sẽ bằng phẳng đất thường sanh các trân bảo. Như trong kinh có nói rằng đến thời đức Phật Di Lạc ra đời, tất cả mọi người đều tu 10 thiện đạo, nên ở cõi nước của ngài, đất sanh ra nhiều trân bảo.

Hỏi: *Nếu bỏ thí và làm các thiện pháp khác là tịnh Phật quốc độ, thì vì sao chỉ nói đến việc tịnh 3 nghiệp ở nơi thân khẩu ý mà thôi?*

Đáp: Phải nên biết rằng các pháp ác, pháp thiện đều là nhân duyên khổ lạc; và khi đã được đạo rồi, thì trong hết thảy các tâm và tâm sở, trí huệ là thù thắng hơn hết.

Có nhiếp tâm trong định mới làm nên đại nghiệp. Thế nhưng tư duy vẫn là dẫn đạo, vì có tư nghiệp mới khởi ra các nghiệp ở thân khẩu và ý. Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, thiên định... đều do tư duy dẫn đầu. Ví như may áo phải dùng kim để hướng dẫn sợi chỉ. Chúng sanh do nghiệp lực dẫn dắt mà phải thọ các quả báo ở đời sau. Bởi vậy nên nói 3 nghiệp thân khẩu và ý nhiếp hết thảy các nghiệp. Lại nói ý nghiệp tận nhiếp hết thảy các thân khẩu và ý nghiệp, nhiếp hết thảy các sắc pháp vào thân hành, khẩu hành và ý hành.

Nếu trong 3 cõi có 3 nghiệp phước đức đầy đủ, thì quốc độ là y báo cũng sẽ được thanh tịnh; nội pháp là chánh báo

tịnh, và ngoại pháp là y báo cũng tịnh. Ví như mặt sạch thì soi vào gương cũng thấy sạch vậy.

Như trong kinh *Duy Ma Cát* có nói, “Do chẳng có sát sanh mà được trường thọ”.

Hỏi: *Các thô nghiệp ở nơi thân khẩu và ý rất dễ biết. Như vậy vì sao ngài Tu Bồ Đề còn phải hỏi?*

Đáp: Đối với người cầu đạo, thì thô và tế chẳng có định vậy. Ví như đối với người bạch y cư sĩ thì bố thí là thô thiện; còn đối với hàng Tiểu thừa thì bố thí là tế thiện. Lại ví như ý bất thiện là thô, ý thiện là tế. Ở trong pháp Đại thừa, thì chấp tướng thiện... dẫn đến chấp tướng Niết Bàn cũng gọi là thô. Bởi vậy nên đối với người tu hành, thì “thô và tế” chẳng có định vậy.

Hỏi: *Phật thứ lớp nói về các tướng nghiệp từ thô đến tế. Vì sao ở đoạn kinh trên đây, Phật đặc biệt nói về các thô nghiệp của Bồ tát?*

Đáp: Tất cả các nghiệp ở thân khẩu và ý (gồm 3 ở thân, 4 ở khẩu và 3 ở ý) đều là thô nghiệp. Ví như sát sanh, tà kiến, dâm dục v.v... đều là các tướng nghiệp thô.

Đối với hàng Bồ tát chi hành 6 pháp Ba-la-mật mà còn đây tâm xan tham cũng gọi là thô nghiệp.

Hỏi: *10 bất thiện nghiệp đạo đã có nhiếp xan tham rồi. Nay vì sao còn nói riêng về xan tham nữa?*

Đáp: 6 Ba-la-mật chẳng vào trong 10 bất thiện nghiệp đạo. Vì sao? Vì 10 bất thiện nghiệp đạo làm não loạn chúng sanh mà 6 pháp Ba-la-mật chẳng có làm não loạn chúng sanh. Thế nhưng, khi hành 6 pháp Ba-la-mật mà Bồ tát còn tiếc của cải, còn tiếc thân mạng, thì mặc dù chẳng có gây

phiền não cho chúng sanh cũng vẫn gọi là thô nghiệp của Bồ tát. Đây vẫn là hiện tượng của tâm xan tham.

Tâm tham thể hiện ở 2 mức độ khinh trọng (nhẹ nặng) khác nhau:

- Nhẹ như có dấy lòng tham của người khác, mà chẳng làm não hại người.

- Nặng như khi lòng tham quá mạnh mà chẳng được thỏa mãn dẫn đến các hành động tội lỗi, cướp của, giết người v.v... Lúc bấy giờ mới gọi là “bất thiện nghiệp đạo”.*

Tâm sân cũng là như vậy. Mới dấy lòng sân thì chưa gọi là nghiệp đạo. Khi tâm sân quá mạnh dẫn đến tạo ác nghiệp thì mới gọi là nghiệp đạo.

Hỏi: Thế nào gọi là giới bất tịnh?

Đáp: Sát sanh, phá giới v.v... là thô tội; còn giới bất tịnh là tế tội.

Ví như uống rượu mà chưa làm phiền nhiễu chúng sanh, thì chưa vào trong 10 bất thiện nghiệp đạo. Ví như thường bị 3 độc che tâm, chẳng muốn niệm tịnh giới, chỉ muốn cầu thiện phước báo là trì giới với tâm tà vậy, chưa vào trong 10 bất thiện nghiệp đạo. Các trường hợp như vậy gọi là giới bất tịnh.

-o0o-

Nếu hành Bồ tát đạo mà xa lìa 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, xa lìa 3 giải pháp môn v.v... thì gọi là thô nghiệp

*. Nghiệp đạo là con đường nghiệp, dẫn từ nghiệp duyên đến nghiệp quả. Tùy theo mình làm thiện, làm ác như thế nào mà nghiệp lực đó sẽ đưa mình vào trong các nẻo đường sanh tử, để hưởng phước báo, hay để chịu khổ báo.

của Bồ tát. Vì sao? Vì khi hành các pháp môn đó, thì tâm quán thật pháp, tùy theo Niết Bàn, chẳng tùy theo thế gian, nhưng khi ra khỏi các pháp môn đó, thì tâm lại rối loạn, chẳng được an định.

Ví như bán tánh của rắn là bò quanh co. Khi rắn chui vào ống tre thì bò thẳng theo ống tre, nhưng ra khỏi ống tre thì lại trở lại bò quanh co như cũ vậy.

Lại nữa, khi hành Bồ tát đạo mà tham chứng 4 quả Thanh Văn cũng là thô nghiệp của Bồ tát.

Vì sao? Vì nếu nghe Phật nói người được quả Tu-đà-hoàn sẽ chẳng còn bị đọa vào 3 đường ác, sẽ được thoát khổ, mà Bồ tát sanh tâm chấp đắm, thì sẽ bị lạc vào Thanh Văn địa, sẽ chẳng đến được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Ví như người phải đi 50 dặm đường mới lấy được nước, nhưng nếu ở dọc đường mà thấy có những giọt sương đọng trên lá cây, thì người ấy cũng có thể khởi tâm tham, thèm muốn nghỉ chân để tận hưởng. Vì sao? Vì người ấy chẳng giữ được tâm kiên cố vậy.

Bồ tát chỉ vì chúng sanh mà phát tâm làm Phật. Nay chỉ vì lợi ích riêng mà thù chúng quả Thanh Văn, thì như vậy là đối Phật, là phụ chúng sanh. Đây cũng là thô nghiệp của Bồ tát vậy.

Ví như người chủ nhà mời khách về nhà mình để thết đãi mà chẳng muốn tốn kém, chỉ muốn dọn qua loa vài món ăn mà thôi, thì như vậy là phụ lòng khách. Cũng như vậy, vì muốn độ hết thảy chúng sanh mà cầu được làm Phật. Nếu nay tham chấp đạo Thanh Văn và đạo Bích Chi Phật là mặc nhiên bỏ mất đại thế nguyện độ sanh của mình rồi vậy.

(Hết quyển 92)